

Số: 513/BV-VTTBYT  
V/v yêu cầu báo giá.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện thành phố Thủ Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư kỹ thuật cao với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện thành phố Thủ Đức
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:  
- Bà Vương Thị Sinh Số điện thoại: 028 22444167
- Cách thức tiếp nhận báo giá: gửi đồng thời bản mềm và bản cứng (bản giấy).  
- Nhận bản mềm qua email: [phongvtu.bvtd@gmail.com](mailto:phongvtu.bvtd@gmail.com)  
- Nhận trực tiếp bản giấy tại địa chỉ: Phòng Vật tư, thiết bị y tế (Phòng 105), Bệnh viện thành phố Thủ Đức – Số 14 Phú Châu, Phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: từ ngày 13 tháng 02 năm 2025 đến 11 giờ 30 ngày 24 tháng 02 năm 2024.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày báo giá.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục vật tư y tế: Liên hệ theo thông tin người tiếp nhận chào giá hoặc tải danh mục tại website bệnh viện: <https://benhvienthuthuduc.vn>
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện thành phố Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Yêu cầu về chào giá: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bệnh viện.
- Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp bao gồm các tài liệu sau:  
+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà cung cấp theo mẫu bệnh viện (có ký tên, đóng dấu);  
+ Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà cung cấp;  
+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác;  
+ Các thông tin khác (nếu có).

**Nơi nhận:**

- Các nhà thầu;
- Lưu: VT, P.VTTBYT, (S,2b).

KP GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
BỆNH VIỆN  
THÀNH PHỐ  
THỦ ĐỨC  
BS. CKII. Hoàng Văn Dũng



**DANH MỤC VẬT TƯ KỸ THUẬT CAO MỜI CHÀO GIÁ**

(Đính kèm công văn số... 513... ngày 13 tháng 02 năm 2025)

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Khớp háng bán phần không xi măng loại có 2 offset	<p><b>1. Chuôi xương đùi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ti6Al4V.</li> <li>- Lớp phủ: Titanium nguyên chất xốp</li> <li>- Kích thước: 10 kích cỡ: 6,25 -&gt; 20 tương ứng với chiều dài 137mm -&gt; 162,5mm;</li> <li>+ Góc cổ chuôi: 135°, cổ côn 12/14</li> <li>+ Offset: có 2 offset Standard; Lateralized</li> </ul> <p><b>2. Chỏm xương đùi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Cobalt Chromium Molybdenum</li> <li>- Kích thước: 28mm (-3,5; +0; +3,5; +7)</li> </ul> <p><b>3. Đầu chỏm Bipolar (Bipolar head):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim thép không gỉ</li> <li>- Kích thước: có 22 kích cỡ từ 39 -&gt; 60mm với mỗi bước tăng 1mm.</li> </ul> <p><b>4. Lót đầu chỏm Bipolar (Liner)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: làm từ polyethylen cao phân tử</li> <li>- Kích thước: 39-60mm</li> <li>- Có vòng khóa giữ chỏm xương đùi, đều sử dụng liner đường kính 28mm.</li> </ul>	Cái/Hộp	Bộ	5
2	Nẹp Khóa xương đòn chữ S chiều dài từ 117mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít vò 3.5 mm</li> <li>- Nẹp có các kích cỡ tương ứng với chiều dài từ 73 - 117 mm</li> <li>- Bề rộng lỗ nén ép: 4.5 ± 0.1 mm</li> <li>- Khoảng cách giữa 2 lỗ khóa: 14.0 ± 0.1 mm</li> <li>- Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23</li> <li>- Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide tại nhà sản xuất</li> <li>- Tương thích với bộ trợ cụ đi kèm</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</li> </ul>		Cái	20
3	Bảng ép cầm máu mạch quay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dụng cụ cầm máu đoạn xa đường quay dùng trong can thiệp tim mạch,</li> <li>- Có ba dây đeo giúp cố định vị trí cơ chế nén ép cầm máu gồm: dây đeo cổ tay, dây đeo yên cho ngón tay cái với móc an toàn và vòng dây gài có thể điều chỉnh được vị trí cài khóa theo kích thước cổ tay. Ngoài ra dây đeo có đoạn dây nối dài (tùy chọn) để phù hợp với bệnh nhân có bàn tay to.</li> <li>- Có một vị trí phồng bơm hơi thiết kế trên dây đeo để tạo áp tại vị trí rút sheath giúp cầm máu đường quay xa, chất liệu trong suốt giúp quan sát hình ảnh rõ ràng tại vị trí rút sheath,</li> <li>- Trên quả bóng bơm hơi có một van một chiều (Slip-n-Lock) giúp dễ dàng bơm hơi và xả hơi bằng ống tiêm.</li> <li>- Có kèm một Xi lanh 10ml với đầu xilanh được thiết kế phù hợp khóa một chiều (Slip-n-Lock), dùng để bơm khí hỗ trợ tạo áp lực nén ép lên mạch máu, hỗ trợ cầm máu đoạn quay xa.</li> <li>- Có sản phẩm phù hợp cho tay trái và tay phải</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>	5 cái/ Hộp	Cái	30
4	Bình chứa huyết khối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng nhựa trong suốt, dung tích cỡ khoảng 1000ml</li> <li>- Có nắp tháo rời, đầu kết nối với dây nối hút huyết khối, bộ lọc ngăn chất bẩn</li> <li>- Sử dụng kết nối với máy bơm hút huyết khối</li> </ul>	-	Cái	5
5	Bộ 1 nẹp tròn và sọ, 6 vít	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Bộ nẹp và sọ gồm 1 nẹp tròn 6 lỗ, đường kính &lt;= 25 mm, kèm 6 vít</li> <li>- Bề dày bản nẹp thuộc trong khoảng 0.2-0.3mm</li> <li>- Sử dụng hệ thống vít tự khoan xương sọ phù hợp với nẹp</li> <li>- Dùng cố định nắp sọ và che lỗ khoan sọ. Đóng hộp tiệt trùng sẵn.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	30
6	Bộ 3 nẹp kèm 6 vít tiệt trùng sẵn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Bộ nẹp và sọ gồm 3 nẹp thẳng 2 lỗ dài &lt;= 16mm, kèm 6 vít tự khoan</li> <li>- Dùng cố định nắp sọ. Đóng hộp tiệt trùng sẵn.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	30
7	Bộ chỉ thép có chốt, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V.</li> <li>- Dùng để cố định ở gãy, buộc giữ hoặc buộc tăng cường các mảnh gãy nhỏ, các đoạn xương gãy.</li> <li>- Có các đường kính 1.6mm hoặc 1.8mm ứng với chiều dài 650mm.</li> <li>- 1 bộ bao gồm: chỉ thép, chốt</li> </ul>		Bộ	5
8	Bộ đầu đốt phẫu thuật rung nhĩ đơn cực và lưỡng cực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dụng cụ phẫu thuật đốt rung nhĩ đơn cực và lưỡng cực sử dụng sóng cao tần với nước tưới IRF.</li> <li>- Hàm kẹp linh hoạt, hàm kẹp xoay được góc 300 độ.</li> <li>- Bộ gồm: 1 tay súng, 1 bút, dây giải nhiệt</li> </ul>	Hộp/1 cái	Cái	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
9	Bộ dây đo áp lực nội sọ tại não thất, cố định bằng cách tạo đường hầm trên da đầu, kèm dẫn lưu dịch não tủy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Catheter có gắn cảm biến (sensor) ở đầu nằm trong ống dẫn silicon 3mm, có que dẫn đường, có dây dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài để giải áp và có vạch đánh dấu độ sâu</li> <li>- Mũi khoan xương sọ có thể điều chỉnh độ sâu</li> <li>- Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan</li> <li>- Trocar có ống tạo đường hầm</li> <li>- Vòng nhựa cố định</li> <li>- Nút khóa để dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng : ISO, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	15
10	Bộ điều khiển cắt coil điện từ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ điều khiển kết nối có ED clip (nối với pusher) và Patient-side clip (sử dụng kèm với kim từ 20G - 22G để tiêm dưới da bệnh nhân).</li> <li>- Có đèn nhận biết khi cắt được coil</li> </ul>		Cái/Bộ	10
11	Bộ đinh đầu trên xương đùi, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V</li> <li>- Đinh được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á.</li> <li>- Đường kính: 9mm,10mm,11mm,12mm,13mm,14mm</li> <li>- Chiều dài: 170mm-&gt;380mm, tùy theo kích cỡ đường kính mà độ dài tương ứng,</li> <li>- Thành phần bao gồm: đinh, lưỡi chốt, vít chốt, ốc khóa trong, nút khóa trong, vít chốt.</li> <li>- Nắp đinh+ốc khóa trong: chống xoay ngược và ngăn chặn vít tụt ra.</li> <li>- Lưỡi chốt và vít chốt thay thế góc cổ xương đùi 130°</li> </ul>		Bộ	10
12	Bộ đinh nội tủy xương chày chất liệu Titanium	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Sử dụng khung ngám</li> <li>- Sử dụng vít chốt <math>\varnothing</math> 5.0mm ứng với chiều dài 30mm-100mm với bước tăng 5mm</li> <li>- Nắp đinh có <math>\varnothing</math> 8.4mm, chiều dài 15mm, chiều cao 5mm</li> <li>- Đinh có <math>\varnothing</math> 9mm-&gt;13mm, Chiều dài các cỡ</li> <li>- 1 bộ bao gồm: đinh, nắp đinh, vít chốt</li> </ul>		Bộ	5
13	Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao với áp lực tối đa 40 atm, thể tích bơm tiêm 25 ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao:</li> <li>- Áp lực tối đa 40atm</li> <li>- Thẻ tích bơm tiêm 25ml</li> <li>- Bơm bóng với áp suất thấp lẫn áp suất cao</li> <li>- Dung tích lớn cho phép nhanh chóng dễ dàng giảm áp</li> <li>- Tiêu chuẩn : ISO 13485 và FDA</li> </ul>		Cái	50
14	Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao với áp lực tối đa 40 atm, thể tích bơm tiêm 30ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao.</li> <li>- Áp lực tối đa 40 atm.</li> <li>- Thẻ tích bơm tiêm 30ml.</li> <li>- Bơm bóng với cả áp suất thấp lẫn áp suất cao.</li> </ul>	-	Cái	70
15	Bộ dụng cụ bơm Xi măng thân đốt sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống, bao gồm xi măng, bộ trộn và phân phối xi măng</li> <li>- Xi măng tạo hình đốt sống và chất lỏng pha</li> <li>- Bơm áp lực đẩy xi măng dạng súng và dây nối kim chọc dò.</li> <li>- Tổng dung dịch và bột xi măng <math>\geq 30g</math></li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng : ISO, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	30
16	Bộ dụng cụ đưa xi măng sinh học vào vít đa trục rỗng nòng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dụng cụ đưa xi măng sinh học vào vít đa trục rỗng nòng tiết trùng sẵn dùng trong phẫu thuật cột sống lưng có chỉ định bơm xi măng:</li> <li>- Dung tích kim bơm: 1.5cc</li> <li>- Tương thích với các vít rỗng nòng bơm xi măng cùng hãng sản xuất.</li> <li>- Đóng gói tiết trùng sẵn</li> <li>- Cung cấp kèm Bộ dụng cụ cố định cột sống tương thích và các dụng cụ hỗ trợ khác khi sử dụng.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng : ISO, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).</li> </ul>		Cái	30
17	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch máu các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu trúc sợi bện đan xen, thiết kế trục stylet, đoạn đánh dấu cân quang ở đầu xa</li> <li>- Chiều dài trục: 140 cm</li> <li>- Chiều dài đầu tip: 6 mm</li> <li>- Lớp phủ ái nước Hydrophilic dài 40 cm</li> <li>- Kích cỡ: 6F</li> <li>- Gồm: xylanh polycarbonate 30 ml có khóa, dây nối có khóa 2 chiều, dụng cụ đẩy, màng lọc 70 <math>\mu m</math>.</li> </ul>	Hộp/ 1 cái	Bộ	30

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
18	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi dài 11cm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene và Polypropylene, mềm dẻo</li> <li>- Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ</li> <li>- Holster giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ</li> <li>- Đùi các cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F dài 11cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau.</li> <li>- Có kèm theo kim chọc mạch 18Gx 7cm (mã 4F không kèm kim)</li> <li>- Có khóa 3 ngã</li> <li>- Có Guidewire kèm (làm bằng thép không gỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0.035" hoặc 0.038", dài 50cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu Âu), FDA (Cục quản lý Dược phẩm và Thực phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>	5 cái/ Hộp	Cái	1.000
19	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay xa các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dụng cụ mở đường quay (sheath Introducer)</li> <li>- Chất liệu Polyethylene và Polypropylene</li> <li>- Có lựa chọn khóa ba ngã</li> <li>- Thành mỏng đến 13%, có đường kính thân trong (ID) lớn hơn tương ứng đường kính thân ngoài (OD): ID/OD: 4F (1.57/1.78 mm); 5F (1.9/2.13 mm); 6F (2.24/2.44 mm); 7F (2.57/ 2.77 mm)</li> <li>- Có kèm lựa chọn Guidewire làm bằng thép không gỉ, nitinol và platinum, có 3 dạng thiết kế: dạng lõi chuẩn (mandrel), dạng cuộn (coil) hoặc phủ plastic (plastic jacket),</li> <li>- Có holster giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ</li> <li>- Đùi các cỡ 4F, 5F, 6F, 7F dài 7 cm, 11 cm, 16 cm, 23 cm mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu Âu) và FDA-Mỹ</li> </ul>		Cái	30
20	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay có công nghệ thành siêu mỏng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay có công nghệ thành siêu mỏng làm giảm đi 1Fr đường kính ngoài của sheath mà vẫn giữ được kích cỡ đường kính trong như các sheath tương tự.</li> <li>- Chất liệu: Lớp vỏ bằng ETFE, phủ lớp ái nước</li> <li>- Mini guidewire plastic cỡ 0.025" x 45cm;</li> <li>- Đường kính 5F, 6F, 7F, dài 10cm hoặc 16cm</li> </ul>	Cái	Cái	70
21	Bộ dụng cụ vít cố định khung giá đỡ động mạch chủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được thiết kế riêng cho can thiệp động mạch chủ ngực và bụng. Sử dụng trong những tổn thương có giải phẫu phức tạp, hỗ trợ xử lý stent graft trôi tuột sau đặt, trường hợp rò nội mạc tuỷ I.</li> <li>- Chất liệu vít: hợp kim Nitinol</li> <li>- Marker hình chữ C ở đầu xa giúp định vị bên, trước và sau.</li> <li>- Các bộ phận đi kèm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ống thông điều chỉnh hướng giúp định hình chính xác vị trí muốn đặt chân ghim.</li> <li>+ Cây điều khiển cầm tay dễ dàng sử dụng giúp đặt chân ghim chính xác vị trí mong muốn.</li> </ul> </li> <li>- Loại dùng trong can thiệp động mạch chủ ngực: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ống thông điều chỉnh hướng: dài 90cm, đường kính ngoài 18Fr.</li> <li>+ Cây điều khiển cầm tay: dài 114cm, đường kính ngoài 12Fr.</li> </ul> </li> <li>- Loại dùng trong can thiệp động mạch chủ bụng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ống thông điều chỉnh hướng dài 62cm, đường kính ngoài 16Fr</li> <li>+ Cây điều khiển cầm tay dài 86cm, đường kính ngoài 12Fr.</li> </ul> </li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE và FDA-PMA.</li> </ul>		Cái	1
22	Bộ hút huyết khối mạch vành kèm dây cứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng được cho hệ thống mạch chính và mạch ngoại biên.</li> <li>- Đường kính trong lòng loại 6F là 0.041". tương thích ống thông can thiệp kích thước trong lòng <math>\geq 0.071"</math>.</li> <li>- Chiều dài 145cm. Lớp phủ Hydrophilic</li> <li>- Có 1 marker cân quang được chế tạo bằng hợp kim Platinum / Iridium</li> <li>- Chiều dài đầu tip đến vị trí marker <math>\geq 3.0</math> mm</li> <li>- Dây thăm dò cứng dài 126.5 cm</li> <li>- Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1 catheter hút huyết khối ;</li> <li>+ 1 dây thăm dò cứng;</li> <li>+ 1-&gt;2 ống tiêm hút 60ml;</li> <li>+ 1-&gt;2 giỏ lọc 40µm;</li> <li>+ 1 dây nối van khóa vòi 1 hướng dài 28.5cm.</li> </ul> </li> </ul>	1 Bộ/ Hộp	Bộ	20
23	Bộ hút huyết khối mạch vành với ống hút 4F, tương thích ống thông dẫn đường 6F	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đường viền bên thép không gỉ giúp ống thông chống xoắn vặn tốt, và chịu được áp lực dòng chảy cao</li> <li>- Đầu tip thuận</li> <li>- Sử dụng cho mạch máu có đường kính <math>\geq 1.5</math>mm</li> <li>- Markers bằng chất liệu Platinum</li> <li>- Chiều dài Catheter hút 145 cm</li> <li>- Catheter 4F được thiết kế khoang hút lớn nhất</li> <li>- Guide wire tương thích: 0.014". Có đầu Rapid Exchange dài 20 cm để đi dây guide wire 0.014"</li> <li>- Đoạn ái nước 30 cm</li> <li>- Cung cấp kèm theo: 2 syringe hút 30 ml, 1 cái syringe flushing 4 ml, 1 khay chứa và làm đông máu chứa tối đa 60ml dung dịch và 2 cái lọc 70 micron, 1 tubing: 21.5 cm có stopcock.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu Âu) và FDA-Mỹ</li> </ul>		Cái	40

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
24	Bộ kết nối 3 cổng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu PolyCarbonate.</li> <li>- Đường kính trong (0.093"/0.25cm).</li> <li>- Có luer xoay và đầu xoay đui khí.</li> <li>- Chịu áp lực 200 PSI hoặc 500 PSI.</li> <li>- Khe thông suốt</li> <li>- Manifold với van kiểm tra chức năng tích hợp có với 3 cổng, thân dạng half, núm điều khiển off, bên phải.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>	25 Cái/hộp	Cái	1.500
25	Bộ kết nối chữ Y dùng trong truyền thuốc, truyền dịch các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Van cầm máu gồm 2 loại: Push - Click và Twist.</li> <li>- Van 180 psi (push-click) và 300 psi (twist) chống rò rỉ.</li> <li>- Tương thích với lòng 9F.</li> <li>- Thiết bị torque và Introducer tương thích với dây dẫn từ 0.014" - 0.021".</li> <li>- Bộ van cầm máu gồm nhiều thành phần: van, torque, dây nối, dây mở đường (tùy chọn).</li> </ul>	Cái/ Gói	Cái	100
26	Bộ kim và kẹp thu chỉ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ kim và kẹp thu chỉ dùng cho súng khâu chóp xoay</li> <li>- Kim tròn, uốn cong sẵn chất liệu nitinol.</li> <li>- Mũi kim có rãnh để mang và bảo vệ chỉ.</li> <li>- Tiệt trùng</li> </ul>	Cái/ hộp	Cái	50
27	Bộ Kit gồm vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và mạch máu ngoại biên, TACE (tiết niệu, sinh dục, gan, lách, thận) kèm vi dây dẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi ống thông có đầu xa siêu nhỏ, dành cho mạch máu siêu chọn lọc:</li> <li>- Lưu lượng dòng chảy lớn</li> <li>- Bọc Tungsten chống vận xoáy; chất liệu PTFE, đầu tip Marker Platinum, phủ lớp ái nước Hydrophilic</li> <li>- Phủ lớp ái nước dài: từ 60cm - 110cm.</li> <li>- Đường kính ngoài đầu gần: 2.7F - 2.9F</li> <li>- Đường kính ngoài đầu xa: 1.7F - 2.7F</li> <li>- Tương thích vi dây dẫn: từ 0.016" - 0.025"</li> <li>- Chiều dài: từ 70cm - 150cm.</li> <li>- Chịu được áp lực lên đến 1.000 PSI.</li> <li>- Kèm theo vi dây dẫn</li> </ul>		Bộ/Cái	50
28	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tương thích MRI toàn thân 1.5T và 3T, quản lý tạo nhịp thất, có chức năng gợi ý các thông số lập trình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo nhịp tim 1 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động.</li> <li>- Thể tích máy ≤ 9.7 cc.</li> <li>- Cho phép chụp MRI toàn thân 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân.</li> <li>- Quản lý tạo nhịp thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp.</li> <li>- Có chức năng gợi ý các thông số lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân.</li> <li>- Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/ phút.</li> </ul>		Bộ	10
29	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng nhịp, tương thích MRI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ máy tạo nhịp 1 buồng thay đổi nhịp theo nhu cầu cảm xúc VVI-CLS.</li> <li>- Tự động chuyển sang chương trình MRI - MRI AutoDetect, Kết nối wireless, có chức năng theo dõi từ nhà - Home Monitoring,</li> <li>- Thời gian hoạt động 14 năm 9 tháng.</li> <li>- Thể tích 10 cm<sup>3</sup>, kích cỡ 48 mm x 40mm x 6.5mm, thời gian hoạt động 14 năm 9 tháng.</li> <li>- Dây điện cực tạo nhịp với chất phủ fractal Iridium, tương thích cộng hưởng từ, dài 60 cm.</li> </ul>		Bộ	10
30	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp thay đổi theo nhu cầu cảm xúc, tương thích MRI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR, với nhịp sinh lý thay đổi nhịp theo nhu cầu cảm xúc CLS, tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến 4 W/Kg, và 3 Tesla ngoài vùng ngực.</li> <li>- Tự động chuyển sang chương trình MRI.</li> <li>- Kết nối wireless, đo trở kháng lồng ngực, cài sẵn chương trình Home Monitoring.</li> <li>- Dây điện cực tạo nhịp với chất phủ fractal Iridium, tương thích cộng hưởng từ, dài 53 và 60 cm.</li> </ul>	Hộp/Bộ	Bộ	7
31	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, với tương thích MRI toàn thân 3T	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo nhịp tim 2 buồng, có đáp ứng nhịp theo vận động.</li> <li>- Cho phép chụp MRI toàn thân 3T - không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân.</li> <li>- Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp.</li> <li>- Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân.</li> <li>- Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/ phút.</li> <li>- Tuổi thọ pin ≥ 14,9 năm.</li> </ul>		Bộ	8



STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
38	Bộ vít cột sống lưng đa trục kèm ốc khóa trong	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium/ Ti6AL4V</li> <li>- Vít cột sống đa trục ren đôi gồm ren bên và ren tù trên thân vít</li> <li>- Thiết kế ren đôi thể hiện lực kéo vượt trội. Góc xoay 40- 60 độ</li> <li>- Đường kính: Ø4.5mm, Ø5.0mm, Ø5.5mm, Ø6.0mm, Ø6.5mm, Ø7.0mm, Ø7.5mm</li> <li>- Chiều dài các cỡ, mỗi cỡ tăng 5mm sử dụng đồng bộ với ốc khóa trong và thanh rod</li> <li>- Sử dụng kết hợp đồng bộ với ốc khóa trong đều để cố định nẹp dọc</li> <li>- Ốc khóa trong có hình trụ tròn để cố định nẹp (thanh) dọc, sử dụng kết hợp đồng bộ với vít cột sống và đa trục..</li> <li>- Đồng bộ với nẹp dọc 5.5mm</li> <li>- Có trợ cụ hỗ trợ tương thích.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	120
39	Bộ vít cột sống lưng đơn trục kèm ốc khóa trong	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Titanium - Ti6AL4V</li> <li>- Vít đốt sống lưng đơn trục ren đôi gồm ren bên và ren tù trên thân vít</li> <li>- Thiết kế ren đôi thể hiện lực kéo vượt trội.</li> <li>- Đường kính: Ø4.0mm, Ø4.5mm, Ø5.0mm, Ø5.5mm, Ø6.0mm, Ø6.5mm, Ø7.0mm, Ø7.5mm</li> <li>- Chiều dài các cỡ, mỗi cỡ tăng 5mm phù hợp kết cấu của cuống sống lưng, sử dụng kết hợp đồng bộ với ốc khóa trong.</li> <li>- Sử dụng kết hợp đồng bộ với ốc khóa trong đều để cố định nẹp dọc</li> <li>- Ốc khóa trong có hình trụ tròn có 3 bước ren đều để cố định nẹp (thanh) dọc.</li> <li>- Đồng bộ với nẹp dọc 5.5mm</li> <li>- Có trợ cụ hỗ trợ tương thích.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	50
40	Bộ xi măng tạo hình thân đốt sống có cốt nâng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xi măng loại ít co giãn, độ nhớt trung bình, thành phần chắn bức xạ cao.</li> <li>- Nhiệt độ tỏa ra sau khi pha thấp hơn 65 độ C</li> <li>- Tổng dung dịch và bột xi măng <math>\geq 30g</math></li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.</li> <li>- Cốt nâng: chất liệu Ti-6Al-4V, mở rộng được ba chiều giúp phục hồi chiều cao đốt sống.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	15
41	Bơm áp lực cao trong chụp buồng tim mạch các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Polycarbonate; Acrylonitrile-Butadiene-Styrene.</li> <li>- Màn hình analog</li> <li>- Cơ chế khóa luồng (threaded locking) giúp tạo áp lực chính xác, tối đa đến 30 atm;</li> <li>- Thể tích xy lanh 20ml;</li> <li>- Phụ kiện tùy chọn: Van cầm máu, dụng cụ hỗ trợ đi dây wire, thiết bị torque, khóa 3 ngã.</li> <li>- Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO)</li> <li>- Hạn dùng 3 năm.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	1.100
42	Bóng cất nong mạch vành chống trượt Áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Catheter RX có bóng bằng Nylon 12, loại không đàn hồi, có áp lực khác nhau</li> <li>- Được đánh dấu cân quang cả hai đầu bóng bằng Platinum và Iridium, bao lớp siêu ái nước.</li> <li>- Độ dài catheter 142cm, độ dài lớp phủ ái nước từ đầu bóng đến cổng thoát 27cm.</li> <li>- Đường kính bóng 2.0 -&gt; 4.0mm; độ dài bóng 13mm, áp lực thường 14atm, áp lực vỡ bóng 24Atm</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</li> </ul>	Hộp/ 1 cái	Cái	30
43	Bóng cứng nong mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khẩu kính đầu xa: 0.43mm</li> <li>- Khẩu kính bóng: 0.85mm</li> <li>- Tráng phủ Hydrophilic</li> <li>- Áp lực nổ bóng cao lên tới 22 bar</li> <li>- Áp lực bơm bóng: 12 bar</li> <li>- Đường kính: 1.5 mm - 4.5mm</li> <li>- Chiều dài: 8mm - 30mm</li> <li>- 2 markers cân quang.</li> <li>- Nếp gấp bóng: 2 nếp, 3 nếp</li> </ul>	Cái/ Hộp	Cái	100
44	Bóng đo đường kính lỗ thông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính: 18mm -&gt; 34mm, chiều dài các cỡ.</li> </ul>	Hộp/ Cái	Cái	5
45	Bóng đối xung động mạch chủ 7.5Fr các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bao gồm: kim chọc, dây dẫn đường (Guidewire), bộ nong các kích cỡ, catheter, ống chích, khóa Stopcock ba ngã (Three – way Stopcock)</li> <li>- Đường kính catheter 7.5Fr</li> <li>- Có ba kích cỡ bóng dựa theo chiều cao bệnh nhân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Loại 40cc dùng cho người có chiều cao từ 162cm -&gt; 183cm</li> <li>+ Loại 34cc dùng cho người có chiều cao từ 152cm -&gt; 162cm</li> <li>+ Loại 25cc dùng cho người có chiều cao &lt; 152cm</li> </ul> </li> </ul>		Cái	25



STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
46	Bóng hỗ trợ điều trị túi phình mạch máu não	Bóng dùng che cổ trong phình mạch cổ rộng Dùng trong hỗ trợ đặt vòng xoắn kim loại điều trị túi phình cổ rộng Chiều dài và kích thước: các cỡ Tương thích với vi dây dẫn 0.010" hoặc 0.014"	-	Cái	5
47	Bóng mềm nong mạch vành	- Khẩu kính bóng: 0.58mm - Khẩu kính đầu xa: 0.399mm - Tráng phủ Hydrophilic - Đường kính từ 1.0 mm - 4.0mm - Chiều dài bóng: 6mm - 30mm - Áp lực tối đa: 14 atm; Áp lực bơm bóng: 6 atm - Nếp gấp bóng: 2 gấp, 3 gấp	Cái/ Hộp	Cái	100
48	Bóng nong áp lực cao với đường kính 2.0mm-5.0mm	- Bóng nong không đàn hồi chất liệu nylon - Kích thước đầu bóng $\geq 0.016"$ và đường kính thân bóng vượt tổn thương $\leq 0.032"$ . - Áp lực trung bình $\geq 10$ atm, áp lực gây vỡ bóng $\leq 18$ atm. Chiều dài thân bóng $\geq 6$ mm. - Đường kính 2.0 mm - 5.0mm, dài 6 mm - 27mm - Tiêu chuẩn FDA/PMA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái/ Hộp	Cái	100
49	Bóng nong áp lực thường với đường kính 1.25mm - 4.0mm	- Bóng nong bán đàn hồi chất liệu nhựa pellethane hoặc Pebax. - Kích thước đầu bóng $\geq 0.41$ mm và đường kính thân bóng vượt tổn thương $\leq 0.024"$ . - Đường kính bóng: 1.25 mm - 4.0mm, dài 6 mm - 30 mm - Có thể sử dụng 2 bóng đường kính bất kỳ trong kỹ thuật 'kissing balloon' với ống thông can thiệp loại 6F. - Tiêu chuẩn FDA/PMA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái/ Hộp	Cái	100
50	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên cho chậu đùi và dưới gối, đường kính 2.0mm đến 10.0mm, chiều dài 10mm đến 220mm, có 2 dạng: Monorail và Over-the-wire	- Đầu vào vị trí tổn thương khoảng 0.020". - Chất liệu Pebax trên bóng phủ lớp ái nước Hydrophilic. - Có 2 dạng: Monorail và Over-the-wire. - Catheter dài 40cm, 80cm, 90cm, 135cm, 150 cm. - Có 2 markers bằng vàng để nhận diện hơn. - Đường kính thuộc trong khoảng từ 2.0mm đến 10.0mm, chiều dài thuộc trong khoảng từ 10mm đến 220mm. - Tương thích dây dẫn 0.014"/0.018". - Áp lực vỡ bóng tối đa 14atm. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		Cái	10
51	Bóng nong điều trị hẹp động mạch cánh và mạch ngoại biên loại monorail	- Chiều dài bóng: các cỡ - Đường kính bóng: các cỡ - Tương thích ống thông 6F - Dây dẫn bóng 0.014" - Bung bằng bộ áp lực - Kết cấu dạng monorail	-	Cái	15
52	Bóng nong điều trị hẹp động mạch cánh và mạch ngoại biên loại Over-the-wire	Bóng nong điều trị nong mạch cánh, mạch ngoại biên Có dạng Over-the-wire. Catheter dài các cỡ Đường kính các cỡ Tương thích dây dẫn 0.014" hoặc 0.018". Bung bằng bộ áp lực		Cái	30
53	Bóng nong điều trị hẹp mạch máu não nội sọ	- Bóng nong có ống thông 2 lòng dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 1.5 mm đến 4.0mm, - Chiều dài bóng 8.5mm - 15mm - Chiều dài 150cm.	Cái/ Hộp	Cái	30
54	Bóng nong động mạch và mạch máu 2 nếp gấp	- Ống thông dài 154 cm - Chất liệu bóng Silky-semi-compliant polyamide. Phủ Hydrophilic - Bóng 2 nếp gấp, loại RX, NP 4bar, RBP 15 bar - Khẩu kính nhỏ 0.40mm, đầu xa 0.62 mm. - Thân gần 1.9F (0.64 mm), thân xa 2.6F (0.86 mm). - Đầu tip vát nhọn 3mm - Đường kính: 1.10; 1.25; 1.50 (mm). - Chiều dài: 10; 15; 20 (mm).		Cái	40
55	Bóng nong động mạch và mạch máu 3 nếp gấp, bán đàn hồi phủ thuốc Paclitaxel	- Bóng sản xuất theo tiêu chuẩn Workhorse. Thiết kế bóng 3 cánh. - Thuốc phủ Paclitaxel: 3.0 $\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Giải phóng thuốc 3 lần - Chất liệu: polyamide bán đàn hồi. NP 6 bar, RBP 16 bar. - Lớp phủ ái nước trên bề mặt bóng Polyvinylpyrrolidone (PVP). - Khẩu kính xâm nhập tổn thương 0.016" (0.40mm). - Ống thông loại trao đổi nhanh (RX), chiều dài khả dụng 154cm. - Tương thích ống thông 5F, tương thích dây dẫn tối đa 0.014" (0.36mm). - Đường kính bóng (mm) : 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0 - Độ dài bóng (mm): 10, 15, 20, 30.		Cái	50

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
56	Bóng nong động mạch và mạch máu bán đàn hồi 3 nếp gấp	- Bóng 3 cánh. - Khả năng tái gấp bóng và tái cuộn bóng. - Lớp phủ ái nước. - Chất liệu bán đàn hồi polyamide. - Đầu tip thiết kế thuận dẫn dài 3mm, khẩu kính xâm nhập tổn thương 0.016" (0.40mm). - Đường kính 1.5mm-4.0mm. Chiều dài: 10mm-30mm.	Hộp 1 cái	Cái	100
57	Bóng nong động mạch vành áp lực cao có vai bóng ngắn	- Bóng có cấu trúc 3 lớp, lớp giữa là polyamide, lớp trong và lớp ngoài là elastomer - Vai bóng ngắn 3.0mm - Áp lực tối đa 22atm - Thông số trục đẩy bóng + Entry profile 0.43mm + Đường kính trục: 1.9Fr đoạn gần dễ dàng thực hiện kỹ thuật Kissing Balloon; 2.5Fr đoạn giữa; 2.6Fr đoạn xa + Lớp phủ ái nước Hydrophilic - Đường kính 2.0mm - 5.0mm. - Chiều dài 6mm - 30mm	Hộp/ 1 cái	Cái	80
58	Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi	- Loại bóng: Bóng nong mạch vành và cầu nối - Chất liệu: Semi Crystalline Co-Polymer. - Mấy lớp: có 2 nếp gấp đối với đường kính 1.25mm-1.5mm và 3 nếp gấp đối với đường kính 2.0mm - 4.0mm - Áp lực tròn bóng: 7atm. Áp lực vỡ bóng: 14atm - Số điểm cân quang: 1 chỉ điểm (marker) đối với đường kính 1.25mm - 1.5mm và 2 chỉ điểm (marker) đối với đường kính 2.0mm - 4.0mm - Chiều dài bóng từ: 6mm đến: 30mm - Đường kính bóng từ: 1.25mm đến: 4.0mm, - Thân bóng và đầu tip của đường kính 1.25mm - 2.0mm có lớp phủ ái nước xen kẽ - Thân bóng và đầu tip của đường kính 2.5mm - 4.0mm có lớp phủ kị nước xen kẽ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE và FDA	-	Cái	100
59	Bóng nong động mạch vành có kích thước cho sang thương CTO	- Chất liệu Comax II, gấp bóng làm 2, 3, 4 - Đường kính bóng 1.25-4.0 mm. Trong đó: + Đường kính 1.25mm-1.5mm, bóng cứng, 1 marker cân quang; + Đường kính 2.0mm - 4.0mm (bóng bán đàn hồi), 2 marker cân quang; - Chiều dài bóng 10-30mm - Thân phủ lớp ái nước - Profile qua tổn thương: 0.016 inch - Profile bóng từ 0.023- 0.026 inch - Tiêu chuẩn EC, ISO		Cái	30
60	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao NC chiều dài lên đến 38mm	- Chất liệu: Nylon - Phủ Biocompatible, hydrophilic, lubricious từ dầu xa bóng tới công chuyển đổi - Gấp nếp 2 lần đối với đường kính 2.00mm, gấp nếp 3 lần đối với đường kính 2.25 tới 5.00mm. - Áp lực bơm bóng: 12-20 atm - Đường kính: 2.00 - 5.00mm. - Chiều dài: 8 -38mm	Hộp 1 Cái	Cái	50
61	Bóng nong động mạch vành siêu nhỏ đáp ứng được các tổn thương phức tạp	- Bóng nong được làm bằng vật liệu Polyamide. - Entry profile: 0.41mm. Đầu tip làm bằng vật liệu Elastomer - Crossing Profile: 0.58mm - Đoạn xa được phủ lớp ái nước M Coat - Điểm đánh dấu cân quang dài 0.8mm - Đường kính trục: 1.9Fr - 2.7Fr - Đường kính: 1.0mm - 4.0mm. - Chiều dài 5mm - 40mm	Hộp/ 1 cái	Cái	60
62	Bóng nong dùng can thiệp ngoại biên đường kính lớn, đường kính bóng 12mm và 14mm	- Thiết kế hệ thống: Over-The-Wire. Dạng bóng: Non-Compliant. - Chất liệu bóng: Co-Extruded. - Đường kính đầu vào khoảng 0.037". - Đường kính bóng: 12mm, 14mm. - Chiều dài bóng: 20mm, 40mm, 60mm. - Chiều dài trục thân: 75cm, 120cm. - Dây dẫn tương thích: 0.035". - Áp suất tối đa ≤ 8atm. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).		Cái	5
63	Bóng nong dùng can thiệp mạch máu dưới gối, đường kính từ 1.5mm đến 4.0mm	- Vạch đánh dấu Platinum Iridium 2mm. - Chất liệu bóng : Nybax. - Đầu vào vị trí tổn thương 0.017". Đường kính vượt tổn thương 0.030". - Đường kính từ 1.5mm đến 4.0mm. - Chiều dài từ 40mm đến 220mm. - Catheter có hai dạng Monorail và Over-The-Wire với chiều dài khoảng 90cm và 150cm. - Áp lực tối đa ≤ 14atm. - Tương thích dây dẫn 0.014". - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		Cái	10

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
64	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc tương thích dây dẫn 0.014"	- Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc, sử dụng dây dẫn 0.014" . - Kích thước đường kính bóng 2mm -> 4 mm; - Chiều dài bóng 40mm -> 150 mm. - Chiều dài Catheter các cỡ.	-	Cái	30
65	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc tương thích dây dẫn 0.035"	- Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc, sử dụng dây dẫn 0.035" . - Kích thước đường kính bóng 4mm -> 12 mm; - Chiều dài bóng 20mm -> 150 mm. - Chiều dài Catheter 75cm -> 130cm. - Dụng cụ mở đường loại: 5F-> 7F.	-	Cái	30
66	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc tương thích dây dẫn 0.035", áp lực cao	- Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc, sử dụng dây dẫn 0.035" - Áp suất làm việc bình thường 8 atm. Áp lực vỡ bóng tối đa lên tới 40 atm. - Kích thước đường kính bóng 4mm -> 12 mm; - Chiều dài Catheter 50cm -> 75cm. - Dụng cụ mở đường loại: 6F-> 8F.	-	Cái	30
67	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao 24atm, đường kính 3mm đến 12mm, chiều dài 20mm đến 200mm	- Đầu vào vị trí tổn thương khoảng 0.040" (1.016mm). - Chất liệu bóng : Nybax. - Đường kính từ 3mm đến 12mm. - Chiều dài từ 20mm đến 200mm. - Tương thích dây dẫn 0.035". Chiều dài catheter : 40cm, 75cm, 135 cm. - Áp lực tối đa ≤ 24atm. - Bóng được gấp 3 cạnh ở đường kính 3-5mm, gấp 5 cạnh từ đường kính 6mm trở lên. - Có 2 dải đánh dấu bằng Platinum Iridium RO rộng 1.5 mm. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	-	Cái	10
68	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel, mật độ phủ ≤ 2µg/mm <sup>2</sup>	- Nồng độ hấp thụ thuốc tối ưu trong mô chỉ 2µg/mm <sup>2</sup> . - Chất liệu bóng : Pebax. - Đường kính từ 2mm đến 8mm; chiều dài từ 30mm đến 150mm. - Chiều dài hệ thống: 80cm, 90cm, 135cm và 150cm. - Áp suất tối đa ≤ 14 atm. - Sheath phù hợp: 5F, 6F. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	-	Cái	10
69	Bóng nong mạch máu ngoại biên sử dụng dây dẫn 0.018"	- Bóng nong mạch máu ngoại biên, sử dụng dây dẫn 0.018" . - Kích thước đường kính bóng 2mm -> 9mm; - Chiều dài bóng 20mm -> 300 mm. - Chiều dài Catheter 75cm -> 150cm. -Dụng cụ mở đường loại: 4F-> 6F.	-	Cái	30
70	Bóng nong mạch vành áp lực cao	- Bóng nong mạch vành áp lực cao. - Đường kính đầu xa: 0.89mm - Đường kính đầu gần: 0.76mm - Đường kính xâm nhập tổn thương Tip profile: 0.8mm - Đường kính đầu vào của catheter 0.018" - Hai điểm đánh dấu chất liệu Platinum iridium - Đường kính bóng: 1.5-5.0mm - Chiều dài bóng: 8-40mm	-	Cái	50
71	Bóng nong mạch vành áp lực cao 2 chất liệu	- Bóng nong mạch vành áp lực cao 2 chất liệu (lớp trong Pebax, lớp ngoài Nylon) phủ ái nước với 3 nếp gấp - Crossing profile ≤ 0.0336", lesion entry profile ≤ 0.015" - Ống trong được thiết kế 3 lớp - Đường kính bóng từ 2.0-5.0 mm, chiều dài bóng từ 8-20 mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE và FDA 510k	-	Cái	30
72	Bóng nong mạch vành áp lực cao 26 atm	- Chất liệu Nylon 12 + Pebax - Bóng kiểm soát độ giãn nở tốt - Thiết kế ống P-Tech tăng lực đẩy - Thiết kế đầu tip thuận sát (Sub-zero tip) dài 1.5-2.5mm. - Đường kính thân bóng: 0.0345 inch (Ø3.0 mm) - 0.0347 inch - Tiết diện thâm nhập đầu tip: 0.0169 inch (Ø3.0 mm) - Áp lực thường: 14 atm. Áp lực ngưỡng: 20 - 24 atm - Đường kính bóng: 1.5 - 5 mm - Chiều dài bóng: 8 - 26 mm - Số điểm cân quang: 1 (Ø1.5 mm), 2 (Ø1.75 - 5.0 mm) - Số nếp gấp bóng: 2-5	-	Cái	80
73	Bóng nong mạch vành áp lực cao có 3 nếp gấp đường kính đến 5mm	- Loại bóng: Bóng nong mạch vành áp lực cao, - Chất liệu: Semi Crystalline Polymer (SCP), - Mấy lớp: Bóng có 3 nếp gấp. - Có phủ ái nước: Có - Áp lực tròn bóng: 14atm . Áp lực vỡ bóng: 20atm - Đường kính trước bơm bóng: Khẩu kính đầu vào (Lesion entry profile) 0.018 inch. - Số điểm cân quang: 2 điểm. - Chiều dài bóng từ: 8mm đến: 30mm - Đường kính bóng từ: 2.0mm đến: 5.0mm - Công nghệ phủ đan xen từng phần kỵ nước, chống trơn trượt và bung chính xác. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE và FDA	01 cái/ hộp	Cái	80

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Dvt	Số lượng
74	Bóng nong mạch vành áp lực cao có điểm đánh dấu bằng Platinum	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong mạch vành áp lực cao</li> <li>- Chất liệu không giãn nở, lớp ngoài là Nylon, lớp trong bằng Pepax</li> <li>- Lớp phủ ái nước.</li> <li>- Tip profile siêu nhỏ: 0.017".</li> <li>- Crossing profile nhỏ: 0.031".</li> <li>- Có điểm đánh dấu bằng Platinum Iridium</li> <li>- Đường kính bóng: 2.00mm -&gt;6 mm</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA(Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).</li> </ul>	Cái/ Hộp	Cái	100
75	Bóng nong mạch vành áp lực cao không đàn hồi 3 nếp gấp các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bóng không đàn hồi polyamide.</li> <li>- Bóng không bị giãn nở theo chiều dọc, không bị biến dạng ngay cả khi ở áp suất cao. Tỷ lệ nở bóng ít hơn 1% trên mỗi atm.</li> <li>- Thiết kế bóng 3 cánh.</li> <li>- Lớp phủ ái nước.</li> <li>- Đầu tip thiết kế thuận dẫn dài 3.5mm, khẩu kính xâm nhập tổn thương 0.016" (0.40mm).</li> <li>- Trục gần 1.9F (0.64mm), Trục xa 2.7F (0.90mm)</li> <li>- Đường kính 2.0mm-4.50mm. Chiều dài: 5mm-20mm.</li> </ul>	Cái/ Hộp	Cái	220
76	Bóng nong mạch vành áp lực cao không đàn hồi kính 1.5->5.0 mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Pebax, không đàn hồi</li> <li>- Đầu tip hình chóp được thiết kế bo tròn</li> <li>- Bóng da lớp, bề mặt phẳng và giảm thiểu tỷ lệ "dog-boning"</li> <li>- Bóng được thiết kế 3 nếp gấp</li> <li>- Tip entry profile: 0.018"</li> <li>- Trục bóng được phủ lớp ái nước kép</li> <li>- Đường kính bóng: 1.5 -&gt; 5.0 mm</li> <li>- Chiều dài bóng: 6 -&gt; 25 mm.</li> <li>- Chiều dài chóp bóng: 3 mm.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).</li> </ul>		Cái	30
77	Bóng nong mạch vành áp lực cao không giãn nở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong mạch vành có phủ lớp ái nước. Chất liệu: Polyamide</li> <li>- Bóng không giãn nở, thành bóng mỏng chịu được áp lực cao.</li> <li>- Áp lực định danh 10-12 atm, áp lực vỡ bóng định danh <math>\geq 21</math> atm.</li> <li>- Chiều dài catheter khả dụng <math>\leq 140</math>cm.</li> <li>- Đường kính bóng: 1.5mm - 4.5mm</li> <li>- Chiều dài bóng: 6mm- 30mm</li> <li>- Biên độ giãn nở đường kính tại áp lực vỡ bóng định danh <math>\leq 0.44</math>mm.</li> </ul>	1 cái/ hộp	Cái	80
78	Bóng nong mạch vành áp lực cao NC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đàn hồi bằng Polyamide, được đánh dấu cân quang cả hai đầu bóng bởi Platinum và Iridium</li> <li>- Bao lớp siêu ái nước, vai bóng dạng hình chuông.</li> <li>- Đường kính bóng từ 2.5 -&gt; 4.5 mm, độ dài bóng 8, 10, 12, 15mm</li> <li>- Áp lực thường 12atm, áp lực vỡ bóng 23atm</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</li> </ul>	Hộp/ 1 cái	Cái	50
79	Bóng nong mạch vành áp lực thông thường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Polyether block amide, gắn bóng loại RX bán đàn hồi</li> <li>- Cân quang cả hai đầu bóng bằng Platinum và Iridium , lớp phủ ái nước.</li> <li>- Vai bóng thường có 2 maker, loại vai bóng thuận có 1 maker,</li> <li>- đường kính: 1.0 -&gt; 3.5mm, độ dài 5,10,12,15,20mm.</li> <li>- Áp lực thường 6Atm, Áp lực vỡ bóng 14 Atm</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</li> </ul>	Hộp/ 1 cái	Cái	50
80	Bóng nong mạch vành áp lực thông thường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên liệu: Pebax.</li> <li>- Lớp phủ ái nước</li> <li>- Đường kính: 1.5-4.0 (mm)</li> <li>- Chiều dài: 06-25 (mm)</li> <li>- Thiết diện đầu tip: 0.017", thiết diện cắt ngang: 0.026".</li> <li>- Áp lực tối đa: 14 atm</li> <li>- Cho phép thực hiện thủ thuật "kissing balloon" bằng 2 bóng chỉ với ống thông can thiệp 6F.</li> <li>- Đánh dấu cân quang bằng hợp chất Platinum và Iridium.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</li> </ul>		Cái	30
81	Bóng nong mạch vành áp lực thường có đường kính nhỏ 0.85 mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế ống P-Tech tăng lực dây, chống xoắn vặn.</li> <li>- Thiết kế đầu tip thuận sắt (Sub-zero tip) dài 1.5 mm-2.5mm.</li> <li>- Chất liệu bóng: Nylon/Pebax</li> <li>- Lòng trong ống được mở rộng đến 30 cm tăng độ hỗ trợ và khả năng lặn theo dây dẫn</li> <li>- Đường kính bóng: 0.85 mm - 4 mm.</li> <li>- Chiều dài bóng: 5 mm -&gt; 30 mm.</li> <li>- Áp lực thường: 6 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 14 atm - 16 atm</li> <li>- Lớp phủ ái nước Hydro-X (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước Invio (lòng trong ống)</li> <li>- Số nếp gấp bóng: 2-3</li> <li>- Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm, 145 cm (<math>\varnothing 0.85 - 1.25</math> mm)</li> </ul>	1 Cái/ Hộp	Cái	50
82	Bóng nong mạch vành áp lực thường phủ ái nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong mạch vành áp lực thường chất liệu Pebax phủ Hydrophilic với 3 nếp gấp</li> <li>- Crossing profile <math>\leq 0.0336</math>", lesion entry profile <math>\leq 0.015</math>", kissing balloon với ống thông can thiệp 6F</li> <li>- Ống trong được thiết kế 3 lớp</li> <li>- Đường kính bóng từ 1.25- 4.0 mm, chiều dài bóng từ 9- 35 mm,</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE và FDA 510k</li> </ul>		Cái	30

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
83	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi	- Chiều dài Catheter: 150cm - Áp lực bình thường (NP): 8 atm. Áp lực vỡ bóng (RBP): 16 atm - Chất liệu bóng: Grilamid - 2 điểm đánh dấu bằng vàng - Thân đoạn gần: thép không gỉ - Thân đoạn xa: Polyamide 3 lớp kết hợp thân với lòng trong được gia cố - Kích cỡ đầu vào: 0.0158" - Chất liệu đầu bóng: Pebax - Đường kính: 1,25mm – 5,0mm - Chiều dài: 6mm – 34mm	Hộp/ 1 cái	Cái	100
84	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi các cỡ	- Hai lớp phủ ái nước - Bóng 2 nếp gấp và 3 nếp gấp - Tip profile $\geq 0.016"$ . Crossing profile $\geq 0.0186"$ - Đường kính bóng: 1.0 mm - 4.0 mm. - Chiều dài bóng: 5mm - 30 mm. - Tiêu chuẩn: ISO/FDA (tiêu chuẩn Châu Âu)	-	Cái	100
85	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi đường kính 2.25- >5.0 mm	- Bóng đa lớp, chất liệu Pebax, bán đàn hồi - Đầu tip không điểm chuyển tiếp - Bóng được thiết kế 3 nếp gấp. - Tip entry profile: 0.017". Crossing profile 0.021". RX Notch: 0.033" - Trục bóng được phủ lớp ái nước kép - Đường kính bóng: 2.25 -> 5.0 mm - Chiều dài bóng: 6 -> 30 mm. - Chiều dài chóp bóng: 3 mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).		Cái	30
86	Bóng nong mạch vành có dao cắt	- Bóng nong mạch vành có dao cắt - Chiều dài: 6 mm đến 15 mm. - Đường kính: 2.0 mm đến 4.0 mm. - Số lượng lưỡi dao: 3 hoặc 4, chất liệu thép không gỉ, Độ cao của lưỡi dao 0.005" - Có lớp áo phủ ái nước - Tiêu chuẩn CE, FDA (bán PMA)	Cái/ Hộp	Cái	80
87	Bóng nong mạch vành có giãn nở đường kính nhỏ nhất 1.2mm	- Bóng nong mạch vành có giãn nở - Áp lực: 6-18 atm. - Chất liệu bóng: optiLEAP - Phủ lớp ái nước - Đường kính: 1.2mm-4.0mm - Chiều dài: 8mm-30mm. - Tip profile siêu nhỏ: 0.017" - Crossing profile nhỏ $\geq 0.026"$ . Marker làm bằng Platinum Iridium - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Hộp 1 Cái	Cái	80
88	Bóng nong mạch vành có tẩm thuốc 3 nếp gấp các cỡ	- Loại bóng: Bóng nong mạch vành tẩm thuốc Paclitaxel (3.0 $\mu$ g/mm <sup>2</sup> ) được hấp thu trên hợp chất hữu cơ kỵ nước Butyryl-tri-hexyl citrate (BTHC) - Chất liệu: Semi Crystalline Co-Polymer (SCP), - Mấy lớp: Bóng có 3 nếp gấp. - Áp lực tròn bóng: 7atm. Áp lực vỡ bóng: 13atm - Đường kính trước bơm bóng: Khẩu kính đầu vào 0.017 inch. - Số điểm cân quang: 2 điểm. - Chiều dài bóng từ: 10mm đến: 30mm - Đường kính bóng từ: 2.0mm đến: 4.0mm - Công nghệ phủ đan xen từng phần kỵ nước, chống trơn trượt và bung chính xác. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.	1 cái/ hộp	Cái	60
89	Bóng nong mạch vành dây dẫn kép	- Hệ thống dây dẫn kép (dây dẫn đính kèm bằng Nitinol 0.011") nong bóng tập trung lực hiệu quả. - Chất liệu bóng: Nylon - Số nếp gấp bóng: 3 - Lớp phủ: ái nước ở đoạn xa và đầu tip, kháng nước trong lòng ống và bóng - Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.034 inch ( $\varnothing$ 3.0 mm). - Chiều dài đầu tip: 11 mm - Đường kính bóng: 1.75 - 4 mm. - Chiều dài: 10, 15, 20 mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA		Cái	70
90	Bóng nong mạch vành không đàn hồi	- Chất liệu Polyamide. - Có 2 điểm đánh dấu bằng Platinum. - Thân đoạn gần: thép không gỉ AISI 304, phủ Teflon - Thân đoạn xa: kết hợp Polyamide/ PEBA, phủ Hydrophilic - Áp lực tối đa lên đến 22 atm	Hộp/ 1 cái	Cái	80

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Dvt	Số lượng
91	Bóng nong mạch vành không đàn hồi có phủ thuốc Paclitaxel	- Bóng sản xuất theo tiêu chuẩn Workhorse. Thiết kế bóng 3 cánh. - Thuốc phủ Paclitaxel: 3.0 µg/mm <sup>2</sup> , đặt trong các cánh bóng với thiết kế siết chặt Wing-seal. - Giải phóng thuốc 3 lần - Chất liệu: polyamide không đàn hồi. NP 12 bar, RBP: 22 bar (Ø2.50 - 2.75), 20 bar (Ø3.00 - 3.50), 18 bar (Ø4.00 - 4.50). - Lớp phủ ái nước trên bề mặt bóng Polyvinylpyrrolidone (PVP). - Khẩu kính xâm nhập tổn thương 0.016" (0.40mm). - Đường kính bóng (mm): 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 4.00, 4.50. - Độ dài bóng (mm): 10, 15, 20.		Cái	15
92	Bóng nong mạch vành không đàn hồi, công nghệ 2 lớp, các cỡ	- Công nghệ 2 lớp phủ ái nước, 3 nếp gấp - Tip profile ≥ 0.016" - Hai marker - Bóng giãn nở 0.55%. - Đường kính: 2.0mm - 5.0 mm. - Chiều dài: 6mm - 30 mm.	Cái/ Hộp	Cái	80
93	Bóng nong mạch vành không giãn nở dùng cho CTO	- Có 01 proximal marker (đối với đường kính 0.85mm), 01 central marker (đối với đường kính 1.1mm) - Có 3 nếp gấp - Phủ lớp ái nước cả bóng và thân đầu xa. - Khẩu kính băng qua tổn thương tối thiểu ≤ 0.0205". - Đường kính bóng: 0.85mm - 1.1mm, - Chiều dài bóng: 6mm - 20 mm.	1 Cái/ Hộp	Cái	60
94	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus bằng công nghệ Nano	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus, hàm lượng thuốc 1.27µg/mm <sup>2</sup> , với chất mang thuốc Phospholipid. - Chất liệu Polyamide. Tiết diện đầu vào tổn thương ≤ 0.016". - Đường kính trước bơm bóng ≤ 0.029". - Đường kính sau bơm bóng: 1.5- 4.0mm - Chiều dài từ 10-40mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO. CE (Châu Âu).		Cái	10
95	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao 35 bar thành bóng 2 lớp	- Dùng trong các trường hợp nong lại tổn thương bị vôi hóa nặng. - Áp lực vỡ bóng lên đến 35 bar. - Cấu trúc bóng kép 2 lớp - Đường kính 1.5mm - 4.5mm; dài 10mm- 20mm.	1 Cái/ Hộp	Cái	70
96	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus (1 µg/mm <sup>2</sup> ). - Mỗi phân tử thuốc được bọc bởi 1 lớp Polymer tự tiêu. - Thời gian phóng thích thuốc: 90 ngày, sau đó lớp Polymer phân hủy hoàn toàn. - Chiều dài Catheter khả dụng: 140cm; đường kính thân 1.9Fr (0.63mm) - Đường kính bóng tối thiểu đủ các cỡ: 1.50 - 5.0 mm - Chiều dài bóng tối thiểu đủ các cỡ: 10 - 40mm		Cái	20
97	Bột cản quang pha keo nút dị dạng mạch não	- Bột kim loại taltalum lọ 0,5g dùng pha keo Hystoacryl gây tắc mạch máu để tăng độ cản quang và độ đặc của keo Hystoacry .	Hộp/8 lọ	Lọ	2
98	Cannula dùng trong phẫu thuật nội soi khớp	- Chất liệu: nhựa - Kích cỡ: Công vào chất lỏng điều chỉnh được, đường kính 0.6 mm, đường kính canulla: 6.5 mm hoặc 8.0 mm - Đặc tính: Thiết kế có rãnh xoắn, mã hóa màu theo đường kính, kiểm soát dòng chảy với khóa kín, ống canulla trong suốt giúp quan sát được. - Tiêu chuẩn chất lượng : ISO. CE (Châu Âu)	1 cái/gói	Cái	30
99	Cây đẩy chỉ giúp đẩy và luồn chỉ với 3 tùy chọn khâu.	- Gồm các loại đầu mũi thẳng, cong - Thân cứng một mảnh chống cong và gãy. - Kèm chỉ chiều dài ≥ 38" - Vô trùng		Cái	30
100	Chỉ dùng trong nội soi khớp	- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử siêu bền (UHMWPE) - Chiều rộng chỉ 1.40 mm. - Màu sắc: trắng và xanh coban - Lực kéo 576,12 N/mm <sup>2</sup> - Cổ định mô mềm trong nội soi khớp - Tiêu chuẩn chất lượng : ISO. CE (Châu Âu)	1 sợi/ gói	Sợi	100
101	Chỉ khâu chỉnh hình siêu bền kèm kim chất liệu polyethylene	- Chỉ không tiêu kèm kim. - Chất liệu: polyethylene - Dài ≥ 38 Inch. - Tiệt trùng.		Cái	50
102	Chỉ không tiêu các loại	- Chỉ không tiêu số 2 kèm kim, kim có hình dạng bán nguyệt. - Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao - (UHMW) polyethylene và polypropylene. - Dài 38 Inch. - Màu sắc: trắng và trắng bên xanh. - Đã tiệt trùng. - Sức căng >227N (51lb), độ bền kéo >138N (31lb).	Cái/ gói	Cái	70
103	Chỉ thép bánh chè	- Chỉ thép khâu xương bánh chè các cỡ, chỉ liền kim - Chất liệu: thép không gỉ - Tiệt trùng		Tép	70

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
104	Chốt neo cố định dây chằng các cỡ	- Thiết kế chốt: 4 lỗ, Chiều dài chốt: $\geq 12\text{mm}$ , chiều rộng chốt $\geq 4\text{mm}$ , dày $\geq 2\text{mm}$ . - Chi kéo màu trắng, chỉ lật màu xanh. - Chiều dài vòng treo gân: từ 10 - 35 mm - Chất liệu: Chốt chất liệu titanium/Cobalt Chrome. Vòng treo gân được tạo bởi vật liệu Polyester hoặc tương đương, đường kính $\geq 5\text{mm}$ . - Độ đi lệch < 1mm. Sức căng tối đa > 1300N - Tiết trùng	Cái/ hộp	Cái	70
105	Cuộn chỉ thép	- Chất liệu Stainless Steel - Chiều dài 10m - Đường kính 0.2mm->2.5mm		Cái	5
106	Dao cắt chỉ sụn chêm dạng thẳng	- Dùng để đẩy, cắt chỉ ở bên trong ổ khớp sau khi khâu và thắt nút, dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai. - Dạng thẳng hoặc tương đương.		Cái	20
107	Đầu dò siêu âm nội mạch vành	Đầu dò siêu âm mạch vành tần số 40MHz - Chất liệu: Dây cáp bằng thép không gỉ, phủ lớp ái nước. - Kích thước: 5Fr/ 6Fr, tần số hoạt động 40 MHz, khả năng đường kính xâm nhập tối đa là 6mm, độ phân giải trực là 38 Micron, chiều dài 135cm - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Dùng cho máy siêu âm lòng mạch (hỗ trợ đặt máy)	Cái/ Hộp	Cái	100
108	Dây bơm nước dùng trong nội soi chạy bằng máy sử dụng trong nội soi 2 công	- Dây bơm nước dùng trong nội soi khớp loại dùng một lần, tương thích với máy bơm - Chất liệu: Nhựa PVC/ Silicone - Dây bơm nước có 2 kim đầu nhọn cắm vào bình đựng nước và nắp đậy đầu kim, 3 kẹp bấm, đầu nối với ống soi và nắp đậy đầu nối, ... - Tiết trùng bằng Ethylene Oxide - Cung cấp kèm máy bơm nước khi sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	20
109	Dây bơm thuốc cân quang đo áp lực cao	- Dây bơm đo áp lực cao - Vật liệu làm bằng PVC, Nylon hoặc Polyurethane - Chịu áp lực từ 500 psi ( 34 bar), 900 psi ( 62 bar), 1200 psi (83 bar) (tùy mã sản phẩm) với nhiều màu sắc khác nhau để dễ phân biệt, - Chiều dài: 25, 51, 76, 122, 183 cm (10", 20", 30", 48", 72") - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) hoặc FDA (Cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ)	25 cái/ Hộp	Cái	1.500
110	Dây dẫn ái nước có trợ lực xoay	Dây dẫn ái nước dùng trong chẩn đoán và can thiệp mạch ngoại biên: - Có lõi Nitinol và áo cân quang (radiopaque jacket) với chất liệu polyurethane/ tungsten, và lớp áo ái nước dạng gel chất liệu Hydrophilic co-polymer giúp phủ một lớp nước liên tục trên thân dây dẫn, giúp tối ưu tính trơn và độ bền kéo dài - Dây dẫn có trợ lực tốt, đáp ứng độ torque theo tỷ lệ 1:1 - Có 2 dạng đầu tip: đầu cong chữ J (angled) và đầu thẳng. Độ cứng gồm 2 dạng: Chuẩn và cứng. - Đầu các kích cỡ 0.035", 0.038", 0.025", 0.018" chiều dài từ 80cm, 150cm, 180cm, 220cm, 260cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA-Mỹ	5 cái/ Hộp	Cái	500
111	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch đường kính 0.018", chiều dài các cỡ	- Dây dẫn can thiệp mạch máu phủ lớp ái nước hydrophilic: - Cấu tạo: Nitinol. - Đường kính: 0.018". - Tương thích vi ống thông 2.2F; 2.7F	Cái/Gói	Cái	70
112	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước đường kính: 0.035", chiều dài: 45cm - 180cm.	Dây dẫn can thiệp mạch máu phủ lớp ái nước hydrophilic: - Cấu tạo: Nitinol. - Đường kính: 0.035". - Có 05 kích thước chiều dài khác nhau: 45cm - 180cm. - Có 06 loại đầu tip khác nhau: Angled; Straight; 1.5J; 2.0J; 3.0J; Beak.		cái	200
113	Chốt titan thắt chỉ cấy ghép vĩnh viễn trong cơ thể	- Dụng cụ nạp chốt titan bao gồm: - Chốt có dạng nắm làm từ chất liệu titan y tế - Tay cầm cong đầu cùn - Một bẫy dây - Tương thích với dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu mổ mở		Cái	10
114	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.018", chiều dài 110cm; 150cm, 200cm, 300cm	- Dây dẫn ngoại biên đường kính 0.018", chiều dài 110cm, 150cm, 200cm, 300cm. - Chất liệu thép không gỉ: Scitanium. - Tip load: 6 gr, 8 gr. - Đầu tip cân quang dài 2cm cho hình ảnh rõ nét hơn. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		Cái	10
115	Dây dẫn can thiệp mạch vành có phủ ái nước	- Lõi kim loại, phủ lớp Full Polymer và lớp ái nước - Lõi parabol không điểm chuyển tiếp - Thiết kế đầu tip: Core-to-Tip - Chiều dài dây dẫn: 190 cm, Tip load: 1.2 g - Lõi Radiopaque dài 3cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).		Cái	20

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
116	Dây dẫn can thiệp mạch vành mềm	- Lõi đoạn gần làm bằng kim loại, phủ lớp chống thấm nước - Lõi đoạn xa làm bằng chất liệu NITINOL phủ lớp Polymer và lớp ái nước - Lõi parabol không điểm chuyển tiếp - Chiều dài dây dẫn 190 cm. Tip load: 0.7 g - Có đoạn đánh dấu bức xạ 4.5 cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).		Cái	150
117	Dây dẫn can thiệp mạch vành mềm lõi Durasteel dành cho sang thương CTO	- Lõi dây dẫn Durasteel phủ lớp Polymer và lớp ái nước hydrophilic - Thiết kế đầu tip: Core-to-Tip - Chiều dài dây dẫn: 190 cm, Tip load: 1.5g và 2.7g và 4.1g - Lõi cán quang dài 3cm - Có điểm đánh dấu cách đầu tip 4.5cm. - Chất lượng: FDA (Cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ).	5 Cái/ Hộp	Cái	70
118	Dây dẫn can thiệp mạch vành mềm, có phủ hydrophilic	- Cấu tạo trực với công nghệ nối trực tiếp DuoCore, không mối hàn - Kích thước: 0.014" x 180cm - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm - Chiều dài phần đầu cán quang: 3 cm - Lớp phủ: Hydrophilic coating, PTFE coating và Silicone coating - Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn.	Hộp/ 5 cái	Cái	200
119	Dây dẫn can thiệp mạch vành phủ lớp ái nước chiều dài lên đến 190cm	- Lõi đoạn gần phủ lớp chống thấm nước - Lõi đoạn xa phủ lớp ái nước - Lõi parabol không điểm chuyển tiếp - Chiều dài dây dẫn: 190 cm, Tip load: 0.8 g - Lõi Radiopaque dài 3 cm.	5 Cái/ Hộp	Cái	150
120	Dây dẫn cho đầu mũi khoan bảo màng xơ vữa	Dây dẫn cho đầu mũi khoan bảo mòn màng xơ vữa - Đường kính: 0.014", dài 330cm - Đầu cứng 2.8cm, đầu linh động 2.2cm - Chất liệu bằng thép không gỉ		Cái	50
121	Dây dẫn chuẩn đoán mạch vành lõi thép không gỉ các cỡ	- Lõi làm bằng thép không gỉ dùng trong thủ thuật chẩn đoán. - Lớp Heparin giúp giảm ngưng tập huyết khối - Đầu dây dạng chữ J: 1,5 hoặc 3 hoặc 6 hoặc 15 mm. - Đường kính dây: 0.018", 0.21", 0.25", 0.35", 0.38" - Chiều dài dây: 80cm, 150cm, 180cm và 260cm; - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA (Cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ)	10 cái/ Hộp	Cái	1.500
122	Dây dẫn dịch dùng 1 lần cho máy thể hệ cũ	- Chất liệu: nhựa (PVC) - Kích cỡ: Dài 3m - Đặc tính: Dây sử dụng cho máy bơm nước FLUID control - Sử dụng cho mổ nội soi khớp, bộ chip điều khiển được dòng nước: Tốc độ đến 2l/1 phút và áp lực dòng chảy tới 200 mmHg, có thể điều chỉnh bằng màn hình cảm ứng hay cài chế độ tự động cho từng chỗ độ: nội soi khớp gối, nội soi khớp vai, nội soi cột sống, khớp nhỏ. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu)	1 cái/gói	Cái	50
123	Dây dẫn dịch tưới hoạt dịch ổ khớp	- Dây sử dụng cho máy bơm nước trong phẫu thuật nội soi có hộp điều khiển. - Lưu lượng nước $\geq 2.0l/phút$ , có hai đường nước ra và đường nước vào riêng biệt.		Cái	50
124	Dây dẫn dịch tưới hoạt dịch ổ khớp cho chạy máy	- Dây dẫn dịch tưới hoạt dịch ổ khớp - Lưu lượng nước lên tới 2.5l/phút, có hộp điều khiển. - Tiệt trùng	Cái/ hộp	Cái	50
125	Dây dẫn đường có lớp ái nước, dài 150 cm	- Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước - Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong (Straight, Angled) - Kích thước: + Chiều dài dây dẫn: 150 cm + Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm + Đường kính: 0.035", 0.025"	Hộp/ 5 cái	Cái	1.000
126	Dây dẫn đường có lớp ái nước, dài 260 cm	- Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten - Lớp phủ ái nước - Hình dạng đầu: đầu cong, đầu thẳng (Angled, Straight) - Kích thước: + Chiều dài dây dẫn: 260 cm + Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm + Đường kính: 0.035"		Cái	500



STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
127	Dây dẫn đường với phần cuộn vàng (Gold coil) ở đầu xa, lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane và lớp phủ ái nước	Cấu tạo đồng trục gồm: - Lõi Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài Polyurethane - Lớp phủ ái nước hydrophilic - Đầu xa có phần cuộn vàng (Gold coil) dài 2cm tăng cường tính cân quang Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 180cm; 200cm - Đường kính: 0.012"; 0.014"; 0.016" - Hình dạng đầu vào: Angled 45° x 4 mm; Angled 90° x 4 mm; Angled 1.5 mm J curve; Double Angled 90°+150°		cái	50
128	Dây dẫn nước nội soi dùng một lần cho máy bơm nước	- Dây bơm nước dùng trong nội soi khớp loại dùng một lần có dải áp lực 10-150mmHg, dài lưu lượng 0,1-2,0 l/phút - Chất liệu: Nhựa PVC/ Silicone - Dây bơm nước có 2 kim đầu nhọn cắm vào bình đựng nước và nắp đậy đầu kim, 3 kẹp bấm, đầu nối với ống soi và nắp đậy đầu nối, ... - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide - Cung cấp kèm máy bơm nước khi sử dụng.	Cái/gói	Cái	30
129	Dây điện cực có bóng dùng cho máy tạo nhịp tạm thời	- Chất liệu dây mềm ở nhiệt độ cơ thể và thích ứng với màng trong tim - Bóng bằng latex có thể tích lên tới 1.5 ml, thiết kế của bóng hỗ trợ đặt dây dễ dàng không cần X-quang. - Kích thước thân tùy chọn 5F - Điện cực thứ nhất nằm ở đầu chóp dây điện cực - Điện cực thứ hai cách đầu chóp khoảng 1cm. - Kèm theo kim, bơm tiêm, dây nối (ECG adapter), dây nối an toàn (Safety Adapte)	-	Dây	60
130	Dây điện cực tạo nhịp tạm thời có bóng các cỡ	- Dây dẫn tín hiệu cho máy tạo nhịp tim tạm thời với đầu chữ S để dễ vào thất. Dài ≥ 110 cm với thân dây polyurethane. - Tương thích với dây cáp điện cực của máy tạo nhịp Model Reocor/S, Hãng Biotronik của bệnh viện	Hộp/Cái	Cái	60
131	Dây nối với ống hút huyết khối	- Bằng nhựa trong suốt dễ dàng quan sát dòng chảy khi hút huyết khối - Có công tắc on/off dễ dàng trong quá trình vận hành.	-	Cái	10
132	Đĩa đệm cổ nhân tạo toàn phần có khớp xoay, các cỡ	- Đĩa đệm có khớp xoay chiều cao 5mm, 6mm, 7mm, 8mm - Có nhiều sống hình răng cưa - Chất liệu mặt đĩa đệm: PEEK-OPTIMA LT1 - Thiết kế cho phép: Gấp duỗi lên tới ±15°, uốn theo hướng bên ngoài lên tới ±10°, không giới hạn quay quanh trục. - Hai hình dạng theo mặt phẳng đứng dọc (0° & 6°) - Phần nhân động khớp chất liệu PEEK-OPTIMA LT1 - Thiết kế khớp hình cầu và hình trụ, cho phép dịch chuyển theo chiều trước sau ±1.25mm. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	2
133	Đinh chốt nội tủy Titanium chống xoay xương chày.	- Chất liệu Titanium. - Đường kính 8/9/10/11/12mm, dài 270->375mm. - Thân đinh rỗng đầu trên có 3 lỗ chốt 5.0mm, 2 lỗ chốt 4.0mm, đầu dưới có 4 lỗ chốt 4.0mm, nắp đinh cao 5->18mm. - Vít chốt 5.0mm dài 25->90mm, 4.0mm dài 24->80mm. - Tiêu chuẩn chất lượng : ISO, CE (Châu Âu)		Bộ	5
134	Đinh chốt nội tủy Titanium chống xoay xương đùi.	- Chất liệu Titanium. - Đường kính 9/10/11/12mm, dài 320->420mm. - Thân đinh rỗng có trái/phải, đầu trên dùng 2 vít chốt cỡ 6.4mm hoặc 2 vít chốt 4.8mm, đầu dưới có 2 lỗ chốt 4.8mm, nắp đinh cao 10-30mm. - Vít cỡ 6.4mm dài 65->115mm, vít chốt 4.8mm dài 25->85mm. - Tiêu chuẩn chất lượng : ISO, CE (Châu Âu)		Bộ	5
135	Đinh chốt titan cẳng chân các cỡ	- Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính đinh 8/9/10mm. Chiều dài 255-375mm, mỗi bước tăng 15mm. - Đặc tính: thân đinh đặc (gồm 1 đinh, 1 nắp đinh và 9 vít). Các loại vít như sau: + Vít chốt khoá đường kính 4.8mm với chiều dài: 30-80mm, gia số tăng 5mm. + Vít chốt khoá đường kính 4.3mm với chiều dài: 25-80mm, gia số tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	1 cây/gói	Cây	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
136	Đỉnh chốt Titanium thể hệ mới, dùng cho thân xương đùi và đầu trên xương đùi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium cấp độ 5.</li> <li>- Đường kính đầu gần 13-14mm.</li> <li>- Đường kính đầu xa: 9-12mm.</li> <li>- Độ cong thân đỉnh 7,5 độ.</li> <li>- Hướng bắt vít cổ xương đùi 125/130 độ.</li> <li>- Thiết kế 2 vít cổ xương đùi song song giúp đỉnh chống xoay, bao gồm vít cổ đường kính 6.5mm, dài từ 60mm đến 120mm, bước tăng 5mm, đầu ren vít dài từ 20mm đến 26mm.</li> <li>- Đỉnh có vít chốt khóa ngang đầu gần và đầu xa, bao gồm vít chốt khóa 4.0/4.8mm.</li> <li>+ Vít chốt khóa 4.0mm dài từ 10mm đến 70mm, bước tăng 5mm.</li> <li>+ Vít chốt khóa 4.8mm, dài từ 20mm đến 90mm, bước tăng 5mm</li> <li>- Tiết trùng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu)</li> <li>- Xuất xứ: các nước thuộc Châu Úc</li> </ul>		Cái	5
137	Đỉnh chốt Titanium thể hệ mới, dùng cho xương chày.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium cấp độ 5.</li> <li>- Đường kính 8-11mm, dài từ 260-420mm.</li> <li>- Độ cong thân đỉnh 7,5 độ, lỗ bắt vít di động rộng 3mm.</li> <li>- Đỉnh sử dụng vít chốt khóa 4.0/4.8mm.</li> <li>+ Vít chốt khóa 4.0 dài từ 10mm đến 70mm, bước tăng 5mm.</li> <li>+ Vít chốt khóa 4.8mm, dài từ 20mm đến 90mm, bước tăng 5mm.</li> <li>- Đỉnh được tiết trùng, đóng gói riêng lẻ</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu)</li> <li>- Xuất xứ: Các nước thuộc Châu Úc</li> </ul>	Hộp/Cái	Cái	5
138	Đỉnh đàn hồi Titan kết hợp xương Nhi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium.</li> <li>- Đường kính thân đỉnh 1.5/2.0/2.5/3.0/3.5/4.0mm, dài 300-&gt; 440mm,</li> <li>- Đường kính nắp đỉnh 6.0-7.5mm, cao 14-25mm.</li> <li>- Thân dẻo đàn hồi, 1 đầu cong đẹp, 1 đầu tròn, dùng KHX Nhi.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu)</li> </ul>		Bộ	10
139	Đỉnh dẻo Elastic dùng cho Nhi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đỉnh đàn hồi, chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 1.5mm - 4.0mm</li> <li>- Chiều dài 300mm - 440mm</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu)</li> </ul>		Cái	10
140	Đỉnh nội tủy xương đùi, loại dài 300mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đỉnh nội tủy:</li> <li>+ Vật liệu titanium,</li> <li>+ Có mặt bên dẹt,</li> <li>+ Kích thước 12mm x 13mm x 13mm x15mm,</li> <li>+ Đường kính 10mm,</li> <li>+ Dài 300mm,</li> <li>+ Góc 127 độ, có khe hở đầu xa tạo đàn hồi cho implant,</li> <li>+ Diện tích bề mặt 176 mm<sup>2</sup></li> <li>- Nắp dây đỉnh nội tủy: chất liệu titanium</li> <li>- Vít thân xương (đầu xa): chất liệu titanium, đường kính 5.0mm, chiều dài từ 30mm-&gt;60mm</li> <li>- Vít đầu xương (đầu gần): Chất liệu titanium, đường kính 10.5mm, chiều dài từ 70mm-&gt;125mm</li> <li>- Vít chống xoay: Chất liệu titanium, đường kính 5.0mm, dài từ 65mm-&gt;100mm,</li> <li>- Đóng gói tiết trùng sẵn chính hãng.</li> </ul>	Hộp/1 cái	Bộ	10
141	Đỉnh nội tủy xương đùi, loại ngắn 180mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đỉnh nội tủy:</li> <li>+ Vật liệu titanium,</li> <li>+ Có mặt bên dẹt,</li> <li>+ Kích thước 12mm x 13mm x 13mm x15mm,</li> <li>+ Đường kính 10mm,</li> <li>+ Dài 180mm,</li> <li>+ Góc 127 độ,</li> <li>+ Có khe hở đầu xa tạo đàn hồi cho implant,</li> <li>+ Diện tích bề mặt 176mm<sup>2</sup>.</li> <li>- Nắp dây đỉnh nội tủy: Chất liệu titanium</li> <li>- Vít thân xương (đầu xa): Chất liệu titanium, đường kính 5.0mm, dài từ 30mm-&gt;60mm</li> <li>- Vít đầu xương (đầu gần): Chất liệu titanium, đường kính 10.5mm, dài từ 70mm-&gt;125mm</li> <li>- Vít chống xoay: Chất liệu titanium, đường kính 5.0mm, dài từ 65mm-&gt;100mm.</li> <li>- Đóng gói tiết trùng sẵn chính hãng.</li> </ul>	Hộp/1 cái	Bộ	10
142	Đốt sống nhân tạo dạng lồng hình trụ tròn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Titanium</li> <li>- Đường kính: 16mm</li> <li>- Chiều dài 60mm</li> <li>- Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác.</li> <li>- Dùng để đặt và thay thân sống.</li> </ul>		Cái	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
143	Dù dạng lưới kim loại tự nở thể hệ mới loại 2 cánh, để bít các đường rò bất thường - Amplatzer Vascular Plug II	- Tắc mạch khu vực đặt đa dạng - Tắc mạch nhanh: Thiết kế lưới Nitinol nhiều cuộn, đa lớp mang đến tắc mạch nhanh trong lòng mạch - Chính xác vị trí: Nhiều điểm tiếp xúc với thành mạch cho chính xác vị trí trong mạch có dòng chảy vừa và mạnh - Tương thích ống thông can thiệp hoặc dụng cụ mở đường : Tương thích dụng cụ mở đường 4-7F hoặc ống thông can thiệp 5-9F tùy vào kích thước thiết bị - Khoảng mạch điều trị được là: 2.0 -17 mm - Đường kính dù: 3, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22 mm; Chiều dài khi không ép: 6, 7, 9, 10, 12, 14, 16, 18 mm		Cái	10
144	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.014" , chiều dài 182cm; 300cm	- Dây dẫn ngoại biên đường kính 0.014", chiều dài 182cm; 300cm. - Chất liệu thép không gỉ: Scitanium - Đầu tip cân quang dài 2cm cho hình ảnh rõ nét hơn. - Loại đầu: thẳng và cong. - Tip load: 3 gr, 6 gr. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		Cái	10
145	Dù đóng lỗ bầu dục	- Chất liệu: Hợp kim Nitinol - Kích cỡ: 18mm -> 25mm	Hộp/ Cái	Cái	2
146	Dù đóng ống động mạch	- Chất liệu: Hợp kim Nitinol - Kích cỡ: 5mm->14mm	Hộp/ Cái	Cái	2
147	Dù đóng thông liên nhĩ	- Chất liệu: Hợp kim Nitinol - Kích cỡ: 4mm -> 40mm	Hộp/ Cái	Cái	5
148	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng kích thước lớn	Dụng cụ bắt dị vật kích thước lớn - Ba dây cáp bằng Nitinol của En Snare xoắn lại với nhau - Có một dải Platinum liên kết chặt với các loop để tăng tính nhận biết - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt, và độ xoắn được kiểm soát 1:1. - Có dải band marker cân quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác. - Kích thước làm việc: 6mm-10mm, 9mm-15mm, 12mm-20mm, 18mm-30mm, 27mm-45mm - Chiều dài catheter: 100cm - Chiều dài của snare: 120 cm	1Cái or Bộ/ Hộp	Cái	10
149	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng kích thước nhỏ	Dụng cụ bắt dị vật kích thước nhỏ - Ba dây cáp bằng Nitinol của En Snare xoắn lại với nhau - Có một dải Platinum liên kết chặt với các loop để tăng tính nhận biết - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt, và độ xoắn được kiểm soát 1:1. - Có dải band marker cân quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác. - Thước làm việc: 2-4mm, 4-8mm, - Chiều dài catheter: 150cm - Chiều dài của snare: 175 cm - Hạn dùng 3 năm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và FDA-Mỹ	1Cái or Bộ/ Hộp	Cái	10
150	Dụng cụ cắt Coil cơ học	- Cắt coil nhanh, mức độ sử dụng ổn định - Có khả năng cắt >10 coil liên tục. - Cơ chế cắt cơ - Tương thích với coil hãng sản xuất	-	Cái	10
151	Dụng cụ cắt coil điện	- Cắt coil dưới < 01giây, có khả năng cắt 60 coil liên tục. - Tương thích với coil hãng sản xuất	-	Cái	10
152	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	- Dụng cụ có các đầu giác hút có thể tự động căng rộng - Thân được bọc silicone có thể uốn cong linh hoạt, để có thể xoay được 360 độ - Khoá kiểm soát áp lực hút, kẹp chắc chắn để gắn lên hệ thống banh ngực. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA (Mỹ)/ CE (tiêu chuẩn châu âu)	Hộp/1 cái	Cái	5
153	Dụng cụ cố định mỏm tim trong phẫu thuật mạch vành	- Thiết kế độc đáo, nhiều ống hút trên dụng cụ chụp giúp cố định tim hiệu quả.	Hộp/1 cái	Cái	2
154	Dụng cụ đẩy lắp sẵn ống thông có mũi khoan	Bao gồm: Ống thông có mũi khoan đính kim cương và dụng cụ đẩy - Tích hợp nút on/off trên dụng cụ đẩy - Các cỡ đầu khoan: 1.25; 1.5; 1.75; 2; 2.15; 2.25; 2.38; 2.50mm - Chiều dài ống thông: 135cm.		Cái/Bộ	30
155	Dụng cụ dẫn lưu lòng động mạch vành mổ bắc cầu động mạch vành	- Ống dẫn nội mạch bằng silicone - Đường kính lòng ống từ 1.0mm-3.0mm - 2 đầu ống được thiết kế thuôn bầu được đánh dấu cân quang. - Thân ống được buộc với thẻ đánh dấu cân quang ghi cỡ ống dẫn.	Hộp/5 cái	Cái	5
156	Dụng cụ đóng mạch bằng chỉ ngoại khoa	- Đóng mạch bằng chỉ tạo sẵn, loại chỉ Polypropylene - Sử dụng cho lỗ vào động mạch đùi 5F đến 21F; cho lỗ vào tĩnh mạch đùi 5F đến 24F	-	Cái	60

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
157	Dụng cụ đóng mạch với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép	- Cấu tạo gồm các thành phần sau: + Dụng cụ đóng mạch + 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm + 01 dilator - 01 sheath Kích cỡ: 6Fr và 8Fr - Sử dụng cơ chế cầm máu kép	Hộp/ 5 bộ	Bộ	90
158	Dụng cụ khâu (cây dây chỉ)	- Cây dây luôn chỉ. - Gồm các loại đầu mũi thẳng, cong trái 45 độ, cong phải 45 độ, uốn lên trên 45 độ, uốn lên trên 70 độ, hình lưỡi liềm. - Vô trùng, sử dụng một lần. - Thiết kế tay cầm thao tác một tay, có bánh xe. - Thân cứng một mảnh chống cong và gãy. - Kèm chỉ chiều dài ≥ 48" - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái/ hộp	Cái	30
159	Dụng cụ hỗ trợ nối mạch máu trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	- Chất liệu: + Kim bằng thép không gỉ + Tay cầm bằng nhựa - Kim 14G - Khoan động mạch chủ: 3.5mm -> 4.0mm	Hộp/ 01 Cái	Cái	5
160	Dụng cụ lấy huyết khối dạng stent	- Stent kéo huyết khối tái thông mạch máu chất liệu Nitinol - Có các marker trên thân stent giúp cân quang tốt. - Đa dạng kích thước 4mm, 5mm và 6mm . - Chiều dài stent: Các cỡ - Tương thích với vi ống thông có đường kính trong .017", .021".	-	Cái	30
161	Dụng cụ lấy huyết khối mạch máu não dạng stent có thể điều chỉnh độ bung	Thiết bị tái thông mạch máu dạng lưới kín đầu, điều khiển độ bung mở bằng tay cầm bên ngoài. - Kích thước: + Đường kính: 1.5mm - 6mm + Chiều dài: 32mm. - Đặc điểm: dạng lưới kín đầu, điều khiển độ bung mở bằng tay cầm bên ngoài. - Tương thích Microcatheter: 0.021" ID		cái	20
162	Dụng cụ mở đường quay	- Dụng cụ mở đường mạch máu - Chất liệu Polyethylene và Polypropylene, - valve ngăn chặn máu rò rỉ - Có Guidewire kèm có 1 đầu cong mềm, đường kính 0.025", dài 40-45cm - có khóa 3 ngã - Các cỡ: 4F,5F,6F,7F - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	5 cái/hộp	cái	1.500
163	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu	- Cấu tạo gồm: + Kim chọc mạch cỡ 18G/ 20G + Mini plastic guide wire cỡ 0.025" hoặc 0.035", dài ≥ 45cm + Bơm tiêm 2.5ml + Introducer sheath + Dilator (que nong) + Dao rạch da - Đặc điểm: + Van cầm máu kiểu Cross-Cut + Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm	Hộp/ 5 cái	Cái	1.100
164	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 25cm	- Cấu tạo gồm: + Mini plastic guide wire cỡ 0.035" hoặc 0.038", dài 80cm + Introducer sheath + Dilator (que nong) - Đặc điểm: + Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" + Kích thước: cỡ 5F, 6F, 7F dài 25cm + Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)	Hộp/ 5 cái	Cái	100
165	Dụng cụ lấy huyết khối các cỡ	- Cấu trúc sợi bền đàn xen, thiết kế trục stylet - Chiều dài trục: 140 cm - Chiều dài đầu tip: 6 mm - Lớp phủ ái nước, dài 40 cm - Có 2 kích cỡ: 6F hoặc 7F - Bao gồm: xylanh có khóa, dây nối có khóa 2 chiều, dụng cụ đẩy, màng lọc	Hộp/ 1 bộ	Bộ	35
166	Dụng cụ thả dù	- Thả dù được cho cả ống động mạch thông liên thất, thông liên nhĩ. - Kích cỡ: 6F-12F.	Hộp/ Cái	Cái	5
167	Dung dịch bôi trơn trong can thiệp bào màng xơ vữa	Dung dịch dùng trong hệ thống máy bào màng xơ vữa trong lòng mạch máu. Đổng lọ 20cc. Thành phần: Dầu ô liu, phospholipid, lòng đỏ trứng, sodium deoxycholate, L-histidine, disodium EDTA, sodium hydroxide, nước.		Lọ	30

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
168	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành thành mỏng phủ thuốc Sirolimus	- Stent lõi Co-Cr, phủ thuốc Sirolimus - Cấu tạo mắc cáo mờ có liên kết chữ Z kép dài - Độ dày Stent: $\leq 60\mu\text{m}$ . - Đường kính: 2.0 mm - 4.5 mm, chiều dài: 8 mm - 48 mm. - Có nghiên cứu lâm sàng với hơn 1000 bệnh nhân tại các quốc gia Châu Âu đã được công bố trên các tạp chí được lập chỉ mục ISI, SCOPUS, PubMed.	Cái/ Hộp	Cái	180
169	Dung dịch liệt tim túi	- Dung dịch dùng bảo quản mô, tạng, giác mạc, có tác dụng liệt tim. - Thể tích 1000ml	1000ml/ Túi	Túi	300
170	Giá đỡ động mạch và mạch máu chất liệu CoCr, phủ thuốc Sirolimus và polymer tự tiêu	- Phủ thuốc Sirolimus và polymer tự tiêu PLGA - NP 8 atm, RBP 16-19 atm. Áp suất tối đa có thể lên đến 20 atm. Áp suất bắt đầu nở bóng 6 atm. - Mắc cáo mờ, có 3 nối liên kết, 9 đỉnh. Chiều rộng thanh chống liên kết 58 $\mu\text{m}$ . - Độ dày thanh chống 65 $\mu\text{m}$ . - Bóng polyamide compound, 2 nếp gấp hoặc 4 nếp gấp - Khẩu kính đầu tip 0.43mm. Chiều dài khả dụng 138cm. - Tỷ lệ co ngán sau bung <2%, co hẹp sau bung <5% - Chiều dài từ 8 - 48 mm - Đường kính 2.25 - 4.0 mm - Đạt tiêu chuẩn CE	Hộp 1 Cái	Cái	180
171	Giá đỡ mạch cánh các cỡ cấu trúc đóng (close-cell)	Stent tự bung bằng sheath. Có thể thu stent lại sau khi đã bung ra được 50%. Thiết kế stent dạng closed-cell Thiết kế hệ thống: Monorail. Đường kính: 6-10mm Chiều dài: các cỡ Dây dẫn tương thích 0.014".	Hộp/ 1 cái	Cái	10
172	Giá đỡ mạch cánh cấu trúc Open- cell	Stent Động mạch cánh tự bung, tương thích với dây dẫn 0.014". Cấu trúc open-cell (cấu trúc mở) - Khung thẳng: Đường kính 6-10mm, chiều dài 20, 30, 40, 60mm. - Khung hình nón có 2 loại: đường kính 2 đầu to nhỏ: + loại 8mm - 6mm, chiều dài stent là 30mm + loại 10mm - 7mm, chiều dài stent là 40 mm.		cái	10
173	Giá đỡ mạch máu ngoại biên tự bung sử dụng dây dẫn 0.035" loại 12 marker	- Giá đỡ mạch máu ngoại biên tự bung - Sử dụng dây dẫn 0.035", được làm bằng hợp kim nitinol - Thiết kế 12 marker bằng Tantalum - Đường kính Stent: 5mm - 7 mm. - Chiều dài Stent: 20mm - 170 mm - Chiều dài catheter: 80cm - 130 cm.	-	Cái	10
174	Giá đỡ mạch máu ngoại biên tự bung sử dụng dây dẫn 0.035" loại 8 marker	- Giá đỡ mạch máu ngoại biên tự bung - Sử dụng dây dẫn 0.035", được làm bằng hợp kim nitinol - Thiết kế 8 marker bằng Tantalum - Hệ thống tối ưu "Pin-and-Pull" - Đường kính Stent: 7mm - 10 mm; - Chiều dài Stent: 20mm - 100 mm. - Chiều dài catheter: 80cm - 135 cm;	-	Cái	5
175	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Amphilimus	- Không polymer - Vật liệu khung giá đỡ: Hợp kim Cobalt Chromium - Lớp phủ thuốc Amphilimus - Độ dày khung giá đỡ 70 $\mu\text{m}$ - 80 $\mu\text{m}$ - 2 điểm đánh dấu bằng vật liệu Platinum - Khung giá đỡ không bị thu ngán trong suốt quá trình nong - Đường kính: 2.25mm - 4.5mm - Chiều dài: 9mm - 46mm	Hộp/ 1 cái	Cái	120
176	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus, độ mở rộng đường kính đạt tối đa 5.5mm	- Phủ thuốc Everolimus với độ giải phóng thuốc $\leq 100 \mu\text{g}/\text{cm}^2$ - Khung giá đỡ so le mỗi vòng 3-3-3, được làm từ hợp kim Cobalt-Chromium. - Bóng trong Stent được làm bằng chất liệu Pebax. - Có thể ngưng thuốc chống tích tập tiểu cầu sau 1 tháng. - Crossing profile 0.039". - Kích thước : đường kính 2.0 - 4.0 mm, chiều dài từ 8 - 38 mm. Độ mở rộng đường kính stent có thể đạt tối đa 5.5 mm - Có nghiên cứu ngẫu nhiên đối chứng với cỡ mẫu trên 3000 bệnh nhân đăng trên tạp chí chuyên ngành có uy tín ( ISI, SCOPUS ), so sánh về tính an toàn hiệu quả lâu dài trên bệnh mạch vành ổn định. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA(Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ),		Cái	30

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
177	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc với lớp phủ kép	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus với lớp phủ kép Biolute và ProBio</li> <li>- Chất liệu: Cobalt Chromium với lớp phủ kép Biolute và ProBio</li> <li>- Phủ thuốc: Sirolimus. Mật độ: 1.4µg/mm<sup>2</sup></li> <li>- Loại Polymer: Tự tiêu</li> <li>- Độ dày khung Stent: 60 µm (0.0024 inch) với đường kính 2.25mm-3.0mm, đường kính 3.5mm - 4.0mm có kích thước thanh stent 80 µm (0.0031 inch)</li> <li>- Công nghệ ép stent sắt trên nền bóng (Deep Embedding) khiến khả năng vượt qua tổn thương tốt hơn</li> <li>- Chiều dài từ: 9mm đến 40mm</li> <li>- Đường kính từ: 2.25mm đến 4.0mm</li> <li>- Chứng nhận ISO, CE và PMA thị trường Mỹ</li> </ul>	1 cái/ hộp	Cái	120
178	Giá đỡ nội mạch siêu mềm làm thay đổi hướng dòng chảy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stent chuyển dòng (thay đổi dòng chảy) cho mạch máu</li> <li>- Có thể đóng gói kèm vi ống thông thả stent</li> <li>- Đường kính stent : từ 2.5mm trở lên</li> <li>- Chiều dài stent: các cỡ</li> <li>- Kích thước có thể có xê dịch tùy nhà sản xuất</li> </ul>	-	Cái	3
179	Hạt nhựa nút mạch kích thước 40 µm-1.300 µm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer, tương thích sinh học, không tan trong dung môi.</li> <li>- Kích thước hạt 40 µm – 1.300 µm.</li> <li>- Đóng gói dạng lỏng chứa trong syringe 1ml hoặc 2ml.</li> <li>- Loại không màu hoặc có màu (để dễ dàng phân biệt các kích cỡ hạt)</li> </ul>	01 lọ/hộp	Lọ	20
180	Hạt nút mạch điều trị ung thư gan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer, tương thích sinh học, không tan trong dung môi.</li> <li>- Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt</li> <li>- Kích thước hạt 40 ± 10 µm; 75 ± 15 µm; 100 ± 25 µm.</li> <li>- Đóng gói dạng lỏng, chứa trong syringe 2ml hoặc 3ml.</li> </ul>	Hộp/ 1 lọ	Lọ	10
181	Hạt nút mạch không tái thuốc có kích thước hạt từ 45µm-1180µm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạt nút mạch không tái thuốc chất liệu Polyvinyl Alcohol.</li> <li>- Hạt nút mạch được đóng gói vô trùng 1cc</li> <li>- Có các cỡ từ 45 µm - 1180 µm</li> <li>- Có nhiều kích thước phân theo màu sắc khác nhau để dễ dàng sử dụng.</li> <li>- Được chỉ định để nút mạch các khối u tăng sinh mạch máu ngoại biên, bao gồm các u xơ tử cung và dị dạng động tĩnh mạch ngoại biên.</li> </ul>	2 lọ/Hộp, 5 Lọ/Hộp	Lọ	50
182	Hạt vi cầu nút mạch tắc tạm thời chất liệu gelatin cỡ 100-900 µm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạt vi cầu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dùng trong điều trị ung thư gan, u xơ cổ tử cung, phì đại tuyến tiền liệt và vỡ động mạch.</li> <li>- Kích thước hạt vi cầu: 100-900 µm, các hạt được hiệu chỉnh kích thước đồng nhất.</li> <li>- Có tính đàn hồi cao và độ dính kết chắc chắn, tính tương thích sinh học, ưa nước, hấp thụ trong mạch máu.</li> <li>- Đóng gói: lọ, mỗi lọ chứa khoảng 250- 300 mg hạt vi cầu dạng nén.</li> <li>- Có chủng loại hấp thụ trong vòng 24 tiếng.</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO, CE</li> </ul>	-	Lọ	25
183	Hạt vi cầu nút mạch tái thuốc, vật liệu PEG ái nước với độ nén và đàn hồi, hiệu chuẩn kích cỡ chặt chẽ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công thức mới: PEG (Polyethylene Glycol), ái nước, độ nén và đàn hồi cao.</li> <li>- Kích cỡ hạt 100-400 micromet</li> <li>- Được bổ sung thêm các Sulfonate liên kết để giữ và phóng thích thuốc có kiểm soát trong gan</li> <li>- Vật liệu PEG giúp giảm thời gian tạo thể hỗn dịch nhằm tối đa hóa thời gian tồn tại ở trạng thái hỗn dịch (trên 2 phút)</li> <li>- Khả năng tái các loại thuốc: Doxorubicin, Idarubicin, Epirubicin, Irinotecan</li> <li>- Tương thích ống thông đường kính 0.019"</li> </ul>	-	cái	20
184	Keo nút mạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần bao gồm EVOH (Ethylene-vinyl alcohol), DMSO (di-methyl sulfoxide) và Tantalium</li> <li>- Có nhiều mức độ đậm đặc khác nhau tùy tỷ lệ pha</li> <li>- Dung tích tối thiểu 1,5ml</li> </ul>	-	Lọ	10
185	Keo sinh học cầm máu có thành phần gelatin và thrombin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần gồm gelatin từ bò và thrombin từ người.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>	-	Cái	5
186	Kẹp da 5.4mm x 3.6mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu kim bằng thép không gỉ/ titanium</li> <li>- Có 3 kích thước R(5.4mm x 3.6mm), W(7.0mm x 4.0mm), H(7.0mm x 4.5mm) loại 35 kim.</li> <li>- Tiệt trùng</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO, CE (Châu Âu)</li> </ul>	-	Cái	100
187	Kẹp kim bấm da	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế bấm dòn bẩy tiệt trùng sẵn</li> <li>- Kim chữ nhật, chất liệu thép không gỉ</li> <li>- Đường kính 0.6mm, số lượng 10-45 kim/cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu)</li> </ul>	-	Cái	100

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
188	Khớp gối toàn phần có xi măng bảo tồn dây chằng chéo sau	<p>1. Thành phần đầu xương đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Cobalt Chromium Molybdenum</li> <li>- Lớp phủ bề mặt: CrCo và phủ nhám TiNbn</li> <li>- Kích cỡ: 10 kích cỡ từ 4-13, phân biệt trái, phải.</li> </ul> <p>2. Thành phần mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium</li> <li>- Kích cỡ: 10 kích cỡ mâm chày kết hợp với đệm mâm chày theo mã màu</li> </ul> <p>3. Đệm mâm chày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: UHMWPE cao phân tử.</li> <li>- Độ dày: 9 độ dày (9mm -&gt; 20mm) phù hợp với từng mã màu của size mâm chày.</li> <li>- Bảo tồn dây chằng sau.</li> </ul> <p>4. Bánh chè (Patella):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: UHMWPE cao phân tử không có Calcium Stearate</li> <li>- Kích cỡ: 6 kích cỡ (28mm-38mm, mỗi bước tăng 2mm)</li> </ul>		Bộ	5
189	Khớp gối toàn phần di động có xi măng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khớp gối toàn phần Mobile bearing có xi măng có tâm chuyên động ở phía sau là đơn trục cho phép duỗi hoàn toàn góc lên đến 130 độ.</li> <li>- Sự chuyển động giữa lõi cầu đùi và mâm chày cho phép độ rơ ít nhất là 5 độ.</li> <li>- Bề mặt tiếp xúc của lõi cầu đùi và lớp đệm ≥800 mm<sup>2</sup></li> <li>- Miếng đệm mâm chày có tính di động</li> <li>- Lõi cầu đùi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bảng hợp kim chromium cobalt molybdenum</li> <li>+ Có 5 kích cỡ bên trái và 5 kích cỡ bên phải</li> </ul> </li> <li>- Mâm chày: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bảng hợp kim chromium cobalt molybdenum</li> <li>+ Có 6 kích cỡ.</li> </ul> </li> <li>- Lớp đệm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bảng vật liệu polyethylene,</li> <li>+ Chiều cao 9-11-13-15mm, mỗi chiều cao có 5 kích cỡ</li> </ul> </li> <li>- Xương bánh chè: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vật liệu polyethylene cao phân tử</li> <li>+ Đường kính 31-34-37mm</li> </ul> </li> </ul>	Hộp/1 cái	Bộ	15
190	Khớp gối toàn phần di động có xi măng, thiết kế bảo tồn xương.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lõi cầu đùi (Femoral Component): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr), gồm 9 kích cỡ phải/trái từ 1 đến 9, thiết kế kiểu ổn định trước (Ultra-congruents), bảo tồn xương.</li> <li>+ Kích thước chiều rộng ngang lõi cầu 55mm-&gt;80mm tương ứng các size từ 1 đến 9.</li> </ul> </li> <li>- Mâm chày (Tibial Baseplate): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr), kích cỡ từ 0 đến 8, thiết kế phải/trái.</li> <li>+ Mâm chày thiết kế kiểu di động (Rotating Baseplate), biên độ xoay quanh trục của lớp đệm 20 độ, có thể gắn thêm miếng chêm và cuộn dài. Miếng chêm có độ dày 5 mm và 10mm.</li> <li>+ Cuộn dài có đường kính 13mm, chiều dài 20mm-&gt;110mm.</li> </ul> </li> <li>- Lớp đệm (Tibial Insert) <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vật liệu: PEXEL UHMWPE. có 3 độ dày 10mm, 12mm, 15mm.</li> </ul> </li> <li>- Bánh chè (Patellar): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vật liệu: UHMW Polyethylene. Kích cỡ: 23mm, 25mm, 28mm.</li> </ul> </li> <li>- Xi măng có kháng sinh Gentamycine.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO.</li> <li>- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7.</li> </ul>		Bộ	5
191	Khớp gối toàn phần gấp gối tối đa 160 độ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khớp gối cố định toàn phần mâm chày không đối xứng</li> <li>- Lõi Cầu và Mâm Chày chất liệu làm bằng hợp kim Cobalt-Chrome Molybdenum (CoCrMo) đánh bóng bề mặt, gấp gối tối đa 160 độ.</li> <li>- Lõi cầu các cỡ</li> <li>- Lớp đệm mâm chày được làm bằng vật liệu cao cấp Beta Polyethylent ( UHMWPE) có kích thước 10mm - 20 mm.</li> <li>- Mâm chày các cỡ</li> </ul>		Bộ	5
192	Khớp gối toàn phần tùy chỉnh	<ol style="list-style-type: none"> <li><b>Lõi cầu xương đùi (Fomoral Component) :</b> Vật liệu: hợp kim Cobalt Chrome</li> <li><b>Mâm chày Sinbios (Tibial Tray) :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: hợp kim Titanium alloy</li> <li>- Có kích cỡ (size): phù hợp với từng cá thể có dụng cụ sử dụng một lần đi kèm</li> </ul> </li> <li><b>Đệm mâm chày :</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: vật liệu cao phân tử Polyetylen.</li> <li>- Có độ dày: Chèn cố định xương chày được làm theo yêu cầu đã ổn định phía sau.</li> </ul> </li> <li><b>Bánh chè:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Vật liệu cao phân tử (Uhmwpe) Fixed</li> <li>- Có 4 kích cỡ về độ dày và đường kính: 26 mm, 29 mm, 32 mm, 35 mm.</li> </ul> </li> <li><b>Xi măng ngoại khoa</b></li> </ol>		Bộ	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
193	Khớp háng bán phần không xi măng, góc cổ chuôi 129	<p><b>1. Cuống khớp (Stem Harmony):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu : Hợp kim titanium</li> <li>- Lớp phủ bên ngoài : Hydroxyapatite. Cổ côn: 12/14.</li> <li>- Góc cổ chuôi: 129 độ.</li> <li>- Kích thước chuôi nhiều số: 9 x 130mm -&gt; 20 x 190mm;</li> </ul> <p><b>2. Chỏm khớp (head):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu : Cobalt-chrome head</li> <li>- Độ côn 12 / 14 5°40' taper.</li> <li>- Đường kính đầu (head) : 22.2mm(-2, 0, 43), 28mm (0, ±3.5, +7,)</li> </ul> <p><b>3. Phần tử lưỡng cực (Bipolar zimed Component (Shell and Liner) :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên ngoài (shell) là Cobalt Chrome, bên trong (liner) là polyethylene cao phân tử (UHMWPE).</li> <li>- Loại có vòng khóa (polyethylene top - locking ring).</li> <li>- Sử dụng với đầu xương đùi đường kính 22 mm và 28mm</li> </ul>	Hộp/1 Cái	Bộ	5
194	Khớp háng bán phần có xi măng góc cổ chuôi 125 độ	<p><b>1. Chuôi có xi măng:</b> Góc cổ chuôi: 125 độ. Vật liệu thép không gỉ, các cỡ.</p> <p><b>2. Ổ cối bán phần:</b> Bề mặt ngoài bằng thép ko gỉ, bề mặt bên trong bằng polyethylene.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính các cỡ</li> <li>- Ổ cối có khóa răng chống trật khớp</li> </ul> <p><b>3. Đầu xương đùi (chỏm):</b> Chất liệu thép không gỉ.</p> <p><b>4. Nút chặn</b></p> <p><b>5. Xi măng</b></p>	Hộp/1 Cái	Bộ	10
195	Khớp háng bán phần có xi măng góc cổ chuôi 135 độ	<p><b>1. Chuôi có xi măng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Góc cổ chuôi: 135 độ.</li> <li>+ Vật liệu thép không gỉ.</li> <li>+ Cổ chuôi 12/14 5 độ 40 phút, hình ê-líp</li> <li>+ Kích cỡ: 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16.</li> <li>+ Tiết trùng sẵn bằng tia gamma.</li> </ul> <p><b>2. Ổ cối bán phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bề mặt ngoài bằng thép ko gỉ</li> <li>+ Bề mặt bên trong bằng polyethylene.</li> <li>+ Đường kính 22.2mm-&gt;28mm</li> <li>+ Ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp.</li> </ul> <p><b>3. Đầu xương đùi (chỏm):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Đường kính 22.2mm: có các size: 0; +3</li> <li>- Đường kính 28mm: có các size: -3.5; 0; +3.5; +7)</li> </ul> <p><b>4. Nút chặn</b></p> <p><b>5. Xi măng</b></p>	Hộp/1 cái	Bộ	5
196	Khớp háng bán phần không xi măng	<p><b>1. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Góc cổ chuôi 135 độ.</li> <li>+ Vật liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium, được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium và 1 lớp hydroxyapatite.</li> <li>+ Cổ chuôi 12/14,</li> <li>+ Kích thước: 9-&gt;16 tương ứng chiều dài 130mm -&gt;170mm.</li> <li>+ Tiết trùng sẵn bằng tia gamma.</li> </ul> <p><b>2. Ổ cối bán phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bề mặt ngoài bằng thép không gỉ</li> <li>+ Bề mặt bên trong bằng polyethylene.</li> <li>+ Đường kính 22.2-&gt; 28mm</li> <li>+ Ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp.</li> </ul> <p><b>3. Đầu xương đùi (chỏm):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>+ Đường kính 22.2mm: có các size: 0; +3,</li> <li>+ Đường kính 28mm: có các size: -3.5; 0; +3.5; +7</li> </ul>	Hộp/1 cái	Bộ	20
197	Khớp háng bán phần không xi măng cánh và rãnh chống xoay	<p><b>1. Chuôi xương đùi:</b> có taper 12/14, Biên độ xoay 135°, có cánh và rãnh chống xoay.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuôi chất liệu: Ti6Al4V</li> <li>- Kích cỡ: 8-&gt;18, chiều dài các cỡ</li> </ul> <p><b>2. Đầu xương đùi:</b> Chất liệu CoCrMo</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có taper 12/14. Có biên độ xoay 135°, đầu găng chỏm 22.2mm- &gt;28mm, đường kính 39mm -&gt; 55mm.</li> <li>- Gồm nhiều size</li> </ul> <p><b>3. Chỏm xương đùi:</b> Chất liệu UHMWPE bên trong, bên ngoài chất liệu Implant Stainless steel</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 39mm-&gt;55mm, có vòng khóa chống trật.</li> </ul>	-	Bộ	10



STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
198	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài, thiết kế bảo tồn xương.	<p><b>1. Cuống xương đùi:</b>  + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ titanium và Calcium Hydroxyapatite (HA), thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún, có khe dọc cuối chuỗi tăng tiết diện bám xương.  + Kích thước: có 6 kích cỡ gồm 10 -&gt;20 với chiều dài: 200mm -&gt;240mm; đường kính cuối chuỗi 10 -&gt; 14mm.  + Góc cổ chuỗi: phổ biến ở hai góc độ 135° hoặc 128°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối đầu xương đùi.</p> <p><b>2. Đầu xương đùi:</b>  + Vật liệu: Co-Cr  + Đường kính: 22.2mm (-2, +0, +2),  28mm (-7, -3.5, +0, +3.5, +7, +10.5mm).</p> <p><b>3. Chỏm xương đùi :</b>  + Vật liệu: bên ngoài thép không gỉ và lớp đệm Polyethylene cao phân tử UHMWPE kèm vòng khóa chống trật.  + Kích cỡ: từ 39mm đến 59mm.  - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.</p> <p><b>4. Xuất xứ:</b> Các nước thuộc nhóm G7</p>		Bộ	5
199	Khớp háng bán phần không xi măng phủ TPS	<p><b>1. Chuôi khớp</b>  - Chất liệu hợp kim Titan TiA16V4, phủ TPS  - Góc cổ thân 125- 135 độ  - Đầu chuỗi dạng Taper 12/ 14  - Kích cỡ chuỗi : từ 6.25mm-&gt; 20mm, chiều dài các cỡ</p> <p><b>2. Chỏm xương đùi</b>  - Chất liệu : Cobalt-Chrome (CoCr)  - Đường kính đầu : 22mm-&gt; 36mm</p> <p><b>3. Đầu Bipolar - Chất liệu thép không gỉ.</b>  - Đường kính trong: 22-&gt; 28mm  - Đường kính ngoài: từ 38mm -&gt; 58mm</p>	Bộ/hộp	Bộ	10
200	Khớp háng bán phần không xi măng, ổ cối lưỡng cực	<p><b>1. Chuôi khớp:</b> chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, chiều dài từ 120mm - 190 mm, góc cổ chuỗi từ 125 -145 độ.</p> <p><b>2. Chỏm khớp:</b> phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu Cobalt Chrome</p> <p><b>3. Ổ cối lưỡng cực:</b> có lót đường kính trong 22mm-&gt;28mm, đường kính ngoài từ 38 -&gt; 56 mm, chất liệu Cobalt Chrome/UHMWPE.</p>	-	Bộ	10
201	Khớp háng bán phần không xi măng, thiết kế bảo tồn xương	<p><b>1. Cuống xương đùi (Stem):</b>  + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ titanium và Calcium Hydroxyapatite (HA), thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún.  + Kích thước: 7 -&gt; 20 tương ứng chiều dài: 110mm-&gt;190mm.  + Góc cổ chuỗi: phổ biến ở hai góc độ 135° hoặc 128°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối đầu xương đùi.</p> <p><b>2. Đầu xương đùi (Head):</b>  + Vật liệu: Co-Cr  + Kích thước: 22.2mm (-2, +0, +2),  28mm (-7, -3.5, +0, +3.5, +7, +10.5mm).</p> <p><b>3. Chỏm xương đùi (Shell):</b>  + Vật liệu: Bên ngoài thép không gỉ và lớp đệm Polyethylene cao phân tử UHMWPE kèm vòng khóa chống trật.  + Kích cỡ: từ 39mm đến 59mm.</p> <p><b>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.</b></p> <p><b>5. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7.</b></p>		Bộ	10
202	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay có xi măng chuỗi dài	<p>- Bao gồm: Đầu chỏm Bipolar, chỏm khớp, cuống khớp loại dài, xi măng ngoài khoa, bơm xi măng.</p> <p>- <b>Đầu chỏm Bipolar:</b>  + Vật liệu : REX Steel hoặc PE.  + Kích cỡ : 41 -&gt; 61mm</p> <p>+ <b>Cuống khớp:</b> REX steel hoặc PE có hàm lượng nitrogen cao giúp có độ bền cao, chịu xoắn vặn ,chống mài mòn, ăn mòn kim loại  + Chuôi dạng không cổ  + Góc cổ chuỗi: 135 độ.  + Kích cỡ chuỗi: 0 -&gt; 10  + Chiều dài chuỗi: các cỡ</p> <p>- <b>Đầu Chỏm xương đùi</b>  + Vật liệu : REX steel hoặc PE  + Đường kính đầu: 28 mm</p>		Bộ	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
203	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng chuỗi dài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bao gồm: Đầu chỏm Bipolar, chỏm khớp, cuống khớp loại dài.</li> <li>- <b>Đầu chỏm Bipolar:</b></li> <li>+ Vật liệu : REX Steel hoặc PE.</li> <li>+ Kích cỡ : 41 – 61mm</li> <li>- <b>Cuống khớp:</b></li> <li>+ Vật liệu : REX Steel hoặc PE</li> <li>+ Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương</li> <li>+ Kích cỡ chuỗi: 3 -&gt; 10, chiều dài các cỡ</li> <li>+ Góc cổ chuỗi: 135 độ</li> <li>+ Cổ côn 12/14 mm</li> <li>+ Chuỗi dạng không cổ, lớp phủ Titanium Plasma</li> <li>- <b>Đầu Chỏm xương đùi</b></li> <li>+ Vật liệu : REX Steel hoặc PE</li> <li>+ Đường kính: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12).</li> </ul>	-	Bộ	5
204	Khớp háng chuyển động đôi toàn phần không xi măng	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Đầu xương đùi:</b></li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Kích cỡ: 12/14</li> <li>- Đường kính 22.2mm-&gt;28mm</li> <li>2. <b>Lớp đệm:</b> Vật liệu: Polyethylene</li> <li>- Size 44-&gt;60</li> <li>- Đường kính 22.2mm-&gt; 28mm</li> <li>3. <b>Ổ cối:</b> bề mặt ngoài có 2 lớp</li> <li>- Vật liệu: Hợp kim Cobalt - Chrome - molybdenum</li> <li>- Kích cỡ: 44-60 mm</li> <li>- Chén đóng ổ cối được thiết kế gắn sẵn với cup</li> <li>4. <b>Chuôi xương đùi:</b> Góc cổ chuỗi 135 độ.</li> <li>- Vật liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium, được phủ 2 lớp</li> <li>- Cổ chuỗi 12/14</li> <li>- Kích thước: 9-&gt; 16, chiều dài các cỡ</li> </ol>	-	Bộ	10
205	Khớp háng chuyển động đôi toàn phần không xi măng, chỏm ceramic	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Chỏm + Lớp đệm:</b> được thiết kế lắp sẵn với nhau;</li> <li>- Chỏm Ceramic Ceralepine</li> <li>- Đường kính 28mm tương ứng ổ cối size 48-60mm,</li> <li>2. <b>Ổ cối:</b> bề mặt ngoài có 2 lớp: lớp bên dưới phủ bột titanium, lớp bên trên phủ lớp hydroxyapatite toàn phần.</li> <li>3. <b>Chuôi xương đùi:</b> Góc cổ chuỗi 125-135 độ.</li> <li>- Vật liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium,</li> <li>- Cổ chuỗi 12/14</li> <li>- Kích thước: 9-&gt;16 chiều dài các cỡ</li> </ol>	-	Bộ	5
206	Khớp háng toàn phần chuyển động đôi, không xi măng, chén in 3 chiều nguyên khối chất liệu CoCrMo	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Chuôi khớp không xi măng</b></li> <li>+ Cổ chuỗi 12/14,</li> <li>+ Góc cổ chuỗi 135 độ,</li> <li>+ Chất liệu Titanium, phủ lớp HA</li> <li>+ kích cỡ chuỗi: từ 8 -&gt; 18 tương ứng chiều dài từ 116 mm -&gt; 186mm</li> <li>- Chuôi có các rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa</li> <li>2. <b>Chén in 3 chiều nguyên khối:</b></li> <li>- Chén hình bán cầu, cộng thêm lớp viền hình trụ nâng cao 3mm chống trật khớp.</li> <li>- Vỏ chén cực kỳ thô ráp nhờ bề mặt nguyên khối in 3 chiều từ bột CoCrMo</li> <li>- Bề mặt in 3 chiều được phủ thêm một lớp hydroxyapatite</li> <li>- Kích cỡ chén: 14 kích cỡ ( 42 đến 68 bước tăng 2mm). Đường kính trong từ 39-57mm, đường kính ngoài 45-63mm.</li> <li>3. <b>Lớp đệm đi động</b> Cross-linked PE: Chất liệu UHMWPE</li> <li>4. <b>Đầu chỏm xương đùi</b></li> <li>+ Chất liệu CoCrMo</li> <li>+ Đường kính: * 22.2mm (Chiều dài cổ -2, +0, +2, +5);</li> <li>* 28mm (Chiều dài cổ -3.5, 0, +3.5, +7)</li> <li>- Hỗ trợ dụng cụ khi sử dụng</li> </ol>	4 Hộp/bộ	Bộ	5
207	Khớp háng toàn phần không xi măng	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Chuôi khớp không xi măng, cổ chuỗi 12/14</b></li> <li>- Góc cổ chuỗi 135 độ</li> <li>- Chất liệu Titanium, toàn bộ bề mặt thân chuỗi được phủ lớp HA</li> <li>- Kích cỡ: 8 -&gt; 18, chiều dài các cỡ</li> <li>- Chuôi có các rãnh ngang ở đầu gần và rãnh dọc ở đầu xa</li> <li>2. <b>Chén hình bán cầu, đỉnh phẳng.</b></li> <li>- Vỏ chén bằng Titanium</li> <li>- Có 3 lỗ bắt vít</li> <li>- Kích cỡ: 42mm -&gt; 66mm</li> <li>3. <b>Lớp đệm:</b> có bờ chống trật</li> <li>4. <b>Đầu chỏm xương đùi</b></li> <li>- Chất liệu CoCrMo</li> <li>- Đường kính: 28mm -&gt; 36mm</li> <li>5. <b>Vít:</b> Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 6,5mm</li> <li>- Chiều dài từ 20mm-50mm</li> <li>- Hỗ trợ dụng cụ khi sử dụng</li> </ol>	-	Bộ	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
208	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic, thiết kế bảo tồn xương.	<p><b>1. Cuống xương đùi (Stem):</b>  + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ titanium và Calcium Hydroxyapatite (HA), thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún.  + Kích thước: từ 7 đến 20.  + Chiều dài: 110mm-&gt;190mm.  + Góc cổ chuỗi: phổ biến ở hai góc độ 135° hoặc 128°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi.</p> <p><b>2. Đầu xương đùi (Head):</b>  + Chất liệu Ceramic Composite  + Kích thước 32mm (-4, +0, +4), 36mm (-4, +0, +4).</p> <p><b>3. Ổ cối (Cup):</b>  + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp Titanium và Calcium HydroxyApatite (HA), ổ cối được thiết kế cao hơn lớp đệm 2.6mm. Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối 120°.  + Kích cỡ: từ 46-62mm.</p> <p><b>4. Lớp đệm (Insert):</b>  + Vật liệu: Ceramic  + Kích thước lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p><b>5. Vít ổ cối (Screw):</b>  + Chất liệu titanium TA6V,  + Đường kính 6.0mm,  + Chiều dài vít 20-50mm.  - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7.</p>	Hộp/Bộ	Bộ	5
209	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly, thiết kế bảo tồn xương.	<p><b>1. Cuống xương đùi (Stem):</b>  + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ titanium và Calcium Hydroxyapatite (HA), thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún.  + Kích thước: từ 7 đến 20 tương ứng Chiều dài: 110mm -&gt; 190mm.  + Góc cổ chuỗi: phổ biến ở hai góc độ 135° hoặc 128°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi.</p> <p><b>2. Đầu xương đùi (Head):</b>  + Chất liệu: Composite Ceramic  + Kích thước: 32mm (-4, +0, +4); 36mm (-4, +0, +4).</p> <p><b>3. Ổ cối (Cup):</b>  + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp Titanium và Calcium HydroxyApatite (HA), ổ cối được thiết kế cao hơn lớp đệm 2.6mm. Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối 120°.  + Kích cỡ: từ 46-62mm.</p> <p><b>4. Lớp đệm (Insert):</b>  + Chất liệu: Polyethylene được trộn với 0.1% Vitamine E. Mặt vát 20° của lớp đệm. Cố định lớp đệm bằng 10 mẫu chống xoay gắn vào vành của ổ cối.  + Kích thước của lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm và 36mm.</p> <p><b>5. Vít ổ cối (Screw):</b>  + Chất liệu titanium TA6V,  + Đường kính 6.0mm,  + Chiều dài vít 20-50mm.  - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7.</p>	Hộp/Bộ	Bộ	5
210	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi Ceramic	<p><b>1. Ổ cối (Dual-mobility):</b>  - Vật liệu: Hợp kim. Lớp phủ: Xốp titan và hydroxyapatite.  - Kích cỡ: 42 – 64 với mỗi bước tăng 2 mm.</p> <p><b>2. Lót ổ cối (Liner :Retentive mobile):</b>  - Vật liệu: Polyethylene  - Đường kính trong: 22.2mm và 28 mm.  - Đường kính ngoài:  + Từ 42 đến 46mm tương thích với chỏm với chỏm khớp 22.2mm.  + Từ 48 đến 64mm tương thích với chỏm với chỏm khớp 28mm.</p> <p><b>3. Chỏm khớp (femoral head):</b>  - Vật liệu: Biolox Delta Ceramic.  - Đường kính đầu (head) : 28 (0, ±3.5), 32 (-4, 0, +4,+7), 36 (-4, 0, +4,+8), 40 (0, ±4,+8) mm.</p> <p><b>4. Cuống khớp (Stem Harmony ):</b>  - Vật liệu : Hợp kim titanium. Lớp phủ bên ngoài : Hydroxyapatite. Cổ côn: 12/14 5°40'. Góc cổ chuỗi: 129 độ.  - Kích thước chuỗi: 9 -&gt; 20 tương ứng chiều dài 130mm -&gt;190mm</p> <p><b>5. Vít ổ cối:</b>  - Vật liệu Titanium alloy  - Loại vít tự taro. Có đường kính 6.5mm.  - Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm.</p>	Hộp/Bộ	Bộ	5



STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
211	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi loại tiêu chuẩn	<p><b>1. Ổ cối:</b> Vật liệu: Hợp kim. Phủ xốp titan và hydroxyapatite. Kích cỡ: 42 → 64 với mỗi bước tăng 2 mm</p> <p><b>2. Lót ổ cối:</b> Vật liệu: Polyethylene. Đường kính trong: 22.2mm, 28 mm. có thể chuyển động xoay trong ổ cối tích hợp</p> <p><b>3. Chòm khớp:</b> + Vật liệu: Cobalt-chrome head, Độ côn 12 / 14. + Đường kính đầu: 22.2mm → 36mm</p> <p><b>4. Cuống khớp:</b> + Vật liệu: Hợp kim titanium. Lớp phủ bên ngoài: Hydroxyapatite. + Cổ côn: 12/14, Góc cổ chũoi: 129 độ. + Kích thước chũoi nhiều số: 9 → 20 tương ứng chiều dài từ 130mm → 190mm</p> <p><b>5. Vít ổ cối:</b> + Vật liệu Titanium alloy. Loại vít tự taro. + Đường kính 6.5mm. Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm.</p>		Bộ	5
212	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi, góc cổ chũoi 129 độ	<p><b>1. Ổ cối (Dual-mobility):</b> - Vật liệu: Hợp kim, - Lớp phủ: Xốp titan và hydroxyapatit. - Kích cỡ: 48 – 64 mm với mỗi bước tăng 2 mm</p> <p><b>2. Lót ổ cối (Liner :Retentive mobile):</b> - Vật liệu: liên kết chéo cao phân tử Polyetylen - Đường kính trong: 28 mm. có thể chuyển động xoay trong ổ cối tích hợp - Đường kính ngoài từ 48 đến 64mm sử dụng với chòm khớp 28mm.</p> <p><b>3. Chòm khớp (femoral head):</b> - Vật liệu: Cobalt-chrome head, Độ côn 12 / 14 5°40' taper. - Đường kính đầu (head) 28 (0, ±3.5, +7,)mm</p> <p><b>4. Cuống khớp (Stem Harmony):</b> - Vật liệu: Hợp kim titanium - Lớp phủ bên ngoài: Hydroxyapatite. Cổ côn: 12/14. - Góc cổ chũoi: 129 độ. - Kích thước: 9 → 20 tương ứng chiều dài 130mm → 190mm</p> <p><b>5. Vít ổ cối:</b> - Vật liệu Titanium alloy - Loại vít tự taro. - Đường kính 6.5mm. - Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm.</p>	Hộp/Bộ	Bộ	5
213	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi, góc cổ chũoi 137 độ, taper 10/12.	<p><b>1. Cuống xương đùi (Stem):</b> + Kích cỡ 1-7, tương ứng chiều dài 111mm → 144mm. + Mặt cắt thân chũoi hình bầu dục. Thân chũoi có rãnh dọc. + Vật liệu: anodized TA6V, phủ Hydroxyapatite toàn thân (HAP). + Góc cổ chũoi (Neck Angle): 137 độ, taper 10/12.</p> <p><b>2. Đầu xương đùi (Femoral head):</b> + Chất liệu: hợp kim + Kích cỡ 22.2mm, 28mm.</p> <p><b>3. Ổ cối dạng vòm trụ được phủ 2 lớp Titanium và Hydroxyapatite (HA)</b> Kích cỡ: từ 42 - 64 mm.</p> <p><b>4. Lớp đệm (Insert):</b> + Chất liệu: Hợp chất cao phân tử Polyethylene (UHMWPE). - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7.</p>	Hộp/Bộ	Bộ	5
214	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép Ceramic, góc cổ chũoi 129 độ	<p><b>1. Ổ cối (Dual-mobility):</b> - Vật liệu: Hợp kim. Lớp phủ: Xốp titan và hydroxyapatit. - Kích cỡ: 48 – 64 mm với mỗi bước tăng 2 mm</p> <p><b>2. Lót ổ cối (Liner :Retentive mobile):</b> - Vật liệu: liên kết chéo cao phân tử Polyetylen - Đường kính trong: 28 mm. có thể chuyển động xoay trong ổ cối tích hợp - Đường kính ngoài từ 48 đến 64mm sử dụng với chòm khớp 28mm.</p> <p><b>3. Chòm khớp (femoral head):</b> - Vật liệu: Biolox Delta Ceramic. - Đường kính đầu (head): 28 (0, ±3.5)</p> <p><b>4. Cuống khớp (Stem Harmony):</b> - Vật liệu: Hợp kim titanium - Lớp phủ bên ngoài: Hydroxyapatite. Cổ côn: 12/14. - Góc cổ chũoi: 129 độ. - Kích thước: 9 → 20 tương ứng chiều dài 130mm → 190mm; .</p> <p><b>5. Vít ổ cối:</b> - Vật liệu Titanium alloy - Loại vít tự taro. - Có đường kính 6.5mm. - Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm.</p>	Hộp/Bộ	Bộ	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
215	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép chuỗi làm bằng Titanium alumininum Vanadium , góc cổ chuỗi 135°	<p><b>1. Cuồng khớp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V</li> <li>- Lớp phủ Titanium nguyên chất xốp</li> <li>- Góc cổ chuỗi (Neck Angle) : 135°, cổ côn 12/14</li> <li>- Kích cỡ: 10 kích cỡ 6,25 -&gt; 20 tương ứng chiều dài 137mm -&gt;162,5mm</li> <li>- Offset: có 2 offset Standard; Lateralized</li> </ul> <p><b>2. Đầu chỏm xương đùi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hỗn hợp thép không rỉ nitro hóa cao PM734 - ISO5832/9</li> <li>- Đường kính: 22mm (-2; 0; +2), 28mm (-3,5; 0; +3,5; +7).</li> </ul> <p><b>3. Ổ cối (Shell):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V),</li> <li>Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma.</li> <li>- Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42-70mm với mỗi bước tăng 2mm.</li> <li>- Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, có nút đẩy vít có thể tháo rời.</li> </ul> <p><b>4. Lớp lót kim loại:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim thép không gỉ</li> </ul> <p><b>5. Lớp đệm Acorn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử</li> <li>- Đường kính trong: 22mm, 28mm.</li> <li>- Đường kính ngoài: có 5 kích thước kết hợp với lớp lót kim loại</li> </ul> <p><b>6. Vít ổ cối (Screw):</b> Titanium đường kính 6.5mm chiều dài: 20 -&gt;50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-&gt; 60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p>		Bộ	10
216	Khớp háng toàn phần không xi măng góc cổ chuỗi 129 độ	<p><b>1. Ổ cối (Shell Alril):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim titan</li> <li>- Lớp phủ: Xốp titan và hydroxyapatit.</li> <li>- Kích cỡ: 40 – 64 mm với mỗi bước tăng 2 mm.</li> </ul> <p><b>2. Lót ổ cối</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: liên kết chéo cao phân tử polyethylene Crosslinked.</li> <li>- Đường kính ngoài: 40mm-&gt;52mm</li> </ul> <p><b>3. Chỏm khớp (head):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu : Cobalt-chrome head</li> <li>- Độ côn 12 / 14 5°40' taper..</li> <li>- Đường kính đầu (head) : 22.2(-2, 0, 43)mm, 28 (0, ±3.5, +7,)mm, 32 (0, ± 4, 8 )mm, 36 (0, ± 4, 8 )mm.</li> </ul> <p><b>4. Cuồng khớp (Stem Harmony):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu : Hợp kim titanium</li> <li>- Lớp phủ bên ngoài : Hydroxyapatite. Cổ côn: 12/14.</li> <li>- Góc cổ chuỗi: 129 độ.</li> <li>- Kích thước: 9-&gt; 20 tương ứng chiều dài 130mm -&gt; 190mm; .</li> </ul> <p><b>5. Vít ổ cối:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu Titanium alloy</li> <li>- Loại vít tự taro.</li> <li>- Đường kính 6.5mm.</li> <li>- Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm</li> </ul>	Hộp/Bộ	Bộ	5
217	Khớp háng toàn phần không xi măng góc cổ chuỗi 135 độ Ceramic on Ceramic	<p><b>1. Chuỗi khớp không xi măng, cổ chuỗi 12/14</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góc cổ chuỗi 135 độ</li> <li>- Chất liệu Titanium, thân chuỗi được phủ lớp HA</li> <li>- Kích cỡ chuỗi 8 -&gt; 18 chiều dài các cỡ</li> <li>- Chuỗi có các rãnh ngang ở đầu gần và rãnh dọc ở đầu xa</li> </ul> <p><b>2. Chén hình bán cầu, đỉnh phẳng.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ: 42mm -&gt; 66mm</li> </ul> <p><b>3. Lớp đệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu BioloX Delta,</li> <li>- Đường kính trong 32mm - &gt;40mm</li> </ul> <p><b>4. Đầu chỏm xương đùi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Delta Alumina Ceramic</li> <li>- Đường kính 28mm -&gt; 36mm</li> </ul> <p><b>5. Vít:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium</li> <li>- Đường kính 6,5mm,</li> <li>- Chiều dài 20mm-&gt;50mm</li> </ul>		Bộ	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
218	Khớp háng toàn phần không xi măng tùy chỉnh ceramic	<p><b>1. Ổ cối (Shell Alril):</b>  - Vật liệu: Hợp kim titan  - Lớp phủ: Xốp titan và hydroxyapatit.</p> <p><b>2. Lót ổ cối (Liner):</b>  - Vật liệu: gồm BIOLOX delta hoặc Vật liệu: liên kết chéo cao phân tử polyethylene Crosslinked có gờ chống trật khớp 10 độ.  - Đường kính ngoài: 40mm-&gt; 64mm</p> <p><b>3. Chòm khớp (femoral head):</b>  - Vật liệu : Biolox Delta Ceramic.  - Đường kính đầu (head) : 28 (0, ±3.5), 32 (-4, 0, +4,+7), 36 (-4, 0, +4,+8), 40 (0, ±4,+8) mm.</p> <p><b>4. Cuống khớp (Stem costum):</b>  - Vật liệu : Hợp kim titanium  - Lớp phủ bên ngoài : Hydroxyapatite.  - Cổ côn: 12/14.  <b>5. Vít ổ cối:</b>  - Vật liệu Titanium alloy  - Loại vít tự taro.  - Có đường kính 6.5mm.  - Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm,</p>	Hộp/Bộ	Bộ	5
219	Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic On PoLy	<p><b>1. Chuôi khớp không xi măng</b>  - Cổ chuôi 12/14, Góc cổ chuôi 135 độ  - Chất liệu Titanium, phủ HA  - Kích cỡ chuôi 8-&gt; 18 chiều dài các cỡ  - Chuôi có các rãnh ngang ở đầu gần và rãnh dọc ở đầu xa</p> <p><b>2. Chén hình bán cầu, đỉnh phẳng.</b>  - Vỏ chén bằng Titanium được phun plasma lớp titan nhám và lớp HA  - Có 3 lỗ bắt vít  - Có 13 kích cỡ từ 42mm-&gt; 66mm</p> <p><b>3. Lớp đệm có bờ chống trật 15 độ</b></p> <p><b>4. Đầu chòm xương đùi:</b>  - Chất liệu Delta Alumina Ceramic  - Đường kính 28mm -&gt; 36mm</p> <p><b>5.Vít: Chất liệu Titanium</b>  - Đường kính 6,5mm  - Chiều dài các cỡ  - Côn 24 độ</p>	-	Bộ	5
220	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi dài.	<p>- <b>Cuống khớp:</b> Vật liệu : Titanium alloy.  + Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương  + Kích cỡ chuôi: 3-&gt; 10, chiều dài các cỡ  + Góc cổ chuôi: 125-&gt;135độ. cổ côn 12/14 mm  + Chuôi dạng không cổ, lớp phủ Titanium Plasma</p> <p>- <b>Ổ cối:</b>  + Vật liệu : Titanium alloy lớp phủ Titanium Plasma Spray  + Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic.  + Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối giúp cố định ổ cối  + Kích cỡ : 40 -&gt; 74 mm</p> <p>- <b>Lớp đệm</b>  + Vật liệu : Polyethylene cao phân tử  + Đường kính trong : 28 -&gt; 32 mm.  + Đường kính ngoài : phù hợp với ổ cối có đường kính 40-74mm</p> <p>- <b>Đầu chòm xương đùi</b>  + Vật liệu : REX Steel.  + Đường kính: 28 -&gt; 32mm</p>	-	Bộ	2

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
221	Khớp háng toàn phần không xi măng, Metal on Poly (MOP)	<p><b>1. Đầu xương đùi (chôm):</b> Chôm và lớp đệm được đóng thành 1 khối; chòm chuyển động bên trong lớp đệm, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, tạo thành chuyển động kép.  + Chất liệu: Thép không gỉ. Đường kính 22.2mm: có các size: 0; +3,  + Đường kính 28mm: có các size: -3.5; 0; +3.5; +7</p> <p><b>2. Lớp đệm (liner):</b>  + Vật liệu: Polyethylene.  + Size 44-60 bước tăng 2 tương ứng chòm đường kính 22.2mm;  + Size 48-60 bước tăng 2 tương ứng chòm đường kính 28mm.</p> <p><b>3. Ổ cối (cup):</b>  + Bề mặt ngoài có 2 lớp: lớp bên dưới phủ bột titanium, lớp bên trên phủ lớp hydroxyapatite toàn phần, vành ngoài có 6 đỉnh cố định chống xoay;  + Đỉnh ổ cối có 4 đỉnh chống lật và xoay.  + Bề mặt bên trong được đánh bóng cao.  + Vật liệu: Hợp kim Cobalt - Chrome - molybdenum.  + Kích cỡ: 44-60 mm với bước tăng 2 mm.  + Chén đóng ổ cối được thiết kế gắn sẵn với cup, đóng gói tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.</p> <p><b>4. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi):</b>  + Góc cổ chuôi 135 độ.  + Vật liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium, được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium và 1 lớp hydroxyapatite. Cổ chuôi 12/14 5 độ 40 phút, hình ê-líp.  Kích thước: 9 -&gt; 16 tương ứng chiều dài 130mm -&gt;170mm.  + Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.</p>	Hộp/1 cái	Bộ	10
222	Khớp háng toàn phần không xi măng, thiết kế bảo tồn xương.	<p><b>1. Cuống xương đùi (Stem):</b>  + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ titanium và Calcium Hydroxyapatite (HA), thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún.  + Kích thước: từ 7 đến 20 tương ứng Chiều dài: 110mm -&gt;190mm.  + Góc cổ chuôi: phổ biến ở hai góc độ 135° hoặc 128°,  + Phần đầu taper 12/14</p> <p><b>2. Đầu xương đùi (Head):</b>  + Vật liệu: Co-Cr  + Đường kính 32mm (-4, +0, +4, +8);  + Đường kính 36mm (-4, +0, +4, +8).</p> <p><b>3. Ổ cối (Cup):</b>  + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp Titanium và Calcium HydroxyApatite (HA).  + Kích cỡ: từ 46-62mm.</p> <p><b>4. Lớp đệm (Insert) :</b>  + Chất liệu: Polyethylene được trộn với 0.1% Vitamine E  + Kích thước của lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm và 36mm.</p> <p><b>5. Vít ổ cối (Screw):</b>  + Chất liệu titanium TA6V,  + Đường kính 6.0mm,  + Chiều dài vít 20-50mm.  - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.  - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7.</p>		Bộ	5
223	Khớp háng toàn phần nhân tạo chuyển động đôi không xi măng QUATTRO PNP, Ceramic on Poly (COP)	<p><b>1. Chòm</b>  + Lớp đệm: được thiết kế lắp sẵn với nhau; chòm chuyển động bên trong lớp đệm, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, tạo thành chuyển động kép.  + Chòm Ceramic Ceralepine đường kính 28mm tương ứng ổ cối size 48-60mm, bước tăng 2mm.  + Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.</p> <p><b>2. Ổ cối (cup):</b>  + Bề mặt ngoài có 2 lớp: lớp bên dưới phủ bột titanium, lớp bên trên phủ lớp hydroxyapatite toàn phần,  + Đỉnh ổ cối có 4 đỉnh chống lật và xoay.  + Vật liệu: Hợp kim Cobalt - Chrome - molybdenum.  + Kích cỡ: 44-60 mm với bước tăng 2 mm.  + Chén đóng ổ cối được thiết kế gắn sẵn với cup, đóng gói tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.</p> <p><b>3. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi):</b>  + Góc cổ chuôi 135 độ.  + Vật liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium, được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium và 1 lớp hydroxyapatite.  + Cổ chuôi 12/14 5 độ 40 phút, hình ê-líp và được đánh bóng gương.  + Kích thước: 9-&gt;16 tương ứng chiều dài:130mm -&gt; 170mm.  + Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.</p>	Hộp/1 cái	Bộ	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
224	Khớp háng toàn phần nhân tạo không xi măng phủ ha	- <b>Cuống khớp</b> không xi măng chất liệu hợp kim titanium phủ HA và phủ Ti-plasma. + Chiều dài chuỗi từ 119 mm -> 171 mm, góc cổ chuỗi 126 độ -> 145 độ. - <b>Chòm khớp</b> phủ hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome - <b>Ổ cối</b> chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V - <b>Lót ổ cối</b> chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene hoặc tương đương - <b>Vít ổ cối</b> chất liệu titan dài từ 15mm -> 70 mm	-	Bộ	10
225	Khớp vai bán phần có xi măng	1. <b>Chuôi cánh tay</b> có xi măng vật liệu : Ti6Al4V 2. <b>Đầu cánh tay</b> với khớp vật liệu: hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khớp Có 1 size: medium. 3. <b>Chòm:</b> Cấu tạo bởi hợp kim CoCrMo với giá đỡ khớp Titan 4. <b>Xi măng</b> kháng sinh với Gentamicine Cemex	-	Bộ	1
226	Khớp vai toàn phần không xi măng có 3 chốt	1. <b>Chuôi cánh tay</b> không xi măng chất liệu: Ti6Al4V 2. <b>Đầu cánh tay</b> với khớp vật liệu: hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khớp 3. <b>Ổ chảo:</b> Có 3 chốt khớp cấu tạo Polyethylene cao phân tử 4. <b>Chòm:</b> Cấu tạo bởi khớp khớp: hợp kim CoCrMo với giá đỡ khớp chất liệu Titan	-	Bộ	1
227	Khung cố định ngoài cẳng chân	- <b>1 bộ loại có cản quang gồm:</b> + 4 vòng nhôm + 3 thanh ren đường kính 6mm, chiều dài 330mm + 40 đai ốc thép không rỉ - <b>1 bộ loại không cản quang gồm:</b> + 4 vòng nhựa + 3 thanh ren đường kính 6mm, chiều dài khoảng 330mm + 40 đai ốc thép không rỉ	-	Bộ	5
228	Khung cố định ngoài chữ T	<b>1 bộ gồm:</b> - 2 thanh ren đường kính 8mm; chiều dài >=330mm - 2 thanh ren đường kính 6mm; chiều dài 160mm-180mm - 12 khối chữ nhật - 28 đai ốc thép không rỉ.	-	Bộ	15
229	Khung cố định ngoài gần khớp	<b>1 bộ gồm:</b> - 1 cung tròn đường kính 8mm - 1 thanh tròn đường kính 8mm; chiều dài >=300 - 1 thanh răng đường kính 6mm, chiều dài 230mm-250mm - 12 khối chữ nhật - 4 đai ốc thép không rỉ.	-	Bộ	5
230	Khung cố định ngoài khung chậu	<b>1 bộ gồm:</b> - 2 thanh cong đường kính 8mm - 3 thanh ren đường kính 6mm, chiều dài 360mm-400mm - 14 khối chữ nhật - 12 đai ốc thép không rỉ.	-	Bộ	5
231	Khung cố định ngoài qua gối	<b>1 bộ gồm:</b> - 2 thanh ren đường kính 8mm; chiều dài >=650mm - 12 khối chữ nhật - 24 đai ốc	-	Bộ	5
232	Khung cố định ngoài thẳng	<b>1 bộ gồm:</b> - 2 thanh ren đường kính 8mm; chiều dài >=330mm - 8 khối chữ nhật - 16 đai ốc thép không rỉ	-	Bộ	10
233	Khung giá đỡ (stent) động mạch chậu bụng bằng bóng, đường kính 5mm đến 10mm, chiều dài 17mm đến 57mm, áp suất tối đa: 12 atm.	- Stent động mạch chậu được bung bằng bóng - Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính: 5, 6, 7, 8, 9, 10mm; - Chiều dài: 17, 25, 27, 37, 57mm; - Tương thích sheath 6F - 7F, dây dẫn 0.035". - Chiều dài trực thân: 75cm, 135cm. - Áp suất tối đa: 12 atm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE( Châu Âu )	-	Cái	10
234	Khung giá đỡ (stent) động mạch đùi phủ thuốc Paclitaxel, mật độ phủ ≤ 0.167µg/mm²	- Stent động mạch ngoại vi tự bung : - Chất liệu Nitinol - Phủ thuốc Paclitaxel, mật độ phủ 0.167µg/mm². - Đường kính từ 6mm đến 7mm, - Chiều dài từ 40mm đến 150mm. Chiều dài trực thân 75cm; 130cm. - Sheath tương thích: 6F. Dây dẫn tương thích: 0.035". - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	-	Cái	15
235	Khung giá đỡ (stent) động mạch đùi, đường kính 5mm đến 8mm, chiều dài 20mm đến 200mm, chiều dài trực thân: 75cm; 130cm.	- Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung, thiết kế mắt cáo đóng và mở - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 5mm đến 8mm - Chiều dài từ 20mm đến 200mm. - Chiều dài ống thông 75cm, 130cm - Tương thích dụng cụ mở đường 6F - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	-	Cái	5



STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
236	Khung giá đỡ (stent) động mạch chậu & đùi, đường kính 5mm đến 14mm, chiều dài 20mm đến 120mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung, thiết kế mắt cáo đóng và mở</li> <li>- Chất liệu làm từ hợp kim nikel và titanium.</li> <li>- Đường kính từ 5mm đến 14mm.</li> <li>- Chiều dài từ 20mm đến 120mm.</li> <li>- Chiều dài trực thân: 75cm, 120cm.</li> <li>- Sheath tương thích: 6F, tương thích dây dẫn 0.035".</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE( Châu Âu )</li> </ul>		Cái	5
237	Khung giá đỡ cho động mạch chủ ngực miêng phụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đưa stent có đường kính ngoài: 22F- 25F, phủ lớp ái nước hydrophilic</li> <li>- Chất liệu stent: Nitinol; graft: Polyester mật độ cao; chỉ khâu: polyethylene siêu cao phân tử.</li> <li>- Có 2 loại marker, và tổng số 7 marker trên 1 thân stent graft. Marker được phân bố ở đầu gần, ở giữa và đầu xa, trong đó có 4 marker ở đầu gần để giúp tăng khả năng quan sát và định vị. Marker có chất liệu platinum iridium.</li> <li>- Đường kính của stent: 22mm- 46mm.</li> <li>- Chiều dài của stent: 105mm- 205mm</li> <li>- Hệ thống bung stent bằng cách xoay tròn</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE và FDA - PMA</li> </ul>		Cái	5
238	Khung giá đỡ động mạch chủ bụng miêng chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đưa stent có đường kính ngoài: 14F- 20F, phủ lớp ái nước hydrophilic.</li> <li>- Chất liệu stent: Nitinol; graft: Polyester mật độ cao; chỉ khâu: polyethylene siêu cao phân tử.</li> <li>- Đầu gần có stent chữ M: giúp chống gấp gẫy, áp sát thành mạch và hạn chế sự gấp nếp.</li> <li>- Có 4 marker ở đầu gần, với 1 marker hình chữ "e" giúp xác định hướng trước - sau của stent.</li> <li>- Đường kính đầu gần stent graft thân chính: 23mm- 36mm, chiều dài thân stent graft chính: 103mm (đối với thân chính 2 chân) hoặc 102mm (đối với thân chính ống thẳng, sử dụng trong kỹ thuật AUI).</li> <li>- Đường kính thân stent graft nối dài: 10mm- 36mm; chiều dài thân stent graft nối dài: 49mm- 199mm.</li> <li>- Hệ thống bung stent bằng cách xoay tròn.</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE và FDA-PMA.</li> </ul>		Cái	5
239	Khung giá đỡ động mạch chủ bụng miêng phụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đưa stent có đường kính ngoài: 14F- 20F, phủ lớp ái nước hydrophilic</li> <li>- Chất liệu stent: Nitinol; graft: Polyester mật độ cao; chỉ khâu: polyethylene siêu cao phân tử.</li> <li>- Stent có đường kính: 10mm- 36mm.</li> <li>- Chiều dài stent: 49mm- 199mm.</li> <li>- Hệ thống bung stent bằng cách xoay tròn.</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE và FDA-PMA.</li> </ul>		Cái	5
240	Khung giá đỡ động mạch chủ ngực miêng chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đưa stent có đường kính ngoài: 22F- 25F, phủ lớp ái nước hydrophilic</li> <li>- Chất liệu stent: Nitinol; graft: Polyester mật độ cao; chỉ khâu: polyethylene siêu cao phân tử.</li> <li>- Có 2 loại marker, và tổng số 7 marker trên 1 thân stent graft. Marker được phân bố ở đầu gần, ở giữa và đầu xa, trong đó có 4 marker ở đầu gần để giúp tăng khả năng quan sát và định vị. Marker có chất liệu platinum iridium.</li> <li>- Đầu gần có 8 đỉnh stent trần không lớp phủ, dài 12mm giúp stent bám chắc vào thành mạch.</li> <li>- Đường kính của stent: 22mm- 46mm</li> <li>- Chiều dài của stent: 107mm- 212mm.</li> <li>- Hệ thống bung stent bằng cách xoay tròn</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE và FDA-PMA.</li> </ul>		Cái	5
241	Khung giá đỡ động mạch ngoại biên loại tự nở, chất liệu Nitinol dạng sợi đan, uốn theo đường đi của động mạch Supera	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là Stent Nitinol tự bung được chỉ định cho mạch ngoại biên, chuyên biệt cho động mạch đùi nông và khoeo</li> <li>- Duy trì mạch tròn và lòng mạch luôn mở</li> <li>- Chịu được lực nén đến 9 kg , mức độ bị nén 53% (cho stent 5.0 x 100 mm)</li> <li>- Được đan từ 6 sợi Nitinol tăng độ linh hoạt</li> <li>- Hệ thống phân phối: OTW, tương thích dây dẫn 0.014" hoặc 0.018"</li> <li>- Hệ thống làm việc: tương thích Sheath 6F cho chiều dài 80cm và 120cm</li> <li>- Đường kính: 4.5, 5.5, 6.5, 7.5 mm;</li> <li>- Chiều dài: 20, 30, 40, 60, 80, 100, 120, 150, 180, 200 mm</li> </ul>		cái	5
242	Khung giá đỡ động mạch thận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stent thận bung bằng bóng với hệ thống phân phối RX</li> <li>- Chiều dài làm việc 80 cm và 135cm</li> <li>- Bóng nong có 02 điểm đánh dấu cản quang</li> <li>- Chạy trên dây dẫn 0.014", tương thích ống thông 6F cho tất cả các cỡ.</li> <li>- Stent có chất liệu Cobalt Chromium</li> <li>- Đường kính: 4mm -&gt; 7mm;</li> <li>- Chiều dài: 12mm, 15mm, 18mm</li> <li>- Chất liệu bóng: Nylon/Pebax và đầu chóp mềm dẻo</li> <li>- Áp lực định danh: 11 atm, áp lực tối đa 14 atm</li> </ul>		Cái	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
243	Khung giá đỡ động mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimus, lớp polymer sinh học tự tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stent động mạch vành các cỡ phủ thuốc có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu, chất liệu khung cobalt-crom</li> <li>- Lớp polymers tự tiêu: PLLA&amp; PLGA</li> <li>- Polymers tự tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 6 đến 9 tháng</li> <li>- Strut thickness: 75µm, Lớp phủ 5µm</li> <li>- Bề rộng nhánh stent 80µm</li> <li>- Bề dày link kết nối hình chữ S: 65µm</li> <li>- Đường kính stent: từ 2.25-4.0mm</li> <li>- Độ dài stent: từ 13-58mm</li> <li>- Crossing profile: 1.05mm</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE, ISO</li> </ul>		Cái	30
244	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stent dạng tự bung dùng trong can thiệp điều trị hẹp động mạch nội sọ.</li> <li>- Đường kính 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm.</li> <li>- Chiều dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm.</li> <li>- Có thể thu hồi sau khi thả &lt;50% chiều dài stent</li> <li>- Có các điểm cân quang trên thân stent giúp quan sát tốt</li> </ul>	Cái/ Hộp	Cái	5
245	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, polymer tự tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chromium L605, polymer tự tiêu Poly (DL-lactide-caprolactone) phủ mặt áp thành mạch kiểu Abluminal &amp; Gradient,</li> <li>- Độ dày 80µm đến 85µm</li> <li>- Thân hệ thống dây được gia cố bằng lõi thép không gỉ</li> <li>- Entry profile: 0.018". Đầu vào vật liệu polyamide elastomer.</li> <li>- Crossing profile: 0.044" (với cỡ 3.0mm)</li> <li>- Áp lực tham chiếu: 9atm. Áp lực tối đa: 16atm (với cỡ từ 2.25mm đến 3.0mm); 14atm (với cỡ từ 3.5mm đến 4.0mm)</li> <li>- Đường kính trục đoạn xa: 2.7Fr có lớp phủ ái nước, đoạn gần 1.9Fr</li> <li>- Kích cỡ stent: Đường kính 2.25mm đến 4.0mm. Chiều dài: 9mm đến 38mm</li> <li>- Nghiên cứu trên hơn 4500 bệnh nhân nguy cơ chảy máu cao tại 140 bệnh viện; 30 quốc gia, DAPT 1 tháng không làm tăng nguy cơ thiếu máu cục bộ nhưng làm giảm nguy cơ chảy máu, Có phân tích dưới nhóm trên bệnh nhân có hoặc không dùng kèm OAC, nguy cơ chảy máu thấp hơn trên bệnh nhân không sử dụng OAC (MASTER DAPT) .</li> </ul>	Cái/ Hộp	Cái	110
246	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, polymer tự tiêu áp thành, độ nở vượt định mức đến 6.25mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung bằng Cobalt Chromium L605, độ dày 80µm đến 85µm</li> <li>- Phủ thuốc Sirolimus và polymer tự tiêu áp thành, phủ thuốc kiểu bậc thang trừ đỉnh và điểm nối. Liều thuốc: 3,9µg/mm. Thời gian hấp thụ polymer và phóng thích thuốc: ≤3-4 tháng</li> <li>- Mất cáo sắp xếp như hình vảy rắn, mất cáo mờ với 2 link liên kết, Stent 3.5mm; 4.0mm và 4.5mm có thiết kế 2 link 10 đỉnh, có độ nở vượt định mức 6.25mm</li> <li>- Đường kính: 2.0mm - 4.5mm;</li> <li>- Chiều dài: 9mm - 50mm</li> <li>- Hệ thống dây stent được phủ ái nước hydrophilic cải tiến đầu xa, với bóng nong áp lực tham chiếu 1atm, và đường kính băng qua tối thiểu 1.00mm</li> </ul>	Hộp/ 1 cái	Cái	20
247	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc với lớp phủ polymer tự tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu khung giá đỡ: Cobalt Chromium.</li> <li>- Độ dày stent: 71 µm.</li> <li>- Thiết kế cấu trúc khớp mở</li> <li>- Phủ thuốc Novolimus</li> <li>- Có 2 lớp phủ Polymer tự tiêu</li> <li>- Thiết diện cắt ngang: 0.040"</li> <li>- Thiết diện đầu tip 0.017"</li> <li>- Đường kính: 2.25mm-&gt; 4.0mm.</li> <li>- Chiều dài: các cỡ</li> </ul>	Cái/hộp	Cái	115
248	Kim chọc dò ổ đờng sống cột sống thất lưng dùng trong bắt vít qua da	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ và polymer (nhựa y tế)</li> <li>- Kim được thiết kế với 2 đường kính: phía mũi đường kính nhỏ và phía sau đường kính lớn hơn</li> <li>- Tay cầm có khóa có thể tháo rời, có vạch chia trên thân dụng cụ</li> <li>- Chiều dài 150mm</li> <li>- Gồm hai phần: phần kim bên ngoài và nòng bên trong</li> <li>- Đóng gói 02 cái/gói. Bao gồm 01 kim mũi vát, 01 kim mũi trocar</li> <li>- Hàng đóng gói đã tiệt trùng.</li> </ul>		Cái	20
249	Kim chọc dò đốt sống dùng để bơm xi măng vào thân đốt sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kim chọc dò đốt sống với đầu kim loại chống sốc các cỡ</li> <li>- Mũi kim vát hoặc mũi kim cương, loại có khóa ở tay cầm.</li> <li>- Phần cán làm bằng nhựa, phần kim làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Kim chọc dò gồm tối thiểu các loại 9G, 11G, 13G và 15G</li> <li>- Có đường đánh dấu laser trên thân cho phép kiểm soát độ sâu.</li> <li>- Có đầu nối Luer Lock.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	30
250	Kim cố định xương đường kính các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Stainless Steel,</li> <li>- Chiều dài 150mm-&gt;310mm</li> <li>- Đường kính 0.8mm - 3.0mm</li> <li>- 2 đầu nhọn.</li> </ul>		Cái	1.000

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
251	Kim lưỡi gà khâu chóp xoay	- Kim dùng cho súng khâu chóp xoay - Chất liệu thép không gỉ, dùng một lần. - Mũi kim phủ Polymer. Cho phép xuyên chỉ qua mô dày tới 10mm. - Phù hợp xuyên chỉ số 2. - Tiệt trùng	Cái/ hộp	Cái	50
252	Long đèn đệm vít xoắn	- Chất liệu Titanium - Đường kính 9mm x 1.2mm hoặc tương đương cho vít xoắn 4.0mm - Đường kính 13mm x 1.5mm hoặc tương đương cho vít xoắn 6.5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	-	Cái	50
253	Lưỡi bảo da	Lưỡi bảo da dùng cho tay bảo, tiệt trùng sẵn	Cái/hộp	Cái	50
254	Lưỡi bảo các cỡ	- Lưỡi bảo cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp. Thẳng hoặc cong dài 17mm, dùng một lần, mã màu theo cỡ để nhận diện. - Thiết kế răng vát ở cả hai mặt, đường kính 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm. - Chiều dài làm việc: 13.3 cm. - Có tính năng khóa cửa số hút. - Có hai chế độ cắt dao động - Tiệt trùng	Cái/ hộp	Cái	30
255	Lưỡi bảo ngược chiều dùng trong kỹ thuật all inside	- Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước có đủ các cỡ: 5mm,6mm,7mm,8mm,9mm,10mm,11mm,12mm,13mm - Đường kính đầu mũi khoan: 3.4mm - Lưỡi Bảo nội soi dùng cho phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng, thay đổi từ lưỡi thẳng sang mũi bảo ngược ngay trên đầu mũi khoan bằng nút bấm điều khiển để thực hiện kỹ thuật tất cả bên trong ACL, PCL ...	1 cái/hộp	Cái	30
256	Lưỡi bảo ổ khớp	- Cửa số bảo rộng cho phép bảo được phía trước và bên hông. - Thiết kế có răng hoặc không răng. - Đường kính: 2.5mm -> 5.5 mm.	-	Cái	30
257	Lưỡi bảo ổ khớp chức năng kép	- Lưỡi bảo ổ khớp chức năng kép cắt xương và mô mềm với 3 lưỡi cắt đôi: - Đường kính lưỡi bảo: 3mm - 5mm - Chiều dài 85mm - 130mm - Có 3 lưỡi cắt đôi với chức năng kép là cắt xương và cắt mô mềm. - Cung cấp kèm tay bảo và máy bảo tương thích khi sử dụng.	-	Cái	30
258	Lưỡi bảo ổ khớp đường kính 4.5mm lưỡi bên 2 bên	- Chất liệu : Nhựa(PVC) - Kích cỡ: Chiều dài 130 mm . Đường kính: 4.5 mm Xoay 360 độ - Đặc tính:Cửa số bảo rộng cho phép bảo được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng 2 bên. Dùng 1 lần, bảo cắt lọc mô xơ, thiết kế rộng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. - Dùng với tay bảo có tốc độ vòng quay lên đến 16000 vòng/phút, tần số dao động lên đến 4Hz - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO,CE	1 cái/gói	Cái	30
259	Lưỡi bảo ổ khớp đường kính 4.5mm răng nhọn 1 bên	- Chất liệu : Nhựa(PVC), Thép không gỉ - Kích cỡ: + Chiều dài 130 mm . + Đường kính: 4.5 mm + Xoay 360 độ - Đặc tính:Cửa số bảo rộng cho phép bảo được phía trước và bên hông. Dùng 1 lần, bảo cắt lọc mô xơ, thiết kế rộng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. - Dùng với tay bảo có tốc độ vòng quay lên đến 16000 vòng/phút, tần số dao động lên đến 4Hz - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO,CE	1 cái/gói	Cái	30
260	Lưỡi bảo ổ khớp đường kính 5.5mm răng nhọn 1 bên	- Chất liệu : Nhựa(PVC), Thép không gỉ - Kích cỡ: + Chiều dài 130 mm . + Đường kính: 5.5 mm + Xoay 360 độ - Đặc tính:Cửa số bảo rộng cho phép bảo được phía trước và bên hông. Dùng 1 lần, bảo cắt lọc mô xơ, thiết kế rộng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. - Dùng với tay bảo có tốc độ vòng quay lên đến 16000 vòng/phút, tần số dao động lên đến 4Hz - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO,CE	1 cái/gói	Cái	30
261	Lưỡi bảo ổ khớp Wave cutter	- Đường kính lưỡi bảo: 3mm; 4mm; 5mm - Chiều dài 85mm, 130mm với đường kính 3mm ; Chiều dài 130mm với các đường kính 4 và 5mm - Tương thích với nhiều loại máy bảo thông dụng trên thị trường như Linvatec, Arthrex, Stryker, Smith & Nephew, Vimex, Reger, ... - Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần - Cung cấp kèm tay bảo và máy bảo tương thích khi sử dụng.	Cái/hộp	Cái	30

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Dvt	Số lượng
262	Lưỡi bào dạng thẳng các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp. Thẳng, dùng một lần, mã màu theo cỡ để nhận diện.</li> <li>- Thiết kế có răng hoặc không răng,</li> <li>- Đường kính 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm.</li> <li>- Có tính năng khoá cửa sổ hút.</li> <li>- Có hai chế độ cắt dao động.</li> <li>- Tiệt trùng</li> </ul>	Cái/ hộp	Cái	30
263	Lưỡi bào xương dùng trong nội soi khớp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẳng, dùng một lần, mã màu theo cỡ để nhận diện.</li> <li>- Đường kính từ 3.5mm đến 5.5mm.</li> <li>- Có tính năng khoá cửa sổ hút. Có hai chế độ cắt dao động.</li> </ul>	-	Cái	30
264	Lưỡi bào xương ngược chiều rộng nông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mũi khoan ngược sử dụng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo All-inside.</li> <li>- Một hộp bao gồm mũi khoan ngược, mũi khoan dẫn đường 2.4mm và cây rút chỉ. Khoan tiên tạo đường hầm đường kính 4.9mm.</li> <li>- Lưỡi cắt có thể thu vào, bào ngược tạo đường hầm đường kính trong khoảng 5.5mm -&gt; 12mm, bước tăng 0.5mm.</li> <li>- Có ống đo chiều dài cầu xương.</li> <li>- Tiệt trùng</li> </ul>	Cái/ hộp	Cái	30
265	Lưỡi cắt bào, luồn mô khớp vai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: được làm bằng Nitinol.</li> <li>- Kích cỡ: Tương thích tất cả các công cụ</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giúp cắt bào qua mô mềm trong nội soi chóp xoay khớp vai.</li> <li>+ Dễ dàng neo tái từ hai bên, lên hoặc xuống.</li> <li>+ Dễ dàng chụp và truy xuất các neo bằng cách di chuyển đơn từ một cửa sổ đang hoạt động.</li> <li>+ Lưỡi cắt linh hoạt này là an toàn để sử dụng, dễ sử dụng.</li> </ul> </li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO,CE</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	20
266	Lưỡi cắt bào, luồn mô khớp vai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: được làm bằng Nitinol.</li> <li>- Đặc tính: Giúp cắt bào qua mô mềm trong nội soi chóp xoay khớp vai. Tương thích với hầu hết các công cụ cung cấp một neo, cắt, sửa chữa chính xác trong nội soi khớp vai.</li> <li>- Dễ dàng neo tái từ hai bên, lên hoặc xuống.</li> <li>- Dễ dàng chụp và truy xuất các neo bằng cách di chuyển đơn từ một cửa sổ đang hoạt động. Lưỡi cắt linh hoạt này là an toàn để sử dụng, dễ sử dụng.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO,CE</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	20
267	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống hai công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong nội soi cột sống hai công để loại bỏ, cắt, đông máu và cầm máu các mô mềm</li> <li>- Đầu lưỡi đốt uốn được, điều khiển trực tiếp trên tay cầm.</li> <li>- Tính năng tự động tạm dừng đốt khi đầu đốt tiếp xúc kim loại và tự động hoạt động trở lại sau khi đầu đốt trở về khoảng cách thích hợp.</li> <li>- Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần. Tương thích với các máy cắt đốt cùng nhà sản xuất.</li> <li>- Cung cấp kèm máy đốt sóng cao tần plasma cùng nhà sản xuất khi sử dụng.</li> </ul>		Cái	10
268	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu đốt dùng công nghệ Coblation hoặc tương đương</li> <li>- Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại</li> <li>- Có đường hút nước; Đường kính mũi <math>\geq 5.25\text{mm}</math></li> <li>- Đường kính phần thân <math>\geq 3.75\text{mm}</math>; Đầu mũi nghiêng <math>90^\circ</math> hoặc tương đương</li> </ul>	-	Cái	30
269	Lưỡi cắt đốt đơn cực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu : Tay cầm nhựa (PVC), đầu đốt sóng titan</li> <li>- Kích cỡ: gấp góc 30, 45,70, 90 độ, đường kính 3mm, chiều dài 135mm</li> <li>- Đặc tính: Cung cấp tốc độ cắt lớn nhất với lượng mô lớn trong nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ, có nhiều lỗ hút nước ra giúp trường quan sát tốt</li> <li>- Bề mặt điện cực lớn giúp loại bỏ tốt các phần mô mềm cần loại bỏ, và cầm máu trong ổ khớp.</li> <li>- Cung cấp kèm máy đốt</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO,CE</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	30
270	Lưỡi cắt đốt đơn cực loại cong $90^\circ$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu : Tay cầm Nhựa (PVC), đầu đốt sóng titan</li> <li>- Kích cỡ: gấp góc <math>90^\circ</math>, đường kính 3mm, chiều dài 135mm</li> <li>- Đặc tính: Cung cấp tốc độ cắt lớn nhất với lượng mô lớn trong nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ, có nhiều lỗ hút nước ra giúp trường quan sát tốt</li> <li>- Bề mặt điện cực lớn giúp loại bỏ tốt các phần mô mềm cần loại bỏ, và cầm máu trong ổ khớp.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO,CE</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	30
271	Lưỡi cắt đốt mô bằng sóng radio cao tần đường kính mũi 5.25mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu đốt dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường.</li> <li>- Tạo plasma dày 100-200<math>\mu\text{m}</math> giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh</li> <li>- Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại</li> <li>- Có đường hút nước</li> <li>- Đường kính mũi 5.25mm</li> <li>- Đường kính phần thân 3.75mm</li> <li>- Chiều dài làm việc: 5.4 inch (tương đương với 13.7cm)</li> <li>- Đầu mũi nghiêng <math>90^\circ</math></li> <li>- Cung cấp kèm máy đốt</li> <li>- Tiệt trùng</li> </ul>	Cái/ hộp	Cái	30

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
272	Lưỡi cắt đốt mô bằng sóng radio cao tần đường kính mũi 5.5mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu đốt mô mềm dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường.</li> <li>- Khe hút đơn hình ngôi sao.</li> <li>- Đầu mũi nghiêng 90°.</li> <li>- Đường kính mũi 5.5mm,</li> <li>- Đường kính thân 3.5 mm.</li> <li>- Điện cực đốt gồm 4 viên cầu.</li> <li>- Cung cấp kèm máy đốt</li> <li>- Tiết trùng</li> </ul>	Cái/ hộp	Cái	40
273	Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma đầu lưỡi cong 90 độ, đường kính đầu đốt 3.8 mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng trong giải phóng viêm quanh khớp vai thể đông cứng và giải phóng bên gối</li> <li>- Thiết kế trục nhỏ với đường kính đầu đốt 3.8mm. Chiều dài thân đốt 130mm ± 20mm, chiều dài tay cầm 173mm ± 20mm.</li> <li>- Đầu lưỡi cắt đốt hình móc câu được thiết kế để cắt và cắt bỏ mô mềm.</li> <li>- Sử dụng công nghệ Plasma để tạo ra chính xác và tập trung lớp plasma mỏng 100µm xung quanh các điện cực</li> <li>- Tính năng tự động tạm dừng đốt khi đầu đốt tiếp xúc kim loại và tự động hoạt động trở lại sau khi đầu đốt trở về khoảng cách thích hợp.</li> <li>- Tiết trùng sẵn, sử dụng một lần</li> <li>- Cung cấp kèm máy đốt khi sử dụng</li> </ul>	Cái/hộp	Cái	20
274	Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma đầu lưỡi cong 90 độ, đường kính đầu đốt 4.0mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai, gối, háng:</li> <li>- Thiết kế đầu lưỡi đốt hình vuông</li> <li>- Đầu lưỡi cong 90 độ, đường kính đầu đốt 4.0mm . Chiều dài thân đốt 135mm ± 20mm, chiều dài tay cầm 173mm ± 20mm.</li> <li>- Sử dụng công nghệ Plasma để tạo lớp plasma mỏng 100µm xung quanh các điện cực</li> <li>- Mặt điện cực đốt lớn để tạo ra plasma giúp khả năng đốt và cầm máu mạnh mẽ.</li> <li>- Thiết kế công hút nước sáng tạo theo dạng lỗ đơn và hình sao giúp nâng cao khả năng hút, đảm bảo tầm nhìn rõ ràng trong phẫu thuật đồng thời loại bỏ mô mềm nhanh chóng và chuẩn xác.</li> <li>- Tiết trùng sẵn, sử dụng một lần.</li> <li>- Cung cấp kèm máy đốt khi sử dụng</li> </ul>	Cái/hộp	Cái	20
275	Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tủy sống trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tủy sống trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 công để loại bỏ, cắt, đông máu và cầm máu các mô mềm</li> <li>- Sử dụng công nghệ Plasma</li> <li>- Lớp cách nhiệt ở đầu mũi đốt bằng ceramic giảm nguy cơ tổn thương mô thần kinh, đảm bảo cho ca phẫu thuật an toàn.</li> <li>- Tính năng tự động tạm dừng đốt khi đầu đốt tiếp xúc kim loại và tự động hoạt động trở lại sau khi đầu đốt trở về khoảng cách thích hợp.</li> <li>- Tiết trùng sẵn, sử dụng một lần. Tương thích với các máy cắt đốt cùng nhà sản xuất.</li> <li>- Cung cấp kèm máy đốt sóng cao tần plasma cùng nhà sản xuất khi sử dụng.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	10
276	Lưỡi cắt đốt sóng cao tần tạo Plasma, đường kính thân đốt 4.2mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần tạo Plasma dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai, gối, háng:</li> <li>- Đầu lưỡi cong 90 độ</li> <li>- Đường kính thân đốt 4.2mm</li> <li>- Mặt điện cực đốt đầu nhọn đa năng, lớn để tạo ra plasma</li> <li>- Cung cấp kèm máy đốt</li> </ul>	-	Cái	20
277	Lưỡi cắt mô, cắt sụn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp tốc độ cắt lớn</li> <li>- Tích hợp với tất cả các loại máy đốt.</li> <li>- Độ gấp góc 30 độ -&gt;90 độ.</li> <li>- Công suất đầu dò 70 watt -&gt; 100 watt.</li> </ul>	-	Cái	20
278	Lưỡi gà dùng cho súng bắn chỉ chóp xoay khớp vai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim dùng cho súng khâu chóp xoay.</li> <li>- Chất liệu kim thép không gỉ. Mũi kim phủ Polymer.</li> <li>- Cho phép xuyên chỉ qua mô dày tới ≥ 10mm.</li> </ul>		Cái	10
279	Lưỡi lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới bằng vật liệu Phynox phi từ tính, đường kính mở lưới 42 mm, chiều cao 44 mm, loại đặt vĩnh viễn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưỡi lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới bằng hợp kim Phynox không có tính sắt từ, tương thích MRI và dễ dàng quan sát dưới tia X.</li> <li>- Chiều dài hình nón ngắn 44 mm, độ mở rộng 42 mm thích hợp với tĩnh mạch có đường kính đến 35 mm.</li> <li>- Bộ dụng cụ bọc lộ tĩnh mạch gồm: kim chọc mạch, nối chữ Y, bơm tiêm 5 ml, dao mổ, dây dẫn đường ngắn đường kính 0,035" (0,089 mm) dài 70 cm.</li> <li>- Dây dẫn đường chính đầu chữ "J" đường kính 0,035" dài 150 cm và 180 cm, bề mặt phủ lớp PTFE. Dụng cụ mở đường 7F có van cầm máu, nối chữ Y và stopcock.</li> </ul>		Cái	10
280	Lưỡi mài kim cương tròn, loại nhám nhiều dùng trong nội soi cột sống 2 công	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lưỡi mài kim cương tròn, loại nhám nhiều dùng trong nội soi cột sống 2 công</li> <li>- Đường kính lưỡi mài: 2, 3, 4, 5mm;</li> <li>- Có thể điều chỉnh chiều dài của mũi mài khi lắp vào</li> <li>- Tương thích với máy khoan mài tốc độ cao</li> <li>- Tiết trùng sẵn, sử dụng một lần.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	10

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
281	Lưới mài ổ khớp các cỡ	- Đường kính lưới mài: 4mm; 5.5mm - Chiều dài 130mm - Tương thích với nhiều loại máy bảo của nhiều hãng khác nhau - Cung cấp kèm tay bảo và máy bảo tương thích khi sử dụng. - Tiết trùng	Hộp / cái	Cái	20
282	Máy tạo nhịp 1 buồng vĩnh viễn có đáp ứng nhịp, tương thích MRI	- Bộ máy tạo nhịp một buồng nhịp thích ứng, tương thích MRI $\geq 1,5$ Tesla toàn thân đến mức SAR (specific absorpton rate – tốc độ hấp thụ riêng) 4 W/Kg. - Thời gian hoạt động $\geq 16$ năm, - Ghi lại tiền sử điện tim, - Độ nhạy tự động, - Dây điện cực có lớp phủ fractal Iridium giúp đạt biên độ song cao. - Máy mỏng bề dày $\leq 6.5$ mm	Hộp/Cái	Cái	7
283	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp, tương thích MRI	- Máy tạo nhịp hai buồng nhịp thích ứng, - Thời gian hoạt động $\geq 12$ năm, - Ghi lại tiền sử điện tim, - Độ nhạy tự động như ICD, - Có chương trình giảm tạo nhịp ở thất IRS+ với thời gian trễ lên đến 400ms và Vp suppression	Hộp/Cái	Cái	8
284	Máy tạo nhịp có phá rung 1 buồng tương thích MRI	- Máy tạo nhịp có phá rung cấy vào cơ thể 1 buồng, chuẩn DF4, bề dày 10mm, - Pin 1.73Ah - Thời gian hoạt động >15 năm - Bảo hành 10 năm. - Chương trình theo dõi qua vệ tinh , tương thích MRI 3T toàn thân, năng lượng sốc 40J ngay từ sốc đầu. - Có chương trình ATP One shot.	Hộp/Bộ	Bộ	2
285	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ có xương ghép sẵn	- Vật liệu: PEEK OPTIMA. Hai điểm đánh dấu bằng titanium. Răng cưa cố định và chắc chắn - Bên trong có khoang chứa xương lớn, xương ghép sẵn - Đĩa đệm có các kích thước khác nhau - Đóng gói tiết trùng sẵn. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	5
286	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ không có xương ghép sẵn	- Vật liệu: PEEK OPTIMA. Thiết kế phù hợp với cấu trúc giải phẫu của cơ thể. Hai bề mặt có răng. - Có điểm đánh dấu cân quang bằng vật liệu Titanium. - Dung tích khoang ghép xương thuộc trong khoảng 0.12-0.26cc. Đóng gói trong hộp đã được tiết trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	5
287	Miếng ghép đĩa đệm lưng, loại cong	- Chất liệu PEEK không thấm xạ, có đánh dấu cân quang - Răng ở mặt trên và dưới giúp chống di lệch, đường viền chống trượt. - Kênh trục dọc lớn, cho phép nhồi vật liệu ghép. Mũi thon dần giúp dễ đưa implant vào vị trí. - Các kích cỡ: 8mm, 9mm, 10mm, 11mm, 12mm, 13mm, 14mm - Phù hợp với kỹ thuật TLIF. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	50
288	Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu các loại	- Chất liệu nhựa sinh học Polycaprolacton - Kích thước: 100x4x3,5mm + Lỗ thuộc trong khoảng 250-1600 $\mu$ m + Dây thuộc trong khoảng 0,5-30mm - Che đậy các lỗ khoan sọ, lấp đầy khoảng trống giữa nắp sọ và vòm sọ xung quanh sau phẫu thuật mở sọ - Miếng ghép tự tiêu sau khi xương được tái tạo. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	15
289	Miếng vá khuyết sọ các cỡ	- Chất liệu: Titanium, các kích cỡ - Miếng vá khuyết sọ loại có cấu trúc lưới uốn 3D - Đồng bộ với vít cùng danh mục. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	15
290	Miếng vá mạch máu nhân tạo phủ PTFE hình chữ nhật	- Miếng đệm khâu và mạch máu Felt - Chất liệu PTFE - Kích thước: 2.5 x 15.2 cm - Độ dày thông thường: 1.65mm - Tiêu chuẩn đóng gói: 10 miếng/hộp		Cái	30
291	Miếng vá tái tạo màng cứng Poly-L-lactic, tự tiêu các kích cỡ	- Chất liệu: Poly-L-Lactic Acid và Porcine Gelatin. Màng cứng phân hủy thành H <sub>2</sub> O và CO <sub>2</sub> có thể được hấp thụ hoàn toàn trong 12 tháng. - Có thể đặt dính, khâu, các kích cỡ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Dvt	Số lượng
292	Mũi khoan ngược chiều rỗng nông kỹ thuật All inside	- Mũi khoan ngược sử dụng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo All-inside. - Một hộp bao gồm: mũi khoan ngược, mũi khoan dẫn đường và cây rút chỉ. - Lưỡi cắt có thể thu vào, bảo ngược tạo đường hầm đường kính từ 5.5mm - 12mm	-	Cái	30
293	Mũi khoan xương các cỡ	- Chất liệu Stainless Steel. - Đường kính 1.1mm ->4.5mm - Chiều dài các cỡ.	-	Cái	30
294	Ổng thổi dùng trong mổ bắc cầu động mạch vành	- Bộ gồm 01 tay cầm, thân bằng thép không gỉ, có thể uốn cong, dài 16.5cm. - Đầu tip bằng silicon, mềm. - Có 02 dây - Có tích hợp lọc khí 0.2 micron.	Hộp/5 cái	Cái	5
295	Nẹp bất động cẳng chân	- Chất liệu: thép y khoa (Stainless Steel). - Kích cỡ: Gồm có 1 thanh chính có 2 khớp nối, 4 đinh đường kính 6mm /5mm/ 4mm. - Đặc tính: dùng để cố định bên ngoài cho các phẫu thuật gãy hở xương cẳng chân, có 1 thanh lắp ốc và sử dụng cờ lê lục giác hình chữ L. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 bộ/gói	Bộ	20
296	Nẹp bất động đùi	- Chất liệu: thép y khoa (Stainless Steel). - Kích cỡ: Gồm có 1 thanh chính có 2 khớp nối dài 260mm và 1 thanh nén, kéo. - 6 đinh đường kính 6.0mm với chiều dài 130mm, đoạn răng 50mm. - Đặc tính: dùng để cố định bên ngoài cho các phẫu thuật gãy hở xương đùi, có 1 thanh lắp ốc và sử dụng cờ lê lục giác hình chữ L. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 bộ/gói	Bộ	10
297	Nẹp cố định dây chằng hình chữ U, các cỡ	- Chất liệu: hợp kim titan - Kích thước: 8,10,11mm - Sử dụng phẫu thuật sửa chữa gân. Chân dài và thiết kế số lồi giúp cố định chắc chắn - Bấm dây chằng, với cầu nối thấp - Hệ thống cố định đinh ghim cung cấp một phương tiện đơn giản để gắn mô vào xương. - Đạt tiêu chuẩn: ISO,CE	1 cái/hộp	Cái	20
298	Nẹp cột sống cổ lõi trước 1 tầng, các cỡ	- Chất liệu hợp kim titanium - Thiết kế phù hợp cố định cột sống cổ lõi trước, một tầng. - Tích hợp ốc khóa trên nẹp, tránh tuột vít - Chiều dài thuộc trong khoảng 10mm-26mm - Góc bắt vít nghiêng trong 6 độ, nghiêng tương ứng theo trục đầu/chân 10 độ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	2
299	Nẹp cột sống cổ lõi trước 2 tầng, các cỡ	- Chất liệu hợp kim titanium - Thiết kế phù hợp cố định cột sống cổ lõi trước, 2 tầng. - Tích hợp ốc khóa trên nẹp, tránh tuột vít - Chiều dài thuộc trong khoảng 24mm-46mm - Góc bắt vít nghiêng trong 6 độ, nghiêng tương ứng theo trục đầu/chân 10 độ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	5
300	Nẹp cột sống cổ lõi trước 3 tầng, các cỡ	- Chất liệu hợp kim titanium - Thiết kế phù hợp cố định cột sống cổ lõi trước, 3 tầng. - Tích hợp ốc khóa trên nẹp, tránh tuột vít - Chiều dài thuộc trong khoảng 39mm-69mm - Góc bắt vít nghiêng trong 6 độ, nghiêng tương ứng theo trục đầu/chân 10 độ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	1
301	Nẹp dọc cột sống cổ lõi sau đường kính 3.3mm các cỡ	- Vật liệu: Titanium, đường kính 3.3mm, chiều dài thuộc trong khoảng 100mm-250mm. - Tương thích với vít đa trục cột sống cổ, đồng bộ với vít cột sống cổ đa trục lõi sau. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	2
302	Nẹp dọc cột sống lưng thẳng 5.5mm các cỡ	- Chất liệu titan Ti-6Al-4V - Thanh dọc đường kính 5.5mm, loại thẳng - Chiều dài thuộc trong khoảng 25mm-500mm, có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	40
303	Nẹp dọc cột sống thắt lưng các cỡ	- Vật liệu: Titanium, Ti6Al4V. Đường kính 6.0mm, chiều dài thuộc trong khoảng 50mm-400mm - Tương thích với vít có 2 loại ren bên và ren tu trên cùng 1 con vít. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	40

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng	
304	Nẹp dọc cột sống thắt lưng tương thích với Vít đa trục can thiệp tối thiểu qua da	- Vật liệu: Titanium/Cobalt chrome, Ti6Al4V - Kích thước: đường kính 5.5mm, chiều dài thuộc trong khoảng 30-300 mm. Nẹp dọc uốn sẵn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	10	
305	Nẹp khóa 2.9, chất liệu Pure Titanium	- Chất liệu Pure Titanium. - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - Dùng để cố định vị trí gãy xương sườn và một số vị trí gãy xương khác. - Nẹp được thiết kế mỏng 1.5mm, dễ dàng uốn - Nẹp được tạo hình sẵn (R=166mm) - Dùng vít khóa 2.9mm, vít vò 2.9mm. - Có 8/ 10/ 12 lỗ ứng với chiều dài trong khoảng 79.4 -> 119.4mm.		Cái	20	
306	Nẹp khóa bao quanh chuỗi xương đùi	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Chiều dài các cỡ, thân nẹp có 4 lỗ, 16 lỗ khóa - Có thể sử dụng với mắt khóa titanium cùng dây chỉ thép có đường kính 2.0mm. - Sử dụng vít tự khóa titanium đường kính 3.5mm, dài 10mm-70mm - Tiệt trùng	Hộp/1 cái	Cái	10	
307	Nẹp khóa bao quanh ổ khớp (gối) đầu dưới xương đùi	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ, kích thước: - Đầu nẹp có 7 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 4 -8 lỗ khóa và 0 lỗ free - Chiều dài: 139mm - 254mm - Sử dụng vít tự khóa titanium đường kính 5.0mm, chiều dài 12mm-110mm		Cái	2	
308	Nẹp khóa chữ S thân xương đòn chất liệu Pure Titanium	- Chất liệu Pure Titanium - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - Nẹp hình chữ S - Có 2 lỗ nén ở giữa để nén ép và cố định ở gãy. - Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm - Loại trái hoặc phải - Loại 5lỗ -> 11 lỗ, chiều dài các cỡ		Cái/gói	Cái	40
309	Nẹp khóa chữ T các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5 -> 9 lỗ. Chiều dài: 23.4 -> 44.6mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ T có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 2.0mm và vít vò đường kính 2.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	20	
310	Nẹp khóa đa hướng căng chân các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: + 4->16 lỗ, tương ứng chiều dài: 94 ->310mm. - Đặc tính: + Nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp có lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép), + Chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.		1 cái/gói	Cái	30
311	Nẹp khóa đa hướng căng tay các cỡ	- Loại 4 ->10 lỗ, chiều dài các cỡ - Dùng vít 4.0 mm, lỗ vít ở hai đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng. - Chất liệu: Titanium		1 cái/gói	Cái	40
312	Nẹp khóa đa hướng cánh tay các cỡ	- Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: 4->12 lỗ tương ứng Chiều dài: 67->171mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.		1 cái/gói	Cái	15
313	Nẹp khóa đa hướng chữ Y cánh tay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: 3-> 8lỗ tương ứng với Chiều dài: 79->139mm. - Đặc tính: + Nẹp hình chữ Y, + Đầu nẹp có 2 nhánh nhỏ, mỗi nhánh có 3 lỗ vít khoá đa hướng + Đầu nẹp có lỗ dùng để xuyên định Kirschner cố định nẹp trước khi bắt vít. + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.		1 cái/gói	Cái	15



STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
314	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới cẳng chân (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5->13 lỗ tương ứng Chiều dài: 124->228mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 6 lỗ vít khoá đa hướng, 2 lỗ vít khoá hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép). + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép), + Chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	15
315	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới cẳng chân các cỡ	- Loại: trái, phải 5-> 13 lỗ ứng với chiều dài các cỡ. - Đầu nẹp có 8 lỗ vít khoá đa hướng. - Dùng vít 4.0 mm. - Chất liệu: Titanium	1 cái/gói	Cái	10
316	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương mác các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: Có 3-> 8 lỗ tương ứng Chiều dài: 74->134mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, đầu nẹp có móc và có 3 lỗ vít khoá đa hướng, đầu nẹp có lỗ dùng để xuyên đinh Kirschner cố định nẹp trước khi bắt vít. Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vô), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 2.7 và 4.0mm, vít vô đường kính 2.7 và 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	20
317	Nẹp khóa đa hướng đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3->13 lỗ tương ứng Chiều dài: 99-> 299mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 5 lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, + Chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vô đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	20
318	Nẹp khóa đa hướng đầu trên xương cánh tay các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3 ->10 lỗ tương ứng Chiều dài: 103 ->194mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 9 lỗ vít khoá đa hướng và 1 lỗ vít hình tròn dùng để nén ép, + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép) - Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	15
319	Nẹp khóa đa hướng đầu xa xương đòn (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4->10 lỗ. Chiều dài: 72->144mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S, + Đầu nẹp có 6 lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vô) - Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm và 4.0mm, vít vô đường kính 2.7 và 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	20
320	Nẹp khóa đa hướng đùi đầu rấn các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4-> 13 lỗ tương ứng Chiều dài: 120-> 282mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 4 lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép), + Chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vô đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	15
321	Nẹp khóa đa hướng gót chân IV các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: có size 12 lỗ, chiều dài 58mm và 67mm. - Đặc tính: thân nẹp lỗ vít khoá đa hướng, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	15
322	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3->10 lỗ. Chiều dài: 61->131mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp là hình tam giác có móc, có 2 lỗ vít khoá đa hướng và 1 lỗ vít hình tròn, + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vô) và 1 lỗ vít dùng để nén ép + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	20

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
323	Nẹp khóa đa hướng L nâng đỡ (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4->8lỗ tương ứng Chiều dài: 80->144mm. - Đặc tính: Nẹp hình chữ L, + Đầu nẹp có 2 lỗ vít hình số tám (gồm lỗ vít khóa đa hướng và lỗ vít dùng để nén ép), + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) - Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vô đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	20
324	Nẹp khóa đa hướng lỗ cầu ngoài cánh tay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5->11lỗ. Chiều dài: 99->171mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 5 lỗ vít khóa đa hướng và 1 lỗ vít khóa hình tròn, + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vô) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm và 4.0mm; vít vô đường kính 2.7 và 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	10
325	Nẹp khóa đa hướng lỗ cầu trong (trái, phải) cánh tay các cỡ	- Nẹp loại 4 -> 10 lỗ, chiều dài các cỡ. - Dùng vít 2.7 và 4.0 mm, đầu nẹp có 3 lỗ vít khóa đa hướng. - Thân nẹp lỗ vít hình tròn và 1 lỗ vít nén ép. - Chất liệu: Titanium	1 cái/gói	Cái	10
326	Nẹp khóa đa hướng lỗ cầu trong cánh tay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4->10lỗ. Chiều dài: 79->151mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 3 lỗ vít khóa đa hướng và 1 lỗ vít khóa hình tròn, + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vô) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm và 4.0mm; vít vô đường kính 2.7 và 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	10
327	Nẹp khóa đa hướng mắc xích các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4->16 lỗ tương ứng Chiều dài: 70->205mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	30
328	Nẹp khóa đa hướng móm khuỷu (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3-> 8lỗ tương ứng Chiều dài: 70-> 135mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 2 lỗ vít khóa, + Thân nẹp có lỗ ở đầu nẹp và cuối nẹp là lỗ vít khóa đa hướng + Các lỗ vít còn lại là lỗ vít hình tròn (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vô); + Chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	10
329	Nẹp khóa đa hướng ốp lõi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4-> 13lỗ tương ứng Chiều dài: 139-> 319mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 7 lỗ vít khóa đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, + Chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vô đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	15
330	Nẹp khóa đa hướng T nâng đỡ các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3 -> 8lỗ tương ứng Chiều dài: 65 ->145mm. - Đặc tính: Nẹp hình chữ T, + Đầu nẹp có 2 lỗ vít hình số tám (gồm lỗ vít khóa đa hướng và lỗ vít dùng để nén ép), + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) + Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vô đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	20
331	Nẹp khóa đa hướng T nhỏ các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3 -> 6 lỗ tương ứng Chiều dài: 45 ->78mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ T, + Đầu nẹp có 4 lỗ vít khóa đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vô) - Sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm và vít vô đường kính 2.7mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	20

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
332	Nẹp khóa đa hướng thân xương đùi các cỡ	- Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: + 6->16lỗ. + Chiều dài: 143mm->323mm. - Đặc tính: + Nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép). + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vô đường kính 5.0mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	15
333	Nẹp khóa đa hướng Titan đầu dưới xương quay 2.4 và 2.7mm.	- Chất liệu Titanium. + Nẹp tiêu chuẩn: Đầu có 6 lỗ khóa đa hướng, thân 2 -> 5 lỗ, dài 42->72mm, dày ≤ 2mm. + Nẹp bán hẹp: Đầu có 4 lỗ khóa đơn, 1 lỗ khóa đôi đa hướng, thân 2 -> 5 lỗ dài 45->75mm, dày ≤ 2mm. + Nẹp bán rộng: Đầu có 7 lỗ khóa đa hướng, thân 2 -> 5 lỗ dài 47->77mm, dày ≤ 2mm. + Nẹp có trái/phải, dùng vít 2.4 và 2.7mm, thân có lỗ kép kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép, đầu có cửa sổ tam giác, lỗ cố định K-wire. * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	30
334	Nẹp khóa đa hướng Titan đầu dưới xương quay mặt lưng 2.4 và 2.7mm	- Chất liệu Titanium. + Nẹp T đầu 3 lỗ, thân 3-> 5 lỗ, dài 37->51mm, dày ≤ 2mm. + Nẹp mặt bên 5-> 6 lỗ, dài 46->57mm, dày ≤ 2mm. + Nẹp trung tính trái/phải, đầu có 2 vít khoá, thân 5-> 6 lỗ, dài 41->49mm, dày ≤ 2mm. + Nẹp dùng vít 2.4 và 2.7mm, thân có lỗ kép kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	10
335	Nẹp khóa đa hướng xương đòn S (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 6 -> 10 lỗ tương ứng Chiều dài: 69 ->117mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vô), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	40
336	Nẹp khóa dũa trên xương chày chữ T	- Nẹp khoá đầu trên xương chày chữ T: Số lỗ từ 4-10 lỗ, tương ứng dài 88-184mm. Nẹp dày 3mm, rộng 16mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC. - Dùng kết hợp với: + Vít khoá Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khoá xoắn Ø 5.0 mm	Cái	Cái/ Gói	10
337	Nẹp khóa đầu dưới mặt ngoài xương cánh tay	- Đầu nẹp có 4 lỗ bắt vít đường kính 2.7mm, thân nẹp có số lỗ từ 3-13 lỗ, tương ứng chiều dài từ 74-204mm, sử dụng vít đường kính 3.5mm. Loại trái/ phải, nẹp dày 3.2mm và rộng 11mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khoá Ø 2.7 mm + Vít khoá Ø 3.5 mm + Vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khoá xoắn Ø 3.5 mm + Vít xoắn Ø 4.0 mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Cái	Cái/ Gói	5
338	Nẹp khóa đầu dưới mặt trong xương cánh tay	- Đầu nẹp có 3 lỗ bắt vít đường kính 2.7mm và 2 lỗ bắt vít đường kính 3.5mm, thân nẹp có số lỗ từ 3->13 lỗ, tương ứng chiều dài từ 94 -> 224mm. Loại trái/ phải, nẹp dày 3.2mm và rộng 11mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khoá Ø 2.7 mm + Vít khoá Ø 3.5 mm + Vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khoá xoắn Ø 3.5 mm + Vít xoắn Ø 4.0 mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Cái	Cái/ Gói	5
339	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay hình chữ Y	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Kích thước chiều dài 101mm, đầu nẹp có 9 lỗ khóa - Sử dụng vít tự khóa titanium, đường kính 2.5mm-3.5mm, chiều dài các cỡ	Hộp/1 cái	Cái	5
340	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, chiều dài 130mm-190mm	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Đầu nẹp 7 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp 4 lỗ khóa-> 7 lỗ khóa chiều dài các cỡ - Vít tự khóa titanium đường kính 3.5mm, chiều dài các cỡ - Tiệt trùng	Hộp/1 cái	Cái	10

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
341	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, dài 250mm	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Kích thước: + Chiều dài 250mm, đầu nẹp có 7 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 10 lỗ khóa và 1 lỗ free - Ron vis bằng titanium - Đóng gói tiệt trùng. - Sử dụng vít tự khóa titanium đường kính 3.5mm, dài 10-70mm; vít vỏ xương thép không gỉ đường kính 3.5mm, dài 10-70mm	Hộp/1 cái	Cái	5
342	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	- Đầu nẹp có 7 lỗ bắt vít, thân nẹp có số lỗ từ 4 ->15 lỗ, tương ứng chiều dài từ 141->361mm. - Loại trái/ phải. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 5.0 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	Cái/ Gói	10
343	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	- Chất liệu Titanium, thân nẹp có rãnh cắt, có lỗ kép hình số 8 - Nẹp 3.5mm : Đầu nhọn có 4 lỗ khóa, thân 4-8 lỗ, chiều dài các cỡ - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO, FDA 510k	-	Cái	10
344	Nẹp khóa đầu dưới xương mác các cỡ	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Đầu nẹp có 4 lỗ khóa và 1 lỗ free, thân nẹp có 1-> 6 lỗ khóa, chiều dài các cỡ - Sử dụng vít tự khóa Titanium - Đường kính vít: 2.5mm -> 3.5mm, dài các cỡ - Tiệt trùng	Hộp/1 cái	Cái	20
345	Nẹp khoá đầu dưới xương quay (trái, phải) loại 5 lỗ, 7 lỗ	- Chất liệu Ti6Al4V - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - Vít khóa 2.4mm đa hướng ở đầu mặt khớp. - Đầu mặt khớp 5 lỗ và 7 lỗ. - Lỗ vít nén cố định ở gậy. - Thiết kế kết hợp xương theo nguyên lý 3 cột (cột quay, cột giữa, cột trụ). - Dùng vít khóa 2.4mm và 3.5mm; vít vỏ 3.5mm. - Dài các cỡ	Cái/gói	Cái	30
346	Nẹp khoá đầu dưới xương quay (trái, phải) loại 9 lỗ, 12 lỗ	- Chất liệu Ti6Al4V. - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - Đầu mặt khớp 9 lỗ và 12 lỗ. - Lỗ vít nén cố định ở gậy. - Vít khóa đa hướng - hướng vào mồm trám quay. - Dùng vít khóa 2.4mm và 3.5mm, vít vỏ 3.5mm. - Dài các cỡ	-	Cái	5
347	Nẹp khóa đầu dưới xương quay bàn tay (6 lỗ đầu)	- Đầu nẹp có 6 lỗ bắt vít. Nẹp dày 2.5mm, rộng 8.25mm. - Thân nẹp từ 3->10 lỗ ứng chiều dài 59 ->116.75mm, loại trái/ phải. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 2.4 mm + Vít cứng Ø 2.4 mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Cái	Cái/ Gói	20
348	Nẹp khóa đầu dưới xương quay, dài 50mm	- Vật liệu nẹp bằng titanium. - Chiều dài 50mm, đầu nẹp có 7 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 2 lỗ khóa và 1 lỗ free - Ron vis bằng titanium - Đóng gói tiệt trùng - Vít tự khóa titanium đường kính 2.5mm, dài 8-50mm - Vít vỏ xương titanium đường kính 2.7mm, dài 10-40mm.	Hộp/1 cái	Cái	20
349	Nẹp khóa đầu dưới xương quay, dài 86mm	- Vật liệu nẹp bằng titanium. - Chiều dài 86mm, đầu nẹp có 7 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 5 lỗ khóa và 1 lỗ free - Ron vis bằng titanium - Đóng gói tiệt trùng s - Vít tự khóa titanium đường kính 2.5mm, dài 8-50mm - Vít vỏ xương titanium đường kính 2.7mm, dài 10-40mm.	Hộp/1 cái	Cái	10
350	Nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Đầu nẹp 3 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp 4 lỗ -> 7 lỗ khóa và 0 lỗ free - Chất liệu vít Titanium - Đường kính vít 2.5mm -> 3.5mm, dài các cỡ - Tiệt trùng	Hộp/1 cái	Cái	10
351	Nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay (Nẹp khóa đầu dưới, hóm khuỷu mặt trong xương cánh tay)	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Kích thước: + Chiều dài 103mm, đầu nẹp có 3 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 4 lỗ khóa và 0 lỗ free + Chiều dài 148mm, đầu nẹp có 3 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 7 lỗ khóa và 0 lỗ free - Ron vis bằng titanium - Đóng gói tiệt trùng. - Vít tự khóa titanium đường kính 3.5mm, dài 10 ->70mm; - Vít tự khóa titanium đường kính 2.5mm, dài 8 ->50mm.	Hộp/1 cái	Cái	10

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
352	Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay (Nẹp khóa đầu dưới, hòm khuỷu mặt bên xương cánh tay)	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Kích thước: + Chiều dài 98mm, đầu nẹp có 5 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 4 lỗ khóa và 0 lỗ free + Chiều dài 143mm, đầu nẹp có 5 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 7 lỗ khóa và 0 lỗ free - Ron vis bằng titanium - Đong gói tiệt trùng. - Vít tự khóa titanium đường kính 3.5mm, dài 10-70mm; - Vít tự khóa titanium đường kính 2.5mm, dài 8-50mm	Hộp/1 cái	Cái	10
353	Nẹp khóa đầu gần xương cánh tay, đầu mặt khớp 9 lỗ, vít 3.5mm, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - Có 9 lỗ vít, có vít chịu lực cố định ở gậy - Góc vít đa hướng nâng 20° hỗ trợ tối đa cho mặt ngoài và mặt trong khớp vai. - Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm. Loại trái/ phải. - Có 3 -> 12 lỗ ứng với chiều dài 90 -> 210mm.		Cái	10
354	Nẹp khóa đầu gần xương trụ có móc, vít 3.5mm, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - Vít khóa/vít nén đầu gần mỏm khuỷu để cố định mảnh gãy. - Thân nẹp được thiết kế dài hơn phù hợp với giải phẫu xương trụ. - Móc để cố định tối ưu các mảnh xương nhỏ và tăng tính ổn định. - Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm. Loại trái/ phải - Có 2 -> 12 lỗ ứng với chiều dài 73 -> 186mm		Cái	15
355	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn	- Đầu nẹp có 6 lỗ bắt vít dùng vít đường kính 2.7mm, thân nẹp có số lỗ từ 3 -> 10 lỗ, chiều dài tương ứng từ 61 -> 149mm, dùng vít đường kính 3.5mm. Loại trái/ phải, dày 3.2mm, rộng 10mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 2.7 mm + Vít khóa Ø 3.5mm + Vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 3.5 mm + Vít xoắn Ø 4.0 mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO. CE	Cái	Cái/ Gói	10
356	Nẹp khóa đầu rấn xương đòn	- Chất liệu Ti6Al4V. - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - Đầu mặt khớp có 8 lỗ, sử dụng vít khóa 2.4mm. - Thân nẹp cong hình chữ S xoắn quanh đầu ngoài xương đòn. - Dùng vít khóa 2.4mm và 3.5mm, vít vò 3.5mm. - Loại trái, phải các cỡ	Cái/gói	Cái	20
357	Nẹp khóa đầu trên mặt ngoài xương chày (bàn rộng)	- Đầu nẹp có 5 lỗ bắt vít; thân nẹp có số lỗ từ 4 -> 13 lỗ, tương ứng chiều dài từ 125 -> 305mm, nẹp dày 4.5mm và rộng 15.5mm, loại trái/ phải. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 5.0 mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. EC.	Cái	Cái/ Gói	10
358	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	- Chất liệu Titan, Ti6Al4V - Rộng 11.8mm; dày 3.2mm - Dùng kết hợp với: + Vít khóa đường kính 3.5 mm + Vít cứng đường kính 3.5 mm + Vít khóa xoắn đường kính 3.5 mm + Vít xoắn đường kính 4.0 mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. EC		Cái	10
359	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Đầu nẹp có 7 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 2 lỗ -> 4 lỗ khóa và 1 lỗ free, chiều dài các cỡ - Vít tự khóa chất liệu: Titanium - Đường kính vít 3.5mm, dài các cỡ; - Vít vò xương thép không gỉ	Hộp/1 cái	Cái	10
360	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay dạng móc	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Kích thước: + Chiều dài 83mm, đầu nẹp có 6 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 2 lỗ khóa và 1 lỗ free + Chiều dài 124mm, đầu nẹp có 6 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 4 lỗ khóa và 3 lỗ free - Ron vis bằng titanium - Đong gói tiệt trùng - Vít tự khóa titanium đường kính 3.5mm, dài 10 -> 70mm - Vít vò xương thép không gỉ đường kính 3.5mm, dài 12 -> 70mm	Hộp/1 cái	Cái	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
361	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi gia cố chống vít bật ra ngoài, chất liệu Pure titanium	- Chất liệu Pure titanium - Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi (double lead) gia cố chống vít bật ra ngoài. - Có lỗ nén và lỗ khóa phù hợp với giải phẫu học - Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm; đầu vít chống trượt - Có 3 -> 8 lỗ ứng với chiều dài 90 -> 150mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi (double lead).		Cái	5
362	Nẹp khóa đầu trên xương chày (Nẹp khóa đầu trên mặt ngoài xương chày)	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Kích thước: + Chiều dài 83mm, đầu nẹp có 4 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 2 lỗ khóa và 0 lỗ free + Chiều dài 143mm, đầu nẹp có 4 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 5 lỗ khóa và 0 lỗ free + Chiều dài 203mm, đầu nẹp có 4 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 8 lỗ khóa và 0 lỗ free - Ron vis bằng titanium - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. - Vít tự khóa titanium đường kính 5.0mm, dài 12 -> 110mm	Hộp/1 cái	Cái	15
363	Nẹp khóa đầu trên xương chày các cỡ	- Chất liệu Titanium. - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm - Loại trái/ phải. - Loại 2-> 6 lỗ, chiều dài các cỡ	-	Cái	15
364	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	- Đầu nẹp có 4 lỗ bắt vít, thân nẹp có số lỗ nẹp từ 4 ->15 lỗ, tương ứng chiều dài từ 120 ->318mm, loại trái/ phải. Nẹp dày 5.4mm, rộng 17.3mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 5.0 mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	Cái/ Gói	5
365	Nẹp khóa đầu trên xương đùi, lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi gia cố chống vít bật ra ngoài, chất liệu Pure Titanium.	- Chất liệu Pure Titanium. - Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi (double lead) gia cố chống vít bật ra ngoài. - Có lỗ nén và lỗ khóa phù hợp với giải phẫu học - Dùng vít khóa 5.0mm, vít vò 4.5mm; đầu vít chống trượt - Loại trái/ phải - Có 5 -> 13 lỗ ứng với chiều dài 122 -> 266mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi (double lead)		Cái	5
366	Nẹp khóa đầu trên, phía bên xương chày các cỡ	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. Kích thước chiều dài 124mm, đầu nẹp có 3 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 4 lỗ khóa và 0 lỗ free - Ron vis bằng titanium - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. - Sử dụng vít tự khóa titanium đường kính 5.0mm, dài 12 -> 110mm	Hộp/1 cái	Cái	15
367	Nẹp khóa đầu xa hai xương cẳng tay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 14 lỗ. Chiều dài: 64mm. - Đặc tính: nẹp có hình chữ U, lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm và vít vò đường kính 2.7mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	15
368	Nẹp khóa đầu xa xương cánh tay, Chất liệu Pure Titanium	- Chất liệu Pure Titanium - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - Vít đầu xa của nẹp đặt mặt trong được thiết kế xen kẽ với vít của nẹp được đặt ở mặt ngoài tạo ra 1 cấu trúc song song để cố định ở gãy đầu xa. - Phần thân bên hông nẹp được thiết kế uốn lượn để uốn cong - Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm. Loại trái/ phải. - Có 4->14 lỗ ứng với chiều dài 87 ->200mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.		Cái	5
369	Nẹp khóa đầu xa xương đùi, lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi gia cố chống vít bật ra ngoài, chất liệu Pure Titanium.	- Chất liệu Pure Titanium. - Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi - Có lỗ nén và lỗ khóa phù hợp với giải phẫu học - Dùng vít khóa 5.0mm, vít vò 4.5mm; đầu vít chống trượt - Loại trái/ phải - Có 5 -> 13 lỗ ứng với chiều dài 156 -> 316mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi		Cái	10
370	Nẹp khóa đầu xa xương quay đa hướng, lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi (double lead) gia cố chống vít bật ra ngoài, chất liệu Pure Titanium.	- Chất liệu Pure Titanium - Lỗ vít trên thân nẹp đa hướng có ren khóa đôi - Có lỗ nén và lỗ khóa. Loại trái/phải - Dùng vít khóa 2.4mm, vít vò 2.4mm; đầu vít chống trượt - Đầu 6 lỗ 22mm, thân có 2 -> 5 lỗ ứng với chiều dài 45 -> 75mm - Đầu 7 lỗ 25mm, thân có 2 -> 5 lỗ ứng với chiều dài 47 ->77mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi		Cái	20

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
371	Nẹp khóa đầu xa xương quay đầu khớp có móc, 3 móc ở đầu mặt khớp để cố định những mảnh vỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - 3 móc có các cạnh, 3 móc ở đầu mặt khớp - 2 vít khóa hướng mõm trám quay. - Có lỗ vít nên ép cố định ở gãy. - Vít khóa được bắt liên kết chéo. Thân nẹp có góc vít đa hướng đường kính 5° - Dùng vít khóa 2.4mm/3.5mm, vít vò 3.5mm. Loại trái/ phải. - Có 2 -> 11 lỗ ứng với chiều dài 55 -> 133mm.		Cái	10
372	Nẹp khóa DHS các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3 -> 12 lỗ tương ứng Chiều dài: 91 -> 235mm. - Đặc tính: nẹp thẳng có kèm vít khóa DHS, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nên ép), chất liệu Titanium - Sử dụng vít khóa đường kính 5.00mm và vít vò đường kính 5.0mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	10
373	Nẹp khóa đỡ chữ L	- Nẹp khóa đầu trên xương chày chữ L: số lỗ từ 4-10 lỗ, tương ứng dài 90-186mm. Loại trái/phải. Nẹp dày 3mm, rộng 16mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 5.0 mm	Cái	Cái/ Gói	10
374	Nẹp khóa gót chân	- Nẹp có loại trái/ phải, chiều dài 57mm và 67mm. Nẹp dày 2mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 3.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 3.5 mm	Cái	Cái/ Gói	5
375	Nẹp khóa gót chân, lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi (double lead) gia cố chống vít bật ra ngoài, chất liệu Pure titanium	- Chất liệu Pure titanium - Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi (double lead) gia cố chống vít bật ra ngoài. - Có lỗ nên và lỗ khóa phù hợp với giải phẫu học - Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm; đầu vít chống trượt - Loại trái/ phải - Loại nhỏ 46mm, loại lớn 61mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi (double lead).		Cái	5
376	Nẹp khóa gót chân, vít 3.5mm, thân nẹp có lỗ trống để ghép xương, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - Vít khóa đa hướng điểm bám gân gót - Có chậu xương gót, chậu đáy xương gót, chậu gân gót - Thân nẹp có lỗ trống để ghép xương. - Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm - Loại trái/ phải. - Có 1/ 2 lỗ ứng với chiều dài 58/ 64.5mm		Cái	5
377	Nẹp khóa khớp cùng xương đòn có móc, thiết kế móc giải phẫu 100°	- Chất liệu Ti6Al4V. - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á. - Thân nẹp hình dạng mắt xích dễ uốn - Đầu mặt khớp có 4 lỗ - Nẹp được thiết kế mỏng giảm kích ứng mô mềm - Chiều cao móc 17mm - Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm. - Loại trái, phải các cỡ	Cái/gói	Cái	10
378	Nẹp khóa lòng máng	- Nẹp có số lỗ từ 4 -> 14 lỗ, tương ứng chiều dài từ 58 -> 188mm. Nẹp dày 1mm, rộng 9.7mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 3.5 mm + Vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 3.5mm + Vít xoắn Ø 4.0mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	Cái/ Gói	10
379	Nẹp khóa lòng máng 3.5, lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi (double lead) gia cố chống vít bật ra ngoài, chất liệu Pure titanium	- Chất liệu Pure titanium - Độ dày 1.0mm - Chiều rộng 9.0mm - Khoảng cách giữa các lỗ vít 12.0mm và 16.0mm - Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi (double lead) gia cố chống vít bật ra ngoài. - Có lỗ nên và lỗ khóa - Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm; đầu vít chống trượt - Có 5 -> 12 lỗ ứng với chiều dài 57 -> 141mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi (double lead)		Cái	10

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Dvt	Số lượng
380	Nẹp khóa mâm chày chữ L, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V.</li> <li>- Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á.</li> <li>- Có vít chịu lực</li> <li>- Lỗ vít nén cố định ở gậy.</li> <li>- Cấu trúc trục vít phân kỳ và hội tụ để cố định ở gậy.</li> <li>- Dùng vít khóa 3.5mm/5.0mm, vít vò 4.5mm.</li> <li>- Loại trái/ phải.</li> <li>- Có 4-&gt; 14 lỗ ứng với chiều dài 130mm-&gt;290mm. Khu vực gần mặt khớp có 8 lỗ.</li> </ul>		Cái	15
381	Nẹp khóa mâm chày chữ T, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V.</li> <li>- Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á.</li> <li>- Lỗ vít nén cố định ở gậy.</li> <li>- Thiết kế đuôi nẹp vát nhọn giúp bóc tách mô mềm phù hợp với kỹ thuật mổ ít xâm lấn.</li> <li>- Dùng vít khóa 3.5mm/5.0mm, vít vò 4.5mm.</li> <li>- Loại trái/ phải.</li> <li>- Có 4-&gt; 14 lỗ ứng với chiều dài 126mm-&gt; 286mm. Khu vực gần mặt khớp có 5 lỗ.</li> </ul>		Cái	15
382	Nẹp khóa mâm chày ngoài, có ren khóa đôi, chất liệu Pure Titanium.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Pure Titanium.</li> <li>- Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi gia cố chống vít bật ra ngoài.</li> <li>- Dùng vít khóa 5.0mm, vít vò 4.5mm; đầu vít chống trượt</li> <li>- Loại trái/ phải</li> <li>- Có 5 -&gt; 13 lỗ ứng với chiều dài 140mm -&gt;300mm</li> </ul>		Cái	15
383	Nẹp khóa mặt bên đầu xa xương chày, đầu mặt khớp 4 lỗ, vít 3.5mm và 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V.</li> <li>- Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á.</li> <li>- Đầu mặt khớp 4 lỗ, sử dụng vít khóa động tự taro 3.5mm.</li> <li>- Lỗ vít nén cố định ở gậy.</li> <li>- Vòng xoay 36° độ từ mặt trước ra mặt bên</li> <li>- Dùng vít khóa động tự taro 3.5mm và 5.0mm; vít vò 4.5mm.</li> <li>- Loại trái/ phải.</li> <li>- Có 4 -&gt; 12 lỗ ứng với chiều dài 112 -&gt; 240mm.</li> </ul>		Cái	5
384	Nẹp khóa mắt cá ngoài, đầu mặt khớp 7 lỗ, vít khóa 2.4mm và 3.5mm, đầu nẹp có 2 móc, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V.</li> <li>- Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á.</li> <li>- Lỗ vít nén cố định ở gậy.</li> <li>- Đầu mặt khớp có 7 lỗ, sử dụng vít khóa 2.4mm.</li> <li>- Đầu nẹp có 2 móc cố định ở gậy đầu xa xương mác vỡ nhiều mảnh.</li> <li>- Dùng vít khóa 2.4mm và 3.5mm; vít vò 3.5mm.</li> <li>- Loại trái/ phải.</li> <li>- Có 2 -&gt; 14 lỗ ứng với chiều dài 74 -&gt; 230mm</li> </ul>		Cái	10
385	Nẹp khóa mắt cá trong, đầu mặt khớp 9 lỗ, vít khóa 3.5mm và 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V</li> <li>- Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á.</li> <li>- Khu vực đầu mặt khớp 9 lỗ, sử dụng vít khóa 3.5mm, trong đó có vít chịu lực</li> <li>- Lỗ vít nén cố định ở gậy.</li> <li>- Vít khóa 3.5mm và 5.0mm; vít vò 4.5mm.</li> <li>- Loại trái/ phải.</li> <li>- Có 4 -&gt; 12 lỗ ứng với chiều dài 123 -&gt; 235mm.</li> </ul>		Cái	5
386	Nẹp khóa mặt sau đầu trên xương chày, vít 3.5mm, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V.</li> <li>- Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á.</li> <li>- Sử dụng hệ thống vít 3.5mm đa hướng</li> <li>- Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm</li> <li>- Loại trái/ phải.</li> <li>- Có 2-&gt; 6 lỗ ứng với chiều dài 55 -&gt; 107mm</li> </ul>		Cái	10
387	Nẹp khóa mắt xích	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Pure Titanium.</li> <li>- Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á.</li> <li>- Thân nẹp được thiết kế uốn lượn để dàng uốn cong</li> <li>- Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm.</li> <li>- Loại 4 -&gt; 14 lỗ, chiều dài các cỡ</li> </ul>	Cái/gói	Cái	10
388	Nẹp khóa Mini	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim titan</li> <li>- Dùng kết hợp với: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vít khóa đường kính 2.0 mm và 1.5mm</li> <li>+ Vít cứng đường kính 2.0 mm và 1.5mm</li> </ul> </li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.</li> </ul>		Cái	30
389	Nẹp khóa mini 1.5mm, góc vít đa hướng, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V.</li> <li>- Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á.</li> <li>- Độ dày 0.8mm, có nhiều hình dạng khác nhau như L, Y, ARC, X, H</li> <li>- Dùng vít khóa 1.5mm, vít vò 2.0mm</li> </ul>		Cái	50
390	Nẹp khóa mini 2.0mm, góc vít đa hướng, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V</li> <li>- Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á</li> <li>- Độ dày 1.2mm, có nhiều hình dạng khác nhau như L, Y, ARC, X, H, thẳng, T,</li> <li>- Dùng vít khóa 2.0mm, vít vò 2.0mm</li> </ul>		Cái	50



STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
391	Nẹp khóa mỏm khuỷu	- Đầu nẹp có các lỗ bắt vít đường kính 2.7mm. Thân nẹp có số lỗ từ 2-8 lỗ, tương ứng chiều dài từ 82.5->169mm, sử dụng vít 3.5mm, loại trái/ phải, nẹp dày 2.5mm, rộng 11mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 2.7 mm và Ø 3.5 m. + Vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 3.5 mm + Vít xoắn Ø 4.0mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	Cái/ Gói	5
392	Nẹp khóa mỏm khuỷu, đầu trên xương trụ các loại	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Kích thước chiều dài 105mm - Đầu nẹp có 5 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 4 lỗ khóa và 0 lỗ free - Vít tự khóa chất liệu Titanium - Đường kính vít 2.5mm ->3.5mm, dài các cỡ	Hộp/1 cái	Cái	10
393	Nẹp khóa nén ép 3.5 mm, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Nẹp được thiết kế theo tiêu chuẩn xương của người Châu Á - Nẹp được thiết kế mỏng. - 2 đầu nẹp vát nhọn bo tròn - Thân nẹp được thiết kế uốn lượn, đường viền tự động - Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm - Có 4 -> 12 lỗ ứng với chiều dài 59 -> 163mm		Cái	20
394	Nẹp khóa nén ép bản hẹp	- Nẹp dày 4.9mm và rộng 14mm. Số lỗ từ 4-18 lỗ, tương ứng chiều dài từ 76-328mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 5.0mm	Cái	Cái/ Gói	10
395	Nẹp khóa nén ép bản rộng	- Chất liệu Titan, Ti6Al4V - Rộng 17.6mm; dày 5.6mm - Dùng kết hợp với: + Vít khóa đường kính 5.0 mm + Vít cứng đường kính 4,5 mm + Vít khóa xoắn đường kính 5.0 mm	-	Cái	10
396	Nẹp khóa nén ép đa hướng đầu dưới xương quay mặt lưng 2.4/2.7mm	- Chất liệu Titanium, thân có lỗ kép hình số 8 dùng vít 2.4/2.7mm. - Nẹp mặt bên hình lượn sóng, có 5-6 lỗ, dài 46-57mm, dày ≤ 2mm. - Nẹp chữ T, đầu có 3 lỗ khóa, thân 3-5 lỗ, dài 37-51mm, dày ≤ 2mm. - Nẹp trung tính có 5-6 lỗ, dài 41-49mm có trái/ phải, dày ≤ 2mm	-	Cái	10
397	Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương chày 3.5mm	- Chất liệu Titanium, thân nẹp có rãnh cắt, lỗ kép hình số 8 - Nẹp mặt trong 4-14 lỗ, chiều dài các cỡ, đầu có 8 lỗ khóa 3.5mm - Nẹp trần chày 4-14 lỗ, chiều dài các cỡ, đầu nhọn có 9 lỗ khóa - Nẹp trước ngoài L: Đầu có 4 lỗ khóa, thân 5-19 lỗ, chiều dài 8 các cỡ - Chất lượng: CE, ISO, FDA 510k	-	Cái	10
398	Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay đa hướng mặt lòng 2.4/2.7mm	- Chất liệu Titanium, thân có lỗ kép hình số 8, đầu có cửa sổ tam giác, có lỗ K-wire, thân lỗ kép hình số 8 - Nẹp tiêu chuẩn: Đầu có 6 lỗ khóa đơn, thân 2-5 lỗ, chiều dài các cỡ - Nẹp bản hẹp: Đầu có 4 lỗ khóa đơn, 1 lỗ đôi, thân 2-5, chiều dài các cỡ - Nẹp bản rộng: Đầu có 7 lỗ khóa đơn, thân 2-5 lỗ, chiều dài các cỡ - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO, FDA 510k	-	Cái	20
399	Nẹp khóa nén ép đầu trên cánh tay 3.5mm.	- Chất liệu Titanium - Nẹp mặt ngoài: Đầu cong có 9 lỗ khóa 3.5mm, 11 lỗ cố định k_wire hoặc chỉ, thân 3-10 lỗ, chiều dài các cỡ. - Nẹp mặt sau trái/phải: Đầu nẹp cong ôm về phía sau, có 7 lỗ khóa 3.5mm, lỗ cố định k_wire hoặc chỉ, thân 4-14 lỗ kép có rãnh cắt, chiều dài các cỡ. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO, FDA 510k	-	Cái	10
400	Nẹp khóa nén ép đầu trên xương chày 3.5mm	- Chất liệu Titanium, thân nẹp có rãnh cắt, lỗ kép hình số 8 - Nẹp L trái/phải: 4 lỗ khóa đầu, lỗ k-wire, thân 4-16 lỗ kép, chiều dài các cỡ - Nẹp T trái/phải: 3 lỗ khóa đầu, thân 4-18 lỗ kép, chiều dài các cỡ - Nẹp mặt sau: 3 lỗ khóa đầu, thân 5-14 lỗ, chiều dài các cỡ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO, FDA 510k	-	Cái	10
401	Nẹp khóa nén ép đầu xương đòn có móc.	- Chất liệu Titanium, thân có rãnh cắt, có lỗ kép hình số 8, phân biệt trái/phải - Nẹp móc: 4-7 lỗ, chiều dài các cỡ, đầu có móc nâng đỡ	-	Cái	10
402	Nẹp khóa nén ép thân xương đòn 3.5mm.	- Chất liệu Titanium, có trái/phải - Nẹp hình chữ S có đủ 6-12 lỗ khóa, chiều dài các cỡ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO, FDA 510k	-	Cái	30

STT	Tên vật tư môi thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
403	Nẹp khóa nén ép Titan đầu dưới xương chày mặt ngoài 3.5mm	- Chất liệu Titanium. - Nẹp trước ngoài: 5 ->19 lỗ tương ứng chiều dài 80 -> 262mm, dày ≥ 4.0mm, đầu chữ L có 4 lỗ khóa. - Nẹp mặt ngoài: 6 ->18 lỗ tương ứng chiều dài 94->238mm, dày ≥ 4.0mm, đầu chữ L có 4 lỗ khóa. - Thân nẹp có rãnh cắt, lỗ kẹp kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA 510k		Cái	20
404	Nẹp khóa nén ép Titan bán hẹp.	- Chất liệu Titanium + Nẹp 3.5mm: 6 ->18 lỗ tương ứng chiều dài 86 ->242mm, rộng ≥ 11mm, dày ≥ 4.4 mm. + Nẹp 5.0mm: 4 -> 14 lỗ tương ứng chiều dài dài 72 -> 252mm, rộng ≥ 14mm, dày ≥ 4.4mm. + Thân nẹp có rãnh cắt, lỗ kẹp kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	15
405	Nẹp khóa nén ép Titan bán nhỏ 3.5mm.	- Chất liệu Titanium. - Nẹp thẳng: Thân 4->12 lỗ, dài 58-162mm, rộng ≥ 11mm, dày ≥ 3.4mm. - Nẹp móc: Thân 3 lỗ, dài ≥ 64mm, dày ≥ 3.0mm, đầu có 2 móc nhọn, 1 vít ép cố định đầu nẹp. - Thân có rãnh cắt, lỗ kẹp kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA 510k		Cái	15
406	Nẹp khóa nén ép Titan bán rộng 5.0mm.	- Chất liệu Titanium. - Nẹp thẳng: có đủ 6/7/8/9/10/11/12/13/14/15 lỗ, dài khoảng 108-270mm, rộng ≥ 18mm, dày ≥ 5.4mm. - Nẹp 2 đầu nhọn, có đủ 6/7/8/9/10 lỗ, dài khoảng 116-188mm, dày ≥ 5.5mm. - Nẹp cong 2 đầu nhọn có đủ 12/14/16/18 lỗ, dài khoảng 229-336mm, dày ≥ 5.5mm. - Thân nẹp có rãnh cắt, lỗ kẹp kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA 510k		Cái	10
407	Nẹp khóa nén ép Titan cổ xương đùi 5.0mm.	- Chất liệu Titanium. - Nẹp cổ xương đùi trái/phải: 3 lỗ vít khóa rộng 7.0mm, 1 vít khóa 5.0mm, dài khoảng 49mm, dày ≥ 4.0mm. - Thân nẹp có lỗ kẹp kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	5
408	Nẹp khóa nén ép Titan đầu dưới xương cánh tay .	- Chất liệu Titanium. - Nẹp mặt trong 2.7/3.5mm: Đầu thuôn nhọn có 3 lỗ khóa 2.4/2.7mm, thân 3-> 14 lỗ, dài 59 ->201mm, dày ≤ 2.5mm, phân biệt trái/phải. - Nẹp mặt ngoài: + Có móc: 5 lỗ khóa đầu 2.4/2.7mm + Không móc: 3 lỗ khóa đầu 2.4/2.7mm Thân có 3/5/7/9/14 lỗ, dài 65->208mm, dày ≤ 2.5mm, có rãnh cắt, lỗ kẹp kết hợp vít khóa hoặc nén ép 3.5mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	10
409	Nẹp khóa nén ép Titan đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài.	- Chất liệu Titanium. - Nẹp móc: Đầu có 5 lỗ khóa 2.4/2.7mm, thân 3/5/7/9/14 lỗ, dài 65->208mm, dày ≤ 2.5mm. - Nẹp không móc: Đầu có 3 lỗ khóa 2.4/2.7mm, thân 3/5/7/9/14 lỗ, dài 65->208mm, dày ≤ 2.5mm. - Thân nẹp có rãnh cắt, lỗ kẹp kết hợp vít khóa hoặc nén ép 3.5mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	10
410	Nẹp khóa nén ép Titan đầu dưới xương cánh tay mặt trong.	- Chất liệu Titanium. - Nẹp 2.7/3.5mm: Đầu thuôn nhọn có 3 lỗ khóa 2.4/2.7mm, thân 3/5/7/9/14 lỗ, dài 59-201mm, dày ≤ 2.5mm, phân biệt trái/phải. - Nẹp 3.5mm: Đầu có 3 lỗ khóa 3.5mm, thân 7/9/11/13/15 lỗ dài 80-184mm, dày ≤ 3mm. - Thân có rãnh cắt, lỗ kẹp kết hợp vít khóa hoặc nén ép 3.5mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	10
411	Nẹp khóa nén ép Titan đầu dưới xương đùi 5.0mm.	- Chất liệu Titanium. - Nẹp đầu dưới : Đầu có 7 lỗ khóa, có lỗ k_wire, thân 5/7/9/11 lỗ kẹp hình số 8, dài 158-278mm, dày ≥ 6.0mm, phân biệt trái/phải. - Nẹp Liss: Đầu có 7 lỗ khóa, có lỗ k_wire, thân 5/7/9/11/13 lỗ kẹp hình số 8, dài 156-316mm, dày ≥ 6.0mm, phân biệt trái/phải. - Thân nẹp có rãnh cắt, lỗ kẹp kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA 510k		Cái	10
412	Nẹp khóa nén ép Titan đầu dưới xương mác 2.7 và 3.5mm	- Chất liệu Titanium. - Nẹp mặt sau trái/phải, đầu nẹp 8 lỗ khóa 2.4/2.7mm, thân 3 ->15 lỗ 3.5mm, dài 77->233mm, dày ≤ 2.0mm. - Nẹp mặt bên trái/phải, đầu nẹp 5 lỗ khóa 2.4/2.7mm, 4 lỗ k-wire, thân 3-15 lỗ 3.5mm, dài 73->229mm, dày ≤ 2.5mm. - Thân nẹp có lỗ kẹp kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	15

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
413	Nẹp khóa nén ép Titan đầu dưới xương quay 2.4 và 2.7mm.	- Chất liệu Titanium. - Nẹp nghiêng: thân 3->5 lỗ, dài 43->61mm, đầu 5 lỗ, dày ≤ 1.5mm. - Nẹp thẳng: Thân 3->13 lỗ, dài 47->137mm, đầu 4-5 lỗ, dày ≤ 2.0mm. - Nẹp phân biệt trái/phải, dùng vít 2.4/2.7mm, thân có lỗ kép kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	20
414	Nẹp khóa nén ép Titan đầu dưới xương quay T 2.4 và 2.7mm.	- Chất liệu Titanium. - Nẹp T nghiêng: thân 3-5 lỗ, đầu 5 lỗ, dài 43->61mm, dày ≤ 1.5mm. - Nẹp T thẳng: Thân 3->13 lỗ, đầu 4/5 lỗ, dài 47->137mm, dày ≤ 2.0mm. - Nẹp phân biệt trái/phải, dùng vít 2.4/2.7mm, thân có lỗ kép kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	20
415	Nẹp khóa nén ép Titan đầu ngoài xương đòn.	- Chất liệu Titanium. - Nẹp mặt trên 2.7/3.5mm: Thân 3/4/5/6/7/8 lỗ, dài 69->136mm, dày ≥ 3.4mm, đầu có 6 vít khóa 2.4/2.7mm. - Nẹp trước trên 2.7/3.5mm: Thân 3/4/5/6/7/8 lỗ, dài 69->135mm, dày ≥ 3.5mm, đầu có 6 vít khóa 2.4/2.7mm. - Thân nẹp có lỗ kép kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	20
416	Nẹp khóa nén ép Titan đầu trên xương cánh tay 3.5mm.	- Chất liệu Titanium. - Nẹp I: Thân 3/4/5/6/8/10 lỗ, dài 96-184mm dày ≥ 4.0mm. Đầu nẹp mở rộng có 8 lỗ khóa, 1 lỗ kép 3.5mm, 11 lỗ cố định k_wire hoặc chỉ bao khớp. - Nẹp II: Thân 5/6/7/8 lỗ kép 3.5mm, dài 86-122mm, dày ≥ 4.0mm. Đầu nẹp mở rộng có 4 lỗ khóa đầu, - Thân nẹp có rãnh cắt, lỗ kép kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	10
417	Nẹp khóa nén ép Titan đầu trên xương chày mặt ngoài 5.0mm.	- Chất liệu Titanium. + Nẹp đầu trên: Có 5 -> 11 lỗ tương ứng chiều dài 144 -> 264mm, dày 4.5mm. + Nẹp Liss: Có 5 -> 13 lỗ tương ứng chiều dài 140 -> 300mm, dày 5.0mm. + Thân nẹp có rãnh cắt, lỗ kép kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	10
418	Nẹp khóa nén ép Titan đầu xương trụ.	- Chất liệu Titanium. - Nẹp đầu trên trái/phải, đầu nẹp có 8 lỗ khóa, 7 lỗ k-wire, thân 4 -> 14 lỗ, dài 86->216mm, dày ≥ 3.0mm. - Nẹp đầu dưới 2.0mm có 7 lỗ khóa, 1 lỗ kép, đầu có móc dài ≥ 52mm, dày ≤ 1.5mm. - Thân nẹp có lỗ kép kết hợp vít khóa hoặc nén ép. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	10
419	Nẹp khóa móm khuỷu, đầu trên xương trụ dạng chữ L	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Kích thước: + Chiều dài 105mm, đầu nẹp có 5 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 4 lỗ khóa và 0 lỗ free - Ron vis bằng titanium khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn 2 độ. - Vít tự khóa titanium đường kính 2.5mm, dài 8->50mm - Vít tự khóa titanium đường kính 3.5mm, dài 10 ->70mm - Tiết trùng	Hộp/1 cái	Cái	10
420	Nẹp khóa sử dụng vít khóa 5.0mm bán hẹp chất liệu thép không gỉ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Tương thích vít 5.0mm - Bề rộng nẹp: 12mm->15mm - Lỗ: 3->20 lỗ - Chiều dài nẹp: 60mm->300mm	-	Cái	10
421	Nẹp khóa sử dụng vít khóa 5.0mm bán rộng chất liệu thép không gỉ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Tương thích vít 5.0mm - Bề rộng nẹp: 15mm->20mm - Lỗ: 6 lỗ -> 20 lỗ - Chiều dài nẹp: 115mm->350mm	-	Cái	10
422	Nẹp khóa tái cấu trúc 3.5mm, lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi	- Chất liệu Pure Titanium. - Chiều rộng 10.1mm - Độ dày 3.5mm - Khoảng cách giữa các lỗ vít 14mm - Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi - Có lỗ nén và lỗ khóa - Vít khóa 3.5mm, vít vỏ 3.5mm; đầu vít chống trượt - Có 4 -> 22 lỗ ứng với chiều dài 56 -> 315mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi.		Cái	15
423	Nẹp khóa tái tạo (mắt xích)	- Nẹp dày 3mm và rộng 10mm. Số lỗ từ 4-20 lỗ, tương ứng chiều dài từ 52-244mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 3.5 mm + Vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 3.5 mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.	Cái	Cái/ Gói	10

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Dvt	Số lượng
424	Nẹp khóa thân xương cánh tay (Nẹp khóa bao quanh chuỗi đầu trên xương cánh tay)	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Kích thước: + Chiều dài 120mm, thân nẹp có 8 lỗ khóa và 0 lỗ free + Chiều dài 180mm, thân nẹp có 10 lỗ khóa và 0 lỗ free - Ron vis bằng titanium khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn 2 độ. - Vít tự khóa titanium đường kính 3.5mm, dài 10-70mm - Tiết trùng	Hộp/1 cái	Cái	5
425	Nẹp khóa thân xương đùi các cỡ	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Thân nẹp có 6 lỗ->10 lỗ khóa và 2 lỗ free - Chiều dài các cỡ - Vít tự khóa Titanium - Đường kính vít 5.0mm, dài 12mm->110mm	Hộp/1 cái	Cái	5
426	Nẹp khóa thân xương đùi ACP	- Chất liệu: thép không gỉ. - Kích thước: Thân nẹp có 6->10 lỗ khóa, 2 lỗ free. Chiều dài từ 190mm-> 290mm, - Ron vis bằng titanium khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn 2 độ. - Có thể sử dụng với mắt khóa titanium cùng dây chỉ thép (khóa thép) có đường kính 2.0mm. - Tiết trùng - Sử dụng vít tự khóa titanium đường kính 5.0mm.	Hộp/1 cái	Cái	10
427	Nẹp khóa thẳng xương cẳng tay, xương trụ-quay	-Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Thân nẹp có 4 lỗ -> 6 lỗ khóa và 2 lỗ free, dài các cỡ - Vít tự khóa Titanium - Đường kính 3.5mm, dài các cỡ - Tiết trùng	Hộp/1 cái	Cái	20
428	Nẹp khóa thẳng xương cẳng tay, xương trụ-quay, ACP	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. Kích thước: - Chiều dài 79mm, thân nẹp có 4 lỗ khóa và 2 lỗ free - Chiều dài 111mm và 145mm, thân nẹp có 6 lỗ khóa và 2 lỗ free - Ron vis bằng titanium khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn 2 độ. - Vít tự khóa titanium đường kính 3.5mm, dài 10->70mm - Vít vỏ xương thép không gỉ đường kính 3.5mm, dài 12 ->70mm - Tiết trùng	Hộp/1 cái	Cái	30
429	Nẹp khóa tiết trùng LC-LCP chất liệu Titanium thể hệ mới bán nẹp vít khóa 3.5mm.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 4 -> 12 lỗ, tương ứng với chiều dài 59 ->163mm. - Độ dày thân nẹp 3.2 mm, - Chiều rộng thân nẹp: 11.5mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	10
430	Nẹp khóa tiết trùng LC-LCP chất liệu Titanium thể hệ mới bán nẹp vít khóa 5.0mm.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 5 -> 16 lỗ, tương ứng với chiều dài 98 -> 296mm. - Chiều rộng thân nẹp 14mm, - Độ dày thân nẹp 4.8mm, độ dày đầu nẹp 2.4mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	10
431	Nẹp khóa tiết trùng LC-LCP chất liệu Titanium thể hệ mới bán rộng	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 5 -> 18 lỗ, tương ứng với chiều dài 98 -> 332 mm. - Độ dày thân nẹp 5.9mm, - Chiều rộng thân nẹp 17.3mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	10
432	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới đầu dưới xương chày mặt trong, trái/ phải.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 4->14 lỗ, tương ứng với chiều dài 117mm->252mm. - Độ dày thân nẹp 4.0mm, chiều rộng thân nẹp 11 mm, chiều rộng đầu nẹp 22mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	10
433	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới đầu dưới xương đùi, trái/ phải.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 5 ->13 lỗ, tương ứng với chiều dài 155 -> 315mm. - Độ dày thân nẹp 5.5mm, - Chiều rộng thân nẹp 16mm, chiều rộng đầu nẹp 35mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	5
434	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới đầu dưới xương mác, trái/phải.	- Chất liệu: Titanium thương mại tinh khiết cấp độ 2. - Kích cỡ: 3 ->7 lỗ, tương ứng với chiều dài 73->125mm. - Độ dày thân nẹp 3.5 mm, chiều rộng thân nẹp 9.5 mm, chiều rộng đầu nẹp 15mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	10

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
435	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới đầu dưới xương quay đa hướng.	- Chất liệu: Titanium thương mại tinh khiết cấp độ 2. - Dài 48mm-80mm. - Thiết kế lỗ khóa đa hướng cho phép bắt vít với góc 40 độ, - Độ dày thân nẹp 2.2 mm, - Chiều rộng đầu nẹp 24 mm, góc cong giữa đầu và thân nẹp 18 độ. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	20
436	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới đầu trên xương cánh tay.	- Chất liệu: Titanium thương mại tinh khiết cấp độ 2. - Kích cỡ: 3 -> 13 lỗ, tương ứng với chiều dài 110 -> 290mm. - Độ dày thân nẹp 4.0 mm, - Chiều rộng thân nẹp 12 mm, chiều rộng đầu nẹp 20mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	5
437	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới đầu trên xương chày mặt ngoài, trái/ phải.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 3/5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng với chiều dài 105-305mm. - Độ dày thân nẹp 4.8mm, chiều rộng thân nẹp 15.5mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	15
438	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới đầu trên xương chày mặt trong chữ T, trái/ phải.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 4/6/8 lỗ, tương ứng với chiều dài 60 ->108mm. - Độ dày thân nẹp 4.0 mm, chiều rộng thân nẹp 11mm, chiều rộng đầu nẹp 30mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	15
439	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới đầu trên xương đùi, trái/ phải.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 4 -> 12 lỗ, tương ứng với chiều dài 139 -> 283mm. - Độ dày thân nẹp 5.5mm, - Chiều rộng đầu nẹp 25.2mm, chiều rộng thân nẹp 17.5mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	5
440	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới mặt ngoài lõi cầu cánh tay, trái/ phải.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 3 ->14 lỗ, tương ứng với chiều dài 65->208mm. - Độ dày thân nẹp 2.5 mm, - Chiều rộng thân nẹp 11.8 mm, - Chiều rộng đầu nẹp 20 mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	5
441	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới mặt trong lõi cầu cánh tay, trái/ phải.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 3 ->14 lỗ, tương ứng với chiều dài 59 -> 201mm. - Độ dày thân nẹp 2.5 mm, - Chiều rộng thân nẹp 11mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	5
442	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới mắt xích thẳng.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 4 -> /22 lỗ, tương ứng với chiều dài 56 -> 308 mm. - Độ dày thân nẹp 3.4 mm, chiều rộng thân nẹp 10.5 mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	10
443	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới móm khuỷu, trái/ phải.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 2 -> 12 lỗ, tương ứng với chiều dài 86 -> 216mm. - Độ dày thân nẹp 2.5 mm, - Chiều rộng thân nẹp 10.5 mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	10
444	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới xương đòn chữ S, trái/ phải.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 6 -> 8 lỗ, tương ứng với chiều dài 94 ->120mm. - Độ dày thân nẹp 3.2 mm, - Chiều rộng thân nẹp 10mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	40
445	Nẹp khóa tiết trùng LCP chất liệu Titanium thể hệ mới xương đòn có móc, trái/ phải.	- Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 4 -> 7 lỗ, tương ứng với chiều dài 41->74mm. - Thân nẹp dày 3.6 mm, rộng 11mm, rộng đầu nẹp 24mm, - Chiều dài móc 30mm. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	15

STT	Tên vật tư môi thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Dvt	Số lượng
446	Nẹp khóa Titan đầu dưới mặt bên xương mác	- Đầu nẹp có 5 lỗ bắt vít, thân nẹp có số lỗ từ 4 -> 14 lỗ, tương ứng chiều dài từ 92 -> 212mm, loại trái/ phải, nẹp dày 3mm và rộng 10.5mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 3.5 mm + Vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xỏp Ø 3.5 mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.	Cái	Cái/ Gói	10
447	Nẹp khóa Titan mắt xích tái cấu trúc.	- Chất liệu Titanium. + Nẹp 3.5mm: Thân 5->14 lỗ khóa, dài 58->166mm, rộng ≤ 10mm, dày ≤ 3.0mm. + Nẹp 5.0mm: Thân 4->11 lỗ kép hình số 8, dài 76->208mm, rộng ≤ 12mm, dày ≤ 3.0mm. + Thân nẹp có rãnh cắt 2 bên tạo hình mắt xích, giúp dễ dàng uốn tạo hình. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	10
448	Nẹp khóa titanium thẳng dùng kết hợp xương phức tạp cho thân xương đùi, loại 10 lỗ.	- Chất liệu Titanium. - Trên thân tích hợp lỗ buộc cáp tăng cường cố định xương. - Có 10 lỗ bắt vít vào xương, dài 290mm, bề rộng 17.5mm, bề dày 5.3mm. - Sử dụng vít khóa titanium 5.0mm, vít vô titanium 4.5mm. - Bộ bao gồm nẹp và vít - Tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: nhóm G7.		Cái	5
449	Nẹp khóa titanium thẳng dùng kết hợp xương phức tạp cho thân xương đùi, loại 6 lỗ.	- Chất liệu Titanium. - Trên thân tích hợp lỗ buộc cáp tăng cường cố định xương. - Có 6 lỗ bắt vít vào xương, dài 185mm, bề rộng 17.5mm, bề dày 5.3mm. - Sử dụng vít khóa titanium 5.0mm, vít vô titanium 4.5mm. - Bộ bao gồm nẹp và vít - Tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: nhóm G7.		Cái	5
450	Nẹp khóa titanium thẳng dùng kết hợp xương phức tạp cho thân xương đùi, loại 8 lỗ.	- Chất liệu Titanium. - Trên thân tích hợp lỗ buộc cáp tăng cường cố định xương. - Có 8 lỗ bắt vít vào xương, dài 240mm, bề rộng 17.5mm, bề dày 5.3mm. - Sử dụng vít khóa titanium 5.0mm, vít vô titanium 4.5mm. - Bộ bao gồm nẹp và vít - Tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: nhóm G7.		Cái	5
451	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Kích thước: + Chiều dài 48mm, đầu nẹp có 6 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 2 lỗ khóa và 1 lỗ free + Chiều dài 53mm, đầu nẹp có 7 lỗ khóa và 0 lỗ free, thân nẹp có 2 lỗ khóa và 1 lỗ free + Ron vis bằng titanium khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn 2 độ. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. - Sử dụng vít tự khóa titanium đường kính 2.5mm, dài 8 -> 50mm; vít vô xương titanium đường kính 2.7mm, dài 10 -> 40mm	Hộp/1 cái	Cái	20
452	Nẹp khóa xương chày và xương cánh tay có ron vis.	- Chất liệu nẹp: Thép không gỉ. - Kích thước: Thân nẹp có 6-10 lỗ, 2 lỗ free. Chiều dài 122mm->249mm. - Ron vis bằng titanium khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn 2 độ. - Có thể sử dụng với mắt khóa titanium cùng dây chỉ thép (khóa thép) có đường kính 2.0mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. - Sử dụng vít tự khóa titanium đường kính 5.0mm	Hộp/1 cái	Cái	20
453	Nẹp khóa xương đòn chữ S	- Chất liệu: thép không gỉ. - Kích thước: + Chiều dài 70mm, thân nẹp có 4 lỗ khóa và 0 lỗ free + Chiều dài 94mm, thân nẹp có 6 lỗ khóa và 0 lỗ free + Chiều dài 95mm, thân nẹp có 6 lỗ khóa và 0 lỗ free - Ron vis bằng titanium khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn 2 độ - Sử dụng vít tự khóa titanium đường kính 3.5mm, dài 10-70mm - Đóng gói tiệt trùng.	Hộp/1 cái	Cái	50
454	Nẹp khóa xương đòn chữ S loại dài	- Số lỗ của nẹp 6 -> 10 lỗ; tương ứng chiều dài 88.5mm -> 136.5mm. - Nẹp dày 3.2mm và rộng 10.5mm, loại trái/ phải. - Chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 3.5 mm + Vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xỏp Ø 3.5 mm + Vít xỏp Ø 4.0 mm - Tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	Cái/ Gói	20

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
455	Nẹp khóa xương đòn dạng móc	- Vật liệu nẹp bằng thép không gỉ. - Chiều dài 63mm - Đầu nẹp có 3 lỗ khóa và 0 lỗ free. - Thân nẹp có 3 lỗ khóa và 0 lỗ free - Vít tự khóa Titanium - Đường kính 3.5mm, dài 10mm->70mm	-	Cái	20
456	Nẹp khóa xương gót	- Vật liệu nẹp bằng titanium. - Đầu nẹp có 11 lỗ khóa và 0 lỗ free, chiều dài các cỡ - Vít tự khóa titanium - Đường kính 2.5mm, dài 8->50mm	Hộp/1 cái	Cái	10
457	Nẹp liền miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ, kèm 2 vít	- Gồm khung titanium với đĩa đệm PEEK - Vít đơn/ đa trục dùng với đĩa đệm cổ + Đường kính 3.6 mm hoặc 4.2mm + Thiết kế tự taro, tự khoan + Chiều dài 12, 14, 16, 18, 20mm + Chất liệu Titanium - Vít neo dùng với đĩa đệm cổ + Ba chiều dài neo : 12mm, 14mm, 15mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	5
458	Nẹp nối ngang cột sống điều chỉnh được độ dài, các cỡ	- Chất liệu hợp kim titanium-Ti6Al4V - Nẹp nối ngang điều chỉnh độ dài, bề mặt thấp - độ dài 40mm, 50mm, 60mm, 70mm, 80mm, 90mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	20
459	Nẹp sọ não thẳng	- Chất liệu: Titanium - Phù hợp với vít sọ não trong danh mục - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	30
460	Nẹp vít nén trượt, thép không gỉ.	- Chất liệu Stainless Steel. - Nẹp DHS 135°: 3 -> 12 lỗ tương ứng dài 64->208mm, dày 5.5->6.2mm. - Nẹp DCS 95°: 4 -> 12 lỗ tương ứng dài 82->210mm, dày 5.5->6.7mm. - Vít nén trượt: Đường kính 12mm (kèm vít nén trong) dài 55->110mm, tăng 5mm. - Vít vỏ 4.5mm, dài 20->60mm, tăng 2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE		Bộ	20
461	Nút tắt mạch platinum túi hình mạch máu não	- Có 2 dạng cấu trúc: 3D (Complex) và 2D (Helical) - Cấu tạo platinum - Kích cỡ: 0.010 inch, 0.012 inch, 0.014 inch - Đường kính vòng 1-20 mm, dài 1-50 cm - Đa dạng mức độ mềm của coil: SilkySoft, ExtraSoft, Soft, MediumSoft, Standard		Cái/Ống	15
462	Ốc khóa trong cho vít cột sống cổ đa trục lõi sau	- Vật liệu titanium, đường kính 3.5mm, tương thích với vít đa trục cột sống cổ - Đồng bộ với vít cột sống cổ đa trục lõi sau. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	10
463	Ốc khóa trong cho vít cột sống lưng đơn, đa, vít trượt sử dụng kỹ thuật hai bước khóa	- Vật liệu Titanium-Ti6Al4V, đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng, tương thích với vít có ren bên, nhuyễn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	140
464	Ốc khóa trong cột sống thất lưng tương thích với vít cột sống lưng đơn, đa trục 2 loại ren	- Vật liệu: Titanium-Ti6Al4V, tương thích với vít có 2 loại ren bên và ren tù trên cùng 1 con vít. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng, phù hợp với thanh dọc đường kính 5.5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	60
465	Ốc khóa trong cột sống thất lưng tương thích với vít đa trục khóa đôi can thiệp tối thiểu qua da	- Vật liệu: Titanium/Cobalt chrome. - Tương thích với Vít đa trục đuôi siêu dài khóa đôi can thiệp tối thiểu qua da và nẹp dọc qua da, tự gãy khi vận đủ lực. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	20
466	Ống canunal (trocar) nhựa	- Ống trocar nhựa. Tích hợp khóa ba lớp giảm rò dịch. - Thiết kế nhả vào, vặn ra giúp bám chắc vào mô và đem lại khả năng điều chỉnh hữu ích. - Chất liệu: polycarbonate, Latex-free. - Đường kính 4.5mm -> 8.5mm tương ứng chiều dài: 72mm -> 90mm	Cái/ hộp	cái	30
467	Ống nối, dây nối, chạc nối (adapter), bộ phân phối (manifold) và công chia (stopcock) dùng trong thủ thuật, phẫu thuật, chăm sóc người bệnh các loại, các cỡ	Chịu được áp lực tới 500 psi, 2 hoặc 3 cửa. Có thể chọn lựa nút On / Off. Thân làm từ polycarbonate dễ quan sát dòng chảy. Có thể chọn thêm dây nối.	Cái/ Gói	Cái	200

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
468	Ống soi sử dụng trong nội soi cột sống 2 công, sử dụng 1 lần	- Ống soi sử dụng trong nội soi cột sống 2 công, sử dụng 1 lần - Thiết kế quang học được cấp bằng sáng chế tạo ra hình ảnh chất lượng 4K, mà không cần sử dụng bó sợi quang học. - Tương thích với bất kỳ hệ thống camera. - Tiết trùng sẵn, sử dụng 1 lần. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.CE (Châu Âu)		Cái	15
469	Ống thông chẩn đoán mạch máu công nghệ chống đông máu, lớp phủ giúp di chuyển dễ dàng. Kích cỡ 4-5F, dài 40-125cm. Áp suất tối đa 1200psi	- Kích cỡ: 4F, 5F - Đường kính trong đầu tip $\leq 0.042$ inch - Đường kính trong của ống: 0.042 inch/1.07mm - 0.048 inch/1.20mm - Áp suất tối đa 1200 PSI - Tốc độ dòng chảy: + Size 4F (65, 90, 100, 110cm): 23, 20, 19, 18 ml/s + Size 5F (65, 90, 100, 110cm): 31, 27, 25, 24ml/s - Dây dẫn tương thích 0.035, 0.038 inch - Chiều dài ống: 40-125cm - Các dạng đầu cong: Straight, Pigtail, Universal Flush, MP, Mani, Berenstein, Vertebral, Newton, Sidewinder, Headhunter, Cobra, Renal, Uni Select, Shepherd Hook, J-Curve, Bentson		Cái	10
470	Ống thông 2 nòng trong tim mạch can thiệp	- Ống thông 2 nòng (1 nòng OTW và 1 nòng RX dài 20 cm) thích hợp cho mạch nhánh và tổn thương CTO. - Ống thông gồm 2 lõi thép không gỉ chống xoắn. - Chiều dài từ đầu tip tới OTW port dài 6.5 mm. - Lớp phủ ái nước 380 mm - Thiết kế ống hình bầu dục 3.3 Fr x 2.5 Fr - Đường kính ngoài (tip/ distal): 1.5/ 2.5 - 3.3 F. - Chiều dài: 145 cm.	Cái/ Hộp	Cái	30
471	Ống thông ái nước chụp mạch tạng qua động mạch quay có lớp bên kép thép không gỉ và lớp trong giàu nylon; kiểu đầu MG1, MG2	Cấu tạo: - Lớp trong giàu nylon - Lớp bên kép thép không gỉ giúp truyền chuyển động xoay hiệu quả Kiểu đầu thiết kế chuyên dụng cho tiếp cận qua động mạch quay Kích cỡ: - Đường kính: 4Fr - Chiều dài: 125cm; 135cm; 150cm - Lớp phủ ái nước: 15cm hoặc 40cm đầu xa - Dây dẫn tương thích: 0.0038"/0.97 mm - Áp lực bơm tối đa: 750 psi		cái	30
472	Ống thông can thiệp không gắn bóng cỡ 6F	- Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não - Kích thước: + Chiều dài: các cỡ + Đường kính: đường kính ngoài 6F, đường kính trong 0.070 inch - Có nhiều hình dạng đầu tip		cái	10
473	Ống thông can thiệp chẩn đoán chuyên can thiệp mạch máu tạng, phế quản, phổi	Ống thông can thiệp chẩn đoán các hình dạng chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng (gan, phổi, phế quản) và ngoại biên có nhiều dạng đầu: Simmons I, Simmons II, Simmons III, Vert, Cobra II, Cobra III, Liver, Liver RH, Mikaelsson - Kích thước: 4; 5; 6 F - Tương thích dây dẫn đến 0.038" (Maximum guidewire: 0.965mm) - Chịu được áp lực đến: 1.200 PSI (8.274 MPA) - Chiều dài: 70cm - 100cm		cái	100
474	Ống thông can thiệp chẩn đoán mạch máu não, mạch máu tạng và ngoại biên các cỡ	- Thân ống được phủ lớp ái nước (Hydrophilic) - Độ cân quang dưới màn hình soi huỳnh quang cao - Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép không gỉ giảm thiểu sự xoắn nút trong mạch máu - Kích thước: 4F; 5F; 6F - Chịu được áp lực đến: 1.200 PSI - Đa dạng chiều dài: 40cm - 150cm - Đầu xa ống thông được thiết kế linh hoạt chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng, ngoại biên và mạch vành (Cobra I,II,III/ Vert/ Simmons I,II,III/ Yashiro/ RH/ JR/ JL/ TiG/ PIG Tail...)	Cái/Gói	Cái	100
475	Ống thông can thiệp đầu siêu mềm không gắn bóng	- Thân ống mềm dẻo uyển chuyển với lớp phủ hydrophilic dài 105cm-115cm. - Kích cỡ 4.2 Fr - Công nghệ bên dây độc quyền chống xoắn và duy trì độ toàn vẹn lòng ống. - Lòng trong ống rộng 1.1 mm (0.043inch), lớp phủ PTFE. - Chiều dài khả dụng: 120cm, 125cm, 130cm. - Hình dạng đầu tip: straight.	Hộp/5 cái	Cái	5
476	Ống thông can thiệp mạch vành, cỡ 5->8Fr	- Chất liệu lõi là các sợi kim loại dệt được kết bằng polymer vest tech nylon. - Có tối thiểu các cỡ 6F, 7F, 8F. - Đường kính trong khoảng 0.071"-0.081". - Có từ 20 loại độ cong trở lên, trong đó có các dạng cong EBU, RBU, IMA, SAL, SL, AL. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (châu Âu).	Hộp/ 1 Cái	Cái	590



STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
477	Ống thông can thiệp mạch vành với thân ống thông bao các loại, các cỡ	- Cấu tạo: lớp trong bằng PTFE, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ phẳng được bền cường độ cao, có tính cân quang cao ở đoạn xa. - Đặc điểm: kết cấu vật liệu nổi bật bao gồm 5 đến 6 vùng, mỗi vùng được làm từ các vật liệu có độ cứng khác nhau. - Hình dạng các kiểu - Kích thước cỡ 5F - 7F. Chiều dài 100cm.	Hộp/ 1 cái	Cái	200
478	Ống thông can thiệp tim mạch các loại, các cỡ	- Thiết kế ống Hyper chống biến dạng ống dưới nhiệt độ, độ ẩm cao. - Độ cứng ống giảm dần từ đoạn gần tới đầu tip. - Đầu tip viên tròn, mềm dẻo (urethane) hiển thị tốt. - Lòng trong ống rộng: 6F (1.80mm/ 0.071"), 7F (2.05mm/ 0.081"), 8F (2.28mm/ 0.090") được phủ lớp PTFE. - Đường kính ngoài: 2.09, 2.4, 2.7 mm (6, 7, 8 F). - Các loại shape: JL, JR, AL, SAL, AR, HS, IM, PB, SC, SPB, MP - Chiều dài khả dụng: 100cm.	Cái/ Hộp	Cái	300
479	Ống thông chẩn đoán buồng tim các cỡ	- Cấu tạo: 3 lớp - Kích thước: đường kính 4Fr - 5Fr, dạng đuôi heo. - Chiều dài ống: 110cm. - Tương thích guidewire 0.038". - Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.	Hộp/ 5 cái	Cái	200
480	Ống thông chẩn đoán mạch máu công nghệ duy trì đường kính và giữ nguyên hình dạng. Cấu trúc nylon 3 đoạn, thân ống bên từ thép không gỉ. Kích cỡ 4F, 5F và 6F, dài 65-125cm. Áp suất tối đa 1200psi	- Kích cỡ: 4F, 5F, 6F - Đường kính trong của ống: 0.042"/1.07mm (4F), 0.047"/1.19mm (5F), 0.057"/1.45mm (6F) - Áp suất tối đa ≤ 1200 PSI - Tốc độ dòng chảy: + 4F: 16.7 ml/s (Loại chọn lọc), 16.6 ml/s (Loại đuôi heo) + 5F: 21.3 ml/s (Loại chọn lọc), 19.8 ml/s (Loại đuôi heo) + 6F: 35.0 ml/s (Loại chọn lọc), 32.6 ml/s (Loại đuôi heo) - Dây dẫn tương thích 0.035 inch, 0.038 inch - Chiều dài ống: 65->125cm - Các dạng đầu cong: JL, JR, AL, AR, DRC, SRC, MPA 2, MPB 2, SON, BARBEAU, RBL, RBL-TG, RBL-JK, PIG, LCB, RCB, IM		Cái	10
481	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính: 0.014", 0.018", 0.035", chiều dài: 65cm, 90cm, 135cm, 150 cm	- Lớp phủ ái nước giúp tăng độ trơn láng. - Thân catheter và hub trong suốt. Đầu tip màu tía, thon dần. - Đường kính tiếp cận tổn thương 0.018". - Có 3 điểm đánh dấu cân quang nằm cách đều nhau dọc theo trục đầu xa. - Đường kính: 0.014", 0.018", 0.035". - Chiều dài: 65cm, 90cm, 135cm, 150 cm. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		Cái	20
482	Ống thông chẩn đoán mạch quay đa năng chụp được trái và phải	- Cấu tạo: công nghệ sợi bền kép - Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống 2 lớp - Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay: Brachial Type - Kích cỡ: 5Fr - Tương thích guidewire 0.038" - Đường kính 5Fr, chiều dài 100cm - 120cm.	Hộp/ 5 cái	Cái	1.500
483	Ống thông chẩn đoán mạch vành 1 bên các loại, các cỡ	- Ống thông chẩn đoán mạch vành - Thân ống thông và tip làm bằng chất liệu cân quang - Có các loại JL, JR, AL, AR - Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên - Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 100cm/125cm - Dùng được với guide wire 0.035"/0.038" - Chịu áp lực dòng chảy cao 1,200 psi/ 81.6 bar - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA (Cục quản lý Dược phẩm và Thực phẩm Hoa Kỳ)		Cái	600
484	Ống thông chẩn đoán mạch vành 2 bên	- Ống thông chẩn đoán mạch vành 2 bên loại 5F - Cấu tạo sợi bền kép, tương thích với guidewire 0.038"	5 cái/ Hộp	Cái	400
485	Ống thông chẩn đoán mạch vành có bên sợi thép không gỉ các cỡ	- Cấu tạo: 3 lớp - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ. - Đường kính 4Fr - 5Fr. Chiều dài 100cm. - Tương thích guidewire 0.038".	Hộp/ 5 cái	Cái	1.100
486	Ống thông chụp buồng tim các cỡ	- Ống thông chụp buồng tim các cỡ loại 4F-6F - Cấu tạo 3 lớp, tương thích guidewire 0.038"	Hộp/ 5 cái	Cái	150
487	Ống thông chụp chẩn đoán tạng có cấu tạo 3 lớp, đường kính 5Fr (đường kính trong 1.10mm), chiều dài 70cm, 100cm.	Cấu tạo: 3 lớp - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) dài 25cm hoặc 40cm. - Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1.10mm). Chiều dài: 70cm, 100cm		cái	50

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
488	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ/ Đường kính trong nhất quán từ tay cầm đến đầu tip: 5F/0.056inch, 6F/0.070inch, 7F/0.078inch, 8F/0.088inch, 9F/0.098inch.</li> <li>- Thiết kế cấu trúc bên Hybrid gồm 1 dây dệt và 1 dây lõi tròn thép không gỉ.</li> <li>- Chiều dài ống: Các size cho mạch cánh tay brachial = 90 cm, mạch đùi femoral (5F, 6F, 7F, 8F = 100 cm), 9F = 98cm.</li> <li>- Đầu tip cân quang dài 16mm với size 5F và 2,5mm cho các size còn lại.</li> <li>- Các shape: JL, JCL, AL, XB, XBLAD, XBC, JR, JCR, AR, XBR, XBRCA, NR, Hockey Stick, DRC, MPA, MPB, JFL, JFR, RB, RBL, BARBEAU, LCB, RCB.</li> <li>- Đạt chứng nhận FDA.</li> </ul>	Cái/ Hộp	Cái	200
489	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não dạng sheath	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não (guiding)</li> <li>- Có phần thiết kế lớp vỏ bên ngoài ưa nước ở đoạn đầu xa (khoảng 20cm)</li> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều dài: &gt;= 80cm</li> <li>+ Đường kính: 0.090inch</li> </ul> </li> </ul>		Cái/Ống	20
490	Ống thông dẫn đường nối dài hỗ trợ can thiệp tổn thương khó mạch vành và mạch máu ngoại biên.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thông dẫn đường với đoạn nối dài</li> <li>- Đường kính trong: 0.046" (1.17mm) đến 0.071" (1.80mm)</li> <li>- Đường kính ngoài đầu tip: 0.053" (1.35mm) đến 0.085" (2.16mm)</li> <li>- Đường kính ngoài thanh dầy: 0.25mm đến 0.30mm .</li> <li>- Thiết kế đoạn phân phối nhanh dài ≥25cm với hai điểm đánh dấu huỳnh quang trên thân ống, đoạn cổ dạng half-pipe dài ≥17cm và đoạn thanh dầy dài ≥108cm.</li> <li>- Tương thích ống thông dẫn đường từ 5Fr đến 8Fr.</li> <li>- Chiều dài 150cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và FDA (Cục quản lý dược phẩm hoa kỳ)</li> </ul>		Cái	15
491	Ống thông hỗ trợ can thiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch não</li> <li>- Đầu ống có đoạn được phủ ái nước dài 5cm - 15cm</li> <li>- Kích thước ống thông: 6F, 7F, 8F</li> <li>- Chiều dài khả dụng: 80 cm, 90 cm, 100 cm, 110 cm.</li> <li>- Hình dạng đầu tip: angled, straight.</li> </ul>		Cái	20
492	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thông mở rộng đi sâu vào động mạch vành</li> <li>- Có chiều dài 25cm và 40cm</li> <li>- Chiều dài của shaft 125cm.</li> <li>- Các size 6F, 7F, 8F và 6F dài.</li> <li>- Phủ lớp ái nước</li> <li>- Cổ nối xoắn ốc bằng Platinum Iridium</li> <li>- Tiêu chuẩn CE châu Âu và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>	Hộp 1 cái	Cái	30
493	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dụng cụ gồm : một đầu tip, trục xa, trục bảo vệ gắn được làm bằng dây thép</li> <li>- Độ dài ống thông 145cm, bao lớp thân nước, đường kính trong 1.33mm và 1.43mm, độ dài trục đoạn xa 25cm</li> <li>- Đánh dấu tại vị trí 900mm và 1000mm so với đầu tip, phù hợp với ống thông can thiệp 6F</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</li> </ul>	Hộp/ 1 cái	Cái	50
494	Ống thông trợ giúp can thiệp mạch vành lòng rộng, hỗ trợ thu động với lớp phủ ái nước chọn lọc và đầu vào mềm mại	<p>Cấu tạo ống thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo trục với lớp lưới đan thép không gỉ 2x2 và lớp ngoài polyamide</li> <li>- Lớp phủ ái nước hydrophilic chọn lọc, chỉ phủ ái nước ở đoạn giữa, không phủ ái nước ở 7cm đầu xa và 25cm đầu gần</li> <li>- Đầu vào mềm mại</li> <li>- Thiết bị 6Fr, 7Fr có 02 lỗ bên ở đầu xa</li> </ul> <p>Kích cỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài: 100cm, 125cm</li> <li>- Đường kính: 5Fr, 6Fr, 7Fr</li> <li>- Các kiểu đầu: Amplatz Left, Amplatz Right, Judkins Left, Judkins Right, Extra backup, Multipurpose, Hockey Stick, IMA, Bypass, Tiger</li> </ul>	Hộp/ 1 cái	Cái	150
495	Ống thông trung gian cho can thiệp mạch não	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thông hỗ trợ trung gian trong can thiệp mạch máu não</li> <li>- Chiều dài khả dụng &gt;110cm</li> <li>- Đường kính trong các cỡ</li> </ul>		Cái/Ống	3
496	Stent (khung giá đỡ) mạch vành phủ thuốc Sirolimus có polymer tự tiêu dưới 60 ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, nồng độ thuốc: 1.2 µg/mm<sup>2</sup>.</li> <li>- Phủ polymer PLGA, với độ dày 4-&gt; 10µm tự tiêu dưới 60 ngày</li> <li>- Với 90% thuốc được giải phóng trong vòng 28 ngày.</li> <li>- Thành stent ≤ 80µm, các đầu nối xoắn ốc.</li> <li>- Đường kính: 2.25 -&gt; 4.00 (mm).</li> <li>- Chiều dài: 10 -&gt; 35 (mm).</li> <li>- Stent có nghiên cứu ngẫu nhiên có đối chứng, so sánh đối đầu, cỡ mẫu trên 1500 Bệnh nhân, đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín (JSCAJ), chứng minh hiệu quả vượt trội trong nhồi máu cơ tim cấp cũng như có tỉ lệ tái hẹp thấp nhất trong stent theo dõi trên 01 năm.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</li> </ul>		Cái	25
497	Stent bắc cầu tạm thời cho túi phình mạch não cổ rộng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là loại Stent chặn cổ túi phình dạng lưới, có thể bung và thu hồi sau khi coiling.</li> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính: 1.5 mm- 4.5mm</li> <li>+ Chiều dài: 32mm</li> </ul> </li> <li>- Tương thích Microcatheter: 0.021" ID</li> <li>- Đặc điểm: dạng lưới kín đầu, điều khiển độ bung mở bằng tay cầm bên ngoài.</li> </ul>		cái	3

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
498	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên	- Tương thích với sheath 6F -> 7F - Đường kính 5mm - 10 mm - Chiều dài stent: các cỡ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA (Mỹ)	Hộp/ 1 Cái	Cái	10
499	Stent can thiệp túi phình mạch não	- Stent tự nở, dùng trong can thiệp túi phình mạch máu não - Đường kính 3.0mm - 8.0mm. - Chiều dài 15mm-60mm. - Tương thích với ống thông có đường kính trong 0.0165"- 0.017", 0.021" và 0.027". - Có thể thu hồi sau khi đặt 90% chiều dài. - Có các điểm cản quang giúp dễ quan sát stent	-	Cái	3
500	Stent có màng bọc chứa túi phình mạch vành các cỡ	- Chất liệu: Cobalt Chromium với lớp phủ ProBio - Độ dày khung Stent: + đường kính 2.5mm - 3.0mm có kích thước 60µm (0.0024 inch); + đường kính 3.5mm - 4.0mm có kích thước 80µm (0.0031 inch); + đường kính 4.5mm, 5.0mm có kích thước 120µm (0.0047 inch) - Chiều dài từ: 15mm đến 26mm - Đường kính từ: 2.5mm đến: 5.0mm - Chứng nhận ISO, CE VÀ FDA và FSC: Switzerland & Australia - Stent được phủ lớp Silicon Carbide siêu mỏng (PROBIO) và thiết kế đơn lớp (single layer) làm khâu kính nhỏ	1 cái/ hộp	Cái	10
501	Stent graft bổ sung động mạch chủ bụng các loại, có đầu gắn có stent chống gấp gãy và hạn chế sự gấp nếp.	- Phù hợp với bộ khung giá đỡ động mạch chủ bụng phía trên để sử dụng khi cần ghép thêm cho bệnh nhân, có kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất 16F-20F (phần nối dài). - Đầu gắn có stent chữ M giúp chống gấp gãy, áp sát thành mạch và hạn chế sự gấp nếp. Phần Sheath phủ Hydrophilic giúp đi đến tổn thương tốt hơn. Có marker hình chữ E ngược - Kích cỡ: Đường kính của Stent đầu gắn từ 15mm đến 36mm, đầu xa từ 13mm đến 38mm. - Chất liệu: + Stent: Nitinol + Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE	-	Cái	6
502	Stent động mạch thận các cỡ	- Giá đỡ nong mạch máu ngoại biên bụng bằng bóng (thận) - Chất liệu: Cobalt Chromium - Lớp phủ: proBIO - Đường kính: 4.5mm -> 7mm - Dây dẫn: 0.014" - Chiều dài: 12mm -> 19mm	-	Cái	5
503	Stent động mạch vành Cobalt Chrome phủ thuốc Sirolimus, không polyme, thanh chống mỏng	- Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus. - Hàm lượng Sirolimus từ 1.2µg/mm <sup>2</sup> - Không polymer. Có chất nền dẫn thuốc - Chất liệu là hợp kim Cobalt Chrome. Bề dày thanh stent từ 55µm - 65µm. - Kích cỡ stent: đường kính: 2.0-4.0 mm; chiều dài: 9-38 mm - Profile qua tổn thương nhỏ nhất từ 0.79 - 0.96 mm. Profile đầu chóp: 0.41 mm - Tiêu chuẩn EC hoặc ISO - Có nghiên cứu lâm sàng ngẫu nhiên đa trung tâm trên 3,000 bệnh nhân, thời gian theo dõi 5 năm	-	Cái	35
504	Stent graft động mạch chủ ngực bổ sung các loại, các cỡ với 2 thiết kế khác nhau	- Stent bổ sung sử dụng cho phình, bóc tách động mạch chủ ngực. Có 2 thiết kế làm cho đầu gắn của stent bám chắc hơn, giảm thiểu di lệch. - Đường kính 20F, 22F, 24F - Có thiết kế duy nhất đầu to đầu nhỏ với đường kính khác nhau tương thích với giải phẫu bệnh hơn. Có marker hình 0 ở đoạn đầu - Kích cỡ: Đường kính của Stent từ 24mm đến 44mm dài 80mm - 230mm - Nút khóa an toàn vẫn được khóa cho đến khi lò xo đầu gắn được triển khai. - Chất liệu: + Stent: Nitinol + Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE	-	Cái	5
505	Stent graft động mạch chậu các loại, các cỡ có đầu gắn có stent chống gấp gãy và hạn chế sự gấp nếp.	- Sử dụng cho phình và bóc tách động mạch chủ Chậu, có kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất 18F. GW 0.035". Dài 113 cm. - Đầu gắn có stent chữ M giúp chống gấp gãy, áp sát thành mạch và hạn chế sự gấp nếp. Có marker hình chữ E. - Kích cỡ: Đường kính của Stent từ 14/16/18mm đối với đầu gắn và từ 10mm đến 14mm đối với đầu xa, 8mm nhánh bên. - Chất liệu: + Stent: Nitinol + Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE	-	Cái	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Dvt	Số lượng
506	Stent graft động mạch chủ bụng các loại, các cỡ có đầu gắn có stent chống gấp gãy và hạn chế sự gấp nếp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng cho phình và bóc tách động mạch chủ Bụng Châu gồm loại 2 bên(MB) hoặc 1 bên(AUI), có kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất 18F-20F (phần thân chính).</li> <li>- Đầu gắn có stent chữ M giúp chống gấp gãy, áp sát thành mạch và hạn chế sự gấp nếp. Phần Sheath phủ Hydrophilic giúp đi đến tổn thương tốt hơn. Có marker hình chữ E ngược và ring marker ở chân gắn.</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính từ 23mm đến 36mm đối với stent đầu gắn và 13mm đến 19mm đối với stent đầu xa.</li> <li>- Chất liệu:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Stent: Nitinol</li> <li>+ Graft: Polyester đa sợi mật độ cao.</li> </ul> </li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE</li> </ul>		Cái	5
507	Stent graft động mạch chủ ngực các loại, các cỡ với 2 thiết kế khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stent graft sử dụng cho phình, bóc tách động mạch chủ ngực. Có 2 thiết kế làm cho đầu gắn của stent bám chắc hơn, giảm thiểu di lệch.</li> <li>- Đường kính 20F, 22F, 24F</li> <li>- Có thiết kế duy nhất đầu to đầu nhỏ với đường kính khác nhau tương thích với giải phẫu bệnh hơn. Có marker hình 0 ở đoạn đầu</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính của Stent từ 24mm đến 44mm dài 80mm đến 230mm.</li> <li>- Nút khóa an toàn vẫn được khóa cho đến khi lò xo đầu gắn được triển khai.</li> <li>- Chất liệu:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Stent: Nitinol</li> <li>+ Graft: Polyester đa sợi mật độ cao.</li> </ul> </li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE</li> </ul>		Cái	5
508	Khung giá đỡ (Stent) động mạch và tĩnh mạch, đường kính 5mm tới 24mm, chiều dài 20mm tới 145mm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung bằng sheath, có thể bung ra và thu hồi lại khi chưa kéo sheath đến maker giới hạn.</li> <li>- Chất liệu: hợp kim Elgiloy, lõi Platinum.</li> <li>- Đường kính: 5 -24 mm. Chiều dài: 20 - 145 mm.</li> <li>- Chiều dài trực thân: 75cm, 135cm.</li> <li>- Thiết kế mắt cáo đóng</li> <li>- Dây dẫn tương thích: 0.035". Sheath tương thích: 6-12F.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE ( Châu Âu )</li> </ul>		Cái	5
509	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus, thiết kế tối ưu cho mạch máu lớn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Platinum Chromium (PtCr), có Polymer (PLGA) tự tiêu hoàn toàn. Lớp polymer chỉ phủ ở mặt stent áp thành mạch .</li> <li>- Phủ thuốc Everolimus.</li> <li>- Khung stent có 12 peak, 4 kết nối ở phần đầu gắn và 3 kết nối ở thân.</li> <li>- Đường kính stent 3.5-&gt; 5.0mm và có thể mở rộng tới 6.0 mm. Chiều dài 8-32 mm</li> <li>- Đường kính mở rộng nhánh bên: tối đa 5mm</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA ( bản PMA)</li> </ul>	Hộp 1 Cái	Cái	20
510	Stent mạch vành phủ thuốc lõi kép Zotarolimus, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phủ thuốc Zotarolimus</li> <li>- Lớp phủ Biolink tương thích sinh học</li> <li>- Công nghệ lõi kép</li> <li>- Chỉ định được cho bệnh nhân tiểu đường</li> <li>- Đường kính 2.0 mm - 5.0 mm, dài 8 mm - 38 mm</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA/PMA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái/ Hộp	Cái	100
511	Stent mạch vành phủ thuốc Rapamycin, phủ polymer tự tiêu sinh học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chromium, phủ polymer tự tiêu sinh học PLA và thuốc Rapamycin.</li> <li>- Liều thuốc phủ: 0.3 microgram/mm<sup>2</sup>.</li> <li>- Bề mặt áp thành được khoét thêm các rãnh phủ polymer tự tiêu sinh học và mang thuốc.</li> <li>- Giới hạn đường kính open cell (dành cho can thiệp nhánh bên) ≥ 6.3 mm với đường kính 2.75mm và 3mm.</li> <li>- Độ dày ≥ 86µm (bao gồm lớp phủ thuốc).</li> <li>- Đường kính: 2.25-4.00 (mm).</li> <li>- Chiều dài: 13-38 (mm)</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).</li> </ul>		Cái	30
512	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính hai đầu khác nhau, đầu lớn đầu nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt Chromium L605</li> <li>- Độ dày khung Stent nằm trong khoảng từ 62 - 68 µm</li> <li>- Đường kính Stent từ 2.25 - 3.50mm, Stent dạng thuôn đầu lớn đầu nhỏ Tapered Stent system</li> <li>- Chiều dài Stent: 30, 40, 50, 60mm</li> <li>- Phủ thuốc: Sirolimus</li> <li>- Áp lực: 9-14 atm</li> <li>- Bóng: Phần nhỏ ra &lt; 0.5 mm, Độ dài vai bóng ngắn</li> <li>- Cấu trúc Stent: Dạng liên kết S phi tuyến tính và đầu nối Y</li> <li>- Mắt cáo: Dạng Novel Hybrid mắt cáo ở hai đầu mắt mở ở giữa stent</li> <li>- Cơ chế bóng Stent: Bung từ giữa thân Stent.</li> </ul>	Hộp 1 Cái	Cái	60

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
513	Stent mạch vành phủ thuốc tự tiêu đường kính 2.0 - 4.0mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stent mạch vành chất liệu Cobalt Chromium phủ thuốc Sirolimus và Polymer tự tiêu</li> <li>- 2 marker Platinum / Iridium.</li> <li>- Số thanh nối <math>\leq 2</math> giúp đảm bảo độ linh hoạt và khả năng tiếp cận mạch nhánh tối đa</li> <li>- Chu vi mắc cáo mở rộng tối đa <math>\geq 18.5\text{mm}</math>, giúp duy trì hỗ trợ tốt lõi vào mạch nhánh</li> <li>- Hàm lượng thuốc: <math>12.5\mu\text{g}/\text{mm}</math> chiều dài, phủ ở mặt ngoài thành stent.</li> <li>- Độ dày thanh chống <math>68\mu\text{m} - 79\mu\text{m}</math></li> <li>- Đường kính 2.0mm - 2.50 mm , chiều dài 8mm - 32mm.</li> <li>- Đường kính stent 2.75mm - 4.00 mm, chiều dài 8mm - 40 mm.</li> </ul>	1 Cái/ Hộp	Cái	100
514	Stent mạch vành phủ thuốc tự tiêu sinh học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus, liều lượng <math>\leq 1.2\mu\text{g}/\text{mm}^2</math></li> <li>- Polymer tự tiêu sinh học PLLA/PLGA 50/50, độ dày lớp phủ: <math>3-5\mu\text{m}</math></li> <li>- Vật liệu Cobalt Chromium, thiết kế đóng và mở, kết nối có dạng chữ "U", 6 đỉnh đối với <math>\text{Ø}2.00 - 2.75</math>, 8 đỉnh đối với <math>\text{Ø}3.00 - 4.50</math>,</li> <li>- Độ dày khung stent: <math>60\mu\text{m} - 70\mu\text{m}</math></li> <li>- Đường kính: 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 4.00, 4.50mm</li> <li>- Chiều dài: 8mm-&gt;48 mm.</li> <li>- Nếp gấp bóng: 3 cánh</li> <li>- Đầu tip: 0.016",</li> <li>- Có 2 đầu cân quang</li> <li>- Áp suất danh định <math>\leq 7</math> bar,</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	50
515	Stent mạch vành phủ thuốc, không polymer, khung Cobalt Chromium	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chromium, tẩm thuốc Biolimus A9 trực tiếp lên bề mặt stent được đánh nhám, không phủ polymer. Hàm lượng thuốc: <math>&gt;15\mu\text{g}/\text{mm}</math>,</li> <li>- Chiều dài stent: thuộc khoảng từ 9-&gt;36mm</li> <li>- Đường kính các cỡ: 2.25-&gt;4.0mm. Đường kính stent có thể đạt tối đa 5.95mm.</li> <li>- Bề dày thanh giá đỡ <math>\leq 88\mu\text{m}</math> (thiết kế 9 vành), <math>\leq 84\mu\text{m}</math> (thiết kế 6 vành). Độ rút ngắn: <math>\leq 2.29\%</math>. Độ co lại đàn hồi: <math>\leq 3.87\%</math>. Đoạn nối S và đoạn nối thẳng.</li> <li>- Đường kính mắt cáo <math>\geq 1.58\text{mm}</math>. Tính chịu lực xuyên tâm <math>&gt; 0.67\text{bar}</math> hay 500mmHg.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.</li> </ul>		Cái	35
516	Stent mạch vành phủ thuốc, polymer tự tiêu sinh học, khung Cobalt Chromium.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt Chromium, tẩm thuốc Biolimus A9 có phủ lớp polymer tự tiêu sinh học. Hàm lượng thuốc: <math>&gt;15\mu\text{g}/\text{mm}</math></li> <li>- Chiều dài stent: Thuộc khoảng 9mm-36mm</li> <li>- Đường kính các kích cỡ: 2.25-4.0mm. Đường kính stent có thể đạt tối đa 5.95mm.</li> <li>- Bề dày thanh giá đỡ <math>\leq 88\mu\text{m}</math> (thiết kế 9 vành), <math>\leq 84\mu\text{m}</math> (thiết kế 6 vành). Độ rút ngắn: <math>\leq 2.29\%</math>. Độ co lại đàn hồi: <math>\leq 3.87\%</math>. Đoạn nối S và đoạn nối thẳng.</li> <li>- Đường kính mắt cáo <math>\geq 1.58\text{mm}</math>. Tính chịu lực xuyên tâm <math>&gt; 0.67\text{bar}</math> hay 500mmHg.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.</li> </ul>		Cái	20
517	Stent mạch vành PtCr, phủ polymer tự tiêu, thiết kế mắt mở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Platinum Chromium có tẩm thuốc Everolimus, phủ Polymer tự tiêu</li> <li>- Khung stent mỏng, có bề dày <math>74\mu\text{m}</math> đến <math>81\mu\text{m}</math></li> <li>- Tip profile: 0.017 inch</li> <li>- Đường kính: 2.25mm - 5.00mm</li> <li>- Chiều dài 8mm - 48mm.</li> <li>- Polymer tự tiêu hoàn toàn sau 120 ngày, Lớp Polymer chỉ phủ ở mặt stent áp thành mạch, bề dày lớp phủ polymer <math>4\mu\text{m}</math></li> <li>- Chất liệu bóng trong stent: Pepax có 2 lớp, bóng 5 nếp gấp</li> <li>- Hệ thống mang stent phủ lớp ái nước.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng CE, FDA ( Bản PMA) (Mỹ)</li> </ul>	Hộp 1 Cái	Cái	220
518	Stent sinh học phủ thuốc điều trị kép	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stent phủ thuốc sirolimus trên nền polymer sinh học tự tiêu kết hợp với lớp kháng thể anti CD-34 chủ động làm lành lòng mạch.</li> <li>- Độ dày stent: <math>95-105\mu\text{m}</math></li> <li>- Kích thước tối đa của mắc cáo trên stent: 4.5 mm</li> <li>- Đường kính: 2.5 - 4.0 mm.</li> <li>- Chiều dài: 9 - 38 mm.</li> <li>- Radial strength (Khả năng chịu nén) <math>&gt; 25</math> psi</li> <li>- Foreshortening (Tỷ lệ rút ngắn chiều dài của stent) <math>&lt; 1\%</math></li> <li>- Recoil (Tỷ lệ co lại của stent) <math>&lt; 5\%</math></li> <li>- Đường kính 2.5-2.75mm nong lên tối đa 3.25 mm</li> <li>- Đường kính 3.0-4.0mm nong lên tối đa 4.5 mm</li> <li>- Thử nghiệm lâm sàng trên 9600 bệnh nhân.</li> </ul>	Cái/ Hộp	Cái	100
519	Thanh nâng ngực các loại các cỡ (kèm ốc/vít)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh nâng ngực định hình biến dạng lỏng ngực</li> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích cỡ: 6cm -&gt; 40cm</li> <li>- Thanh dùng ốc vít để cố định vào thành ngực.</li> <li>- Mỗi thanh kèm 2 ốc vít</li> </ul>	-	Cái	20
520	Thanh nâng ngực các loại các cỡ không kèm vít	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh nâng ngực định hình biến dạng lỏng ngực,</li> <li>- Thiết kế: 2 đầu bo tròn, nhỏ thon, có lỗ và khắc ở 2 đầu</li> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều rộng 10mm -&gt; 13mm</li> </ul>	-	Cái	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
521	Thanh trượt dùng cho dụng cụ siêu âm lòng mạch	- Chất liệu: Nhựa Plastic - Chiều dài: 100mm - Tương thích với hệ thống máy tại Bệnh viện	Cái/ Hộp	Cái	50
522	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	- Chất liệu Hydrophilic, ngậm nước > 25% và < 26%, lọc ánh sáng xanh, tím (nhuộm vàng tự nhiên). Optic: Thiết kế phi cầu với cầu sai từ (-0.08 μm) đến (+0.2 μm) - Càng kính: thiết kế dạng đĩa hoặc 2 càng khép kín, bờ vuông 360 độ chống đục bao sau, góc càng < 1,5 độ. - Đường kính: ≥ 6,0 mm. Chiều dài tổng < 11,0 mm. Hằng số A < 117,4. - Chỉ số khúc xạ: nhỏ hơn hoặc bằng 1,47. Chỉ số ABBE: từ ≥ 47 đến ≤ 49 - Dây công suất từ -5,0 D đến lớn hơn hoặc bằng +40,0 D.	-	Cái	500
523	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, lọc tia UV và ánh sáng xanh, một mảnh	- Chất liệu Optic: Bề mặt Hydrophobic Acrylic, nhuộm vàng, thiết kế phi cầu. - Chỉ số cầu sai SA = (-0,16) μm ± 10%; - Chỉ số khúc xạ ≥ 1,54; - Chỉ số ABBE từ 36 đến 37, Hằng số A từ 118 đến 119; - Độ sâu tiền phòng ACD từ 5,45 đến 5,50; - Dải công suất đáp ứng: từ +6,0 D đến +30,0 D; - Kích thước vết mổ ≤ 2,2mm; - Có 2 càng hình chữ C, góc càng 0 độ; - Thủy tinh thể lắp sẵn trong súng (injector) dạng xoay hoặc tương đương.	hộp/cái	Cái	200
524	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, chất liệu không ngậm nước, 4 càng	- Chất liệu acrylic không ngậm nước - Đường kính optic từ 5mm đến 6 mm. - Đặc điểm phi cầu, dải công suất từ -10.0 D đến + 35.0 D. - Chiều dài tổng thể từ 10mm đến 12 mm. - Chỉ số khúc xạ (RI) 1.52 < RI < 1.54. - Màu vàng lọc ánh sáng xanh, tia UV. Thiết kế 4 càng. - Thủy tinh thể kèm theo dụng cụ đặt.	Hộp 1 cái	Cái	300
525	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, chất liệu không ngậm nước, càng chữ C	- Chất liệu acrylic không ngậm nước - Đường kính optic từ 5.5mm đến 6.5 mm. - Đặc điểm phi cầu, trung tính dải công suất từ -5.0 D đến + 40.0 D. Chiều dài tổng thể từ 11 mm đến 13 mm. - Chỉ số khúc xạ 1.48 ≤ n ≤ 1.52. - Chỉ số ABBE trong khoảng từ 52-55, - Lọc ánh sáng xanh, nhuộm vàng tự nhiên chống tia UV. - Thiết kế càng chữ C, chống dính càng Antistick, góc càng < 2 độ. - Thủy tinh thể lắp sẵn hoàn toàn trong cartridge injector dùng một lần	-	Cái	500
526	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, ba tiêu, ngậm nước	- Chất liệu: acrylic hỗn hợp, kính trong (không nhuộm màu). - Optic: Càng chữ C dạng kép, góc càng < 2 độ; thiết kế phi cầu âm hiệu chỉnh quang sai. Đường kính optic: ≥ 6mm. Chiều dài tổng ≥ 12.5 mm. - Thấu kính tiêu cự hội tụ liên tục với công suất là ≥ +2.75D, kéo dài tiêu cự từ gần đến xa, công nghệ khúc xạ (không bị hiện tượng quang sáng và chói). - Chỉ số khúc xạ nhỏ hơn hoặc bằng 1.46. Chỉ số ABBE: từ ≥ 47 đến ≤ 50 - Dây công suất từ + 1.0 D đến lớn hơn hoặc bằng +35.0 D. Thủy tinh thể lắp sẵn trong cartridge	1 cái /hộp	cái	20
527	Troca nhựa tích hợp khóa 3 lớp	- Chất liệu: polycarbonate, Latex-free - Ống trocar nhựa, dùng trong nội soi khớp. - Tích hợp khóa ba lớp giảm rò dịch khi thao tác. - Đường kính 4.5mm - 8.5mm - Chiều dài 45mm - 90mm.	-	Cái	30
528	Van cầm máu dạng chữ Y loại đóng mở bằng lò xo, và van kép chất liệu Polycarbonate	- Van cầm máu chất liệu Polycarbonate - Loại đóng mở bằng lò xo, có van kép - Có kèm insertion tool bằng kim loại và torque điều khiển - Dây dẫn 0.014" - Đường kính trong 2.44 mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Tiêu chuẩn châu Âu) và FDA (Cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ)	25Cái/hộp	Cái	800
529	Van động mạch chủ sinh học các cỡ thời gian thoái hóa lâu	- 3 lá van tách rời - Chất liệu: màng tim bò/heo - Vòng van: khung bằng hợp kim Cobalt - chromium, phủ bởi lớp Polyester - Có vùng nối rộng van, có marker hiển thị dưới hình ảnh cán quang - Kích cỡ: 19mm->29mm	Hộp/1 cái	Cái	5
530	Van hai lá cơ học gỡ nổi các cỡ	- Van tim nhân tạo cơ học 2 lá, cấp ghép kiểu ngồi trên vòng van - Vật liệu + Khung van: Titanium + Thiết kế lá van dạng trục treo + Vòng khâu được dệt bằng vải Polyester với thiết kế 2 tầng, có marker. - Van được thiết kế cấy ghép trên 1 mặt phẳng. - Van có các cỡ: 19mm -> 33mm	Hộp/1 cái	Cái	2
531	Van hai lá sinh học các cỡ thời gian thoái hóa lâu	- 3 lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung bằng hợp kim Cobalt - chromium. - Van có vòng chỉ hướng dẫn vị trí khâu. - Thiết kế van ở vị trí trên vòng van và có 2 markers chỉ dẫn vị trí đặt van để tối ưu hóa dòng chảy thất trái - Cỡ 25-33mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Tiêu chuẩn châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Hộp/1 cái	Cái	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
532	Van tim cơ học động mạch chủ	- Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ, cấy ghép kiểu ngồi trên vòng van. - Vật liệu + Khung van: Titanium/ MP35N + Thiết kế lá van dạng trục treo + Vòng khâu được dệt bằng vải Polyester với thiết kế 2 tầng, có marker. - Van được thiết kế cấy ghép trên 1 mặt phẳng. - Van có các cỡ: 16mm -> 28mm	Hộp/1 cái	Cái	2
533	Van tim cơ học động mạch chủ loại INR thấp	- Chất liệu carbon nhiệt phân tinh khiết - Góc mở lá van tới 90 độ - Đầu ra dạng ống loe - Được chứng nhận an toàn hơn với INR 1.5IU->2.5UI - Độ chênh áp thấp - Van động mạch chủ vòng khâu số 19->29	01 cái/hộp	Cái	15
534	Van tim hai lá INR thấp	- Chất liệu carbon nhiệt phân tinh khiết - Góc mở lá van tới 90 độ - Đầu ra dạng ống loe - Được chứng nhận an toàn hơn với INR 1.5IU->2.5UI - Độ chênh áp thấp	01 cái/hộp	Cái	20
535	Vật liệu gây nút mạch	- Chất gây tắc mạch dạng lỏng ethelene vinyl alcohol hòa tan trong chất dimethylsulfoxide, bột tantalum làm tăng độ cản quang - Chỉ định chuyên tắc các tổn thương ngoại biên và mạch máu não bao gồm dị dạng động tĩnh mạch và u máu. - Nồng độ 12 và 18 tương ứng với độ đậm đặc của chất tắc mạch	Hộp/1 cái	Cái	5
536	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan	- Hạt nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan. - Kích thước hạt khô 20µm - 200 µm. - Hấp thụ, giữ thuốc Doxorubicin và Irinotecan - Kích thước hạt sau khi ngâm thuốc 80 µm - 800 µm	-	Lọ	20
537	Vật liệu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin cỡ 150-3500 µm	- Vật liệu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dạng vi hạt được sử dụng để nút mạch hoá chất điều trị ung thư gan và kiểm soát chảy máu. - Kích thước hạt: 150-3500 µm. - Hạt có tính đàn hồi cao và độ dính kết chắc chắn, tắc mạch và hấp thụ hiệu quả trong mạch máu, không có chứa chất gây hại. - Đóng gói: lọ, mỗi lọ chứa 150mg vật liệu. - Tiêu chuẩn: ISO, CE		Lọ	50
538	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan có kích thước hạt từ 70µm-500µm	- Vật liệu nút mạch có chức năng tải thuốc điều trị ung thư gan. - Thành phần hydrogel, có khả năng tắc mạch máu trong khối u ác tính và truyền hóa chất Doxorubicin, Irinotecan điều trị ung thư biểu mô tế bào gan nguyên phát hoặc thứ phát do khối u đại trực tràng di căn gan. - Hạt vi cầu tắc mạch tải hóa chất Polyvinylalcohol được nhuộm xanh để hỗ trợ trực quan trong quá trình chuẩn bị và tải thuốc. - Kích thước 70 µm - 500 µm. - Khả năng ngâm thuốc doxorubicin lên đến 37,5mg/ml hạt.	Hộp/ 1 lọ	Lọ	125
539	Vật liệu nút mạch tạm thời có nguồn gốc từ gelatin, kích thước hạt từ 50µm-4000µm	- Vật liệu nút mạch tạm thời có nguồn gốc từ gelatin, kích thước hạt từ 50µm - 4000 µm, được mã hóa màu theo từng kích thước và được hiệu chuẩn chính xác. - Có tính đàn hồi tốt, tương thích sinh học, ưa nước và hấp thụ trong mạch máu. - Thể tích: ống tiêm 20ml. - Mỗi ống chứa khoảng 100mg vật liệu nút mạch trong điều kiện vô trùng.	Hộp/10 lọ	Lọ	80
540	Vi dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu đường kính: 0.014"	Vi dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phù hợp ái nước: - Cấu tạo: Nitinol. - Đường kính: 0.014". - Chiều dài khác nhau: 110cm - 300cm - Có 03 loại đầu tip khác nhau: Straight; Angled; Double Angled		cái	35
541	Vi dây dẫn can thiệp đa lõi	- Dây dẫn đa lõi thiết kế vòng xoắn kép tăng độ bền đầu tip, khả năng phân hồi momen xoắn và chống giết. - Tip load từ 0.3 - 4.5 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. - Đầu tip: straight, J, pre-shape. - Chiều dài: 190cm -> 300 cm	Cái/ Gói	Cái	100
542	Vi dây dẫn can thiệp đơn lõi	- Dây dẫn đơn lõi one-piece core. - Tip load từ 0.8- 12 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. - Lớp phủ: silicon - Đầu tip: straight - Chiều dài: 180cm -> 300 cm	Cái/ Gói	Cái	100
543	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu não 300cm	- Đường kính: 0.008 - 0.014 inch - Chiều dài khả dụng: 300- 310cm - Đầu tip: thẳng hoặc cong.		Cái /dây	15
544	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu não loại 0.014"	- Vi dây dẫn can thiệp mạch máu não có đường kính 0.014" - Mức độ cản quang tốt - Chiều dài: Các cỡ	-	Cái	15
545	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu não siêu nhỏ	- Vi dây dẫn can thiệp ái nước làm bằng thép không rỉ ở đoạn gần và Nitinol nhớ hình ở đoạn xa. - Đa dạng đường kính .007", .008", .012" và .014". - Chiều dài từ 200cm đến 220cm .		Cái /dây	40

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
546	Vì dây dẫn can thiệp mạch tạng vùng bụng	- Lõi bằng thép không rỉ được bao phủ bằng polyurethane resin và lớp polymer ái nước. - Đường kính: 0.016" - Chiều dài đầu cân quang 3cm, - Chiều dài: 135cm -> 180cm.	-	Cái	150
547	Vì dây dẫn can thiệp mềm với cấu trúc vòng xoắn kép	- Lõi dây hình trụ tròn chất liệu thép không gỉ - Dây dẫn đơn lõi/đa lõi (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phân hồi momen xoắn và chống giứt. - Vòng xoắn ngoài (Lõi platinum + thép không gỉ) giữ được phân hồi moment xoắn của dây dẫn. - Lớp phủ: silicon hoặc ái nước - Tip load: 0.5 gf hoặc 0.7gf - Đầu tip: straight, J. - Đường kính: 0.014 inch. Chiều dài: 150 cm, 165 cm, 180 cm, 190 cm, 300 cm.	Cái/Gói	Cái	700
548	Vì dây dẫn can thiệp ngoại biên 0.014" và 0.018" với cấu trúc vòng xoắn kép, tip load 1 - 40 gf	- Dây dẫn có độ nặng đầu tip từ 1.0 - 40gf - Đường kính dây 0.014inch, 0.018inch - Dây dẫn đơn lõi/đa lõi với công nghệ vòng xoắn kép duy trì hình dạng đầu tip, phân hồi momen xoắn tốt. - Chiều dài 180-300cm - Lớp phủ ái nước/ ái nước trên nền polymer - Hình dạng đầu tip: thẳng/đỉnh hình sẵn		Cái	25
549	Vì dây dẫn can thiệp siêu nhỏ siêu ái nước có đường kính 0,08 inch	Đầu xa wire kích thước 0.008 inch Chiều dài từ 200cm đến 220cm .		cái	5
550	Vì ống thông can thiệp 2.4Fr loại đồng trục có dây dẫn đi kèm, cấu trúc 3 lớp với cuộn tungsten xoắn ốc, phủ ái nước hydrophilic M coat, đầu xa dây dẫn có cuộn vàng	Vì ống thông 2.4Fr loại đồng trục có dây dẫn đi kèm Cấu trúc 3 lớp: - Lớp trong: phủ lớp PTFE - Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cân quang - Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat Kích thước: đường kính: 2.4Fr, chiều dài: 110 cm hoặc 130 cm Thông số dây dẫn đi kèm - Kích cỡ 0.018" - Lõi bằng hợp kim Nitinol siêu đàn hồi - Lớp ngoài Polyurethane; - Lớp phủ ái nước hydrophilic - Đầu có lớp cuộn bằng vàng 3cm - Kiểu đầu: 70° : Double angled		cái	50
551	Vì ống thông can thiệp CTO cấu trúc lõi lớp bên kép thép không gỉ	- Đầu vào dài 0.7mm. Sau đoạn đầu vào là điểm đánh dấu bằng vàng dài 0.7mm để tăng cường khả năng nhận diện. - Cấu trúc lõi là lớp bên bằng thép không gỉ (SUS braid) - Đường kính ngoài: đoạn xa 1.8Fr, đoạn gần 2.6Fr - Đường kính trong: đoạn xa 0.018", đoạn gần 0.021" - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm	Hộp/ 1 cái	Cái	30
552	Vì ống thông can thiệp mạch máu não siêu nhỏ	- Vì ống thông phủ lớp ái nước Hydrophilic ở đoạn xa và phủ PTFE trong lòng ống làm tăng khả năng điều hướng. - Kích thước ngoài đoạn gần đa dạng từ 2.2F- 4.0F, đoạn xa từ 1.9F-3.8F. - Chiều dài vì ống thông: đa dạng	Hộp/ Cái	Cái	40
553	Vì ống thông can thiệp mạch máu tạng và mạch máu ngoại biên	- Vì ống thông có đầu xa siêu nhỏ, dành cho mạch máu siêu chọn lọc, dùng trong can thiệp mạch máu tạng và mạch máu ngoại biên, tiết niệu, sinh dục, gan, lách, thận. - Phủ lớp ái nước Hydrophilic - Tương thích vì dây dẫn: 0.016"; 0.018"; 0.025" - Chiều dài: 70cm - 150cm.	Cái/Hộp	Cái	50
554	Vì ống thông can thiệp mạch thần kinh 0.021"	Vì ống thông xử dụng trong can thiệp mạch thần kinh Lớp áo hydrophilic bao bề mặt ngoài. Đường kính ngoài đầu gần-xa là 2.7Fr-2.4Fr Đường kính trong 0.021" Chiều dài: >150cm		Cái /dây	30
555	Vì ống thông can thiệp mạch thần kinh điều trị túi phình mạch não	- Vì ống thông can thiệp mạch máu não - Đường kính ngoài của đoạn hoạt động: đầu gần 2.1Fr- 2.4Fr và đầu xa 1.7Fr - 1.9Fr - Đường kính trong lòng ống từ 0.017" trở xuống, chiều dài sử dụng là 150cm. - Có thể đầu thẳng hoặc cong	-	Cái	10
556	Vì ống thông can thiệp mạch vành	- Chất liệu: Mặt ngoài làm bằng nhựa polyamide phủ bởi polymer ái nước. - Đầu tip được làm bằng polyurethane cân quang. Mặt trong ống (không bao gồm đoạn nối) được viền bởi fluropolymer - Đầu tip thuận: 1.4Fr - Đường kính ngoài ống: 1.9Fr. - Đường kính trong (đầu tip/ ống): 0.016/ 0.022". - Chiều dài khả dụng: thuộc trong khoảng 135 -> 150cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu)/FDA		Cái	10



STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
557	Vi ống thông can thiệp tim mạch	- Thiết kế trục mới với lõi ống được bền từ 14 dây dẫn và đầu tip linh hoạt tạo điều kiện tiếp cận từ xa trong quá trình tiếp cận ngược dòng. Có bảo vệ hình xoắn ốc tăng tính chống xoắn giúp bảo vệ thân ống. - Đầu tip thuận mềm, đường kính 1.3F - Đường kính ngoài (prox/ distal): 2.9, 2.1 F. - Lớp phủ hydrophilic tính từ đầu tip: 700 mm (dây 135cm)/ 850 mm (dây 150 cm). - Chiều dài khả dụng: 135, 150 cm		Cái	30
558	Vi ống thông can thiệp toce 1.9F/2.6F	- Đầu tip siêu nhỏ 1.9F/ 2.6F dành cho mạch máu siêu chọn lọc. - Áp lực bơm lên tới 1000psi. - Lớp phủ Hydrophilic 65cm, 100cm. - Chiều dài khả dụng 105cm - 150cm.	Cái/ Hộp	Cái	35
559	Vi ống thông can thiệp toce 2.4F	- Vi ống thông can thiệp toce đầu tip 2.4F, phủ ái nước. - Đường kính gần cán 3F, xa cán 2.4F; đường kính trong 0.021" - PTFE, áp lực đỉnh 1000 psi, độ dài 105 cm - 150cm. - Chất liệu bên kim loại và xơ tăng độ nhìn, chống gập.	01 cái/hộp	Cái	50
560	Vi ống thông can thiệp TOCE đầu tip 1.7F, tương thích dây dẫn 0.016 inch	- Đầu ống siêu nhỏ 1.7 F thuận mềm bám sát dây dẫn (tương thích với dây dẫn 0.016 inch). - Ống thông được bền bởi 2 dây (độ dày khác nhau) giúp chống xoắn, chống co giãn ống thông và hiển thị cao. - Thiết kế ống thuận dẫn cho phép phản hồi xúc giác tốt và đảm bảo dòng chảy đều. - Lớp phủ ái nước. - Chiều dài khả dụng 105, 125, 150 cm. - Hình dạng đầu ống: thẳng, cong. - Tiêu chuẩn : ISO		Cái	35
561	Vi ống thông hỗ trợ can thiệp ngoại biên đầu tip 1.5F, thân ống 2.3F	- Thiết kế ống xoay cả hai chiều - Đầu tip kim loại, tiết diện thâm nhập $\leq 0.020$ inch (0.5 mm) - Đường kính ngoài (tip/ distal): 1.5F/2.3F - Dây dẫn tương thích 0.014 inch - Lớp phủ ái nước 23-115cm - Chiều dài khả dụng: 60-150 cm		Cái	10
562	Vi ống thông hút huyết khối mạch não cỡ lớn	Chất liệu: Nitinol. Phủ lớp ưa nước. Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F. Đường kính trong: $\geq 0.062$ " Chiều dài $\geq 132$ cm Có thể kèm theo bộ dây hút huyết khối hoặc không	1 Hộp / 1 cái	Cái	25
563	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	Đường kính trong đầu xa: 0.035". Đường kính ngoài đầu xa: 3,8F; Đường kính ngoài đầu gần: 4,7F. Chiều dài làm việc: 160cm		cái	3
564	Vi ống thông kèm bóng truyền tắc nút mạch, phủ ái nước với đầu vào 1.8Fr và 02 đoạn đánh dấu cân quang ở đầu xa và đầu gần của bóng	Cấu tạo bóng: - Vật liệu: polyurethane - Chiều dài: 10mm - Vị trí: cách 3.5mm từ đầu vào ống thông - Bóng chẹn hoàn toàn, bóng được nong cao hơn 1,1 hoặc 1,2 lần đường kính mạch máu Cấu tạo vi ống thông: - Chiều dài: 110cm; 130cm; 150cm - Phủ ái nước hydrophilic ở 60cm đầu xa - Gồm 02 đoạn đánh dấu cân quang ở đầu xa và đầu gần của bóng dài 0.65mm - Đầu vào 1.8Fr, dài 0.5mm - Tương thích với dây dẫn 0.014"		cái	40
565	Vi ống thông loại đầu tip thuận can thiệp mạch tạng, các cỡ	- Dây dẫn thuận dài, thiết kế hình dạng đầu vát bút chì. - Chiều dài: 110cm ->150cm. - Đường kính trong 0.019"/0.022" - Tương thích với dây dẫn có đường kính tối đa 0.018". - Đường kính ngoài tại vị trí của marker, đầu xa, đầu gần tương đương với 1.9Fr, 2.2Fr, 2.8Fr	0	Cái	150
566	Vi ống thông siêu nhỏ dùng trong can thiệp dị dạng mạch máu não	- Được thiết kế đầu gần bằng sợi thép không gỉ, đầu xa có lớp Nitinol. - Đường kính trong đầu xa là 0.013" - Đường kính ngoài là 2.7Fr - 1.5Fr - Chiều dài 165cm.		Cái	5
567	Vi ống thông siêu nhỏ dùng trong can thiệp dị dạng mạch máu não có đầu đứt	- Được thiết kế đầu gần được cuộn bằng một sợi thép không gỉ tránh gập, đầu xa có lớp nitinol. - Có đầu tự đứt dài 1,5cm, 3cm. - Đường kính trong 0.013" - Đường kính ngoài đầu xa 1.5Fr - Đường kính đầu gần 2.7Fr, tổng chiều dài 165cm.		Cái /dây	5

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Dvt	Số lượng
568	Vít chân cung rỗng da trực cột sống lưng đầu nắn trượt ren đôi kèm vít khóa trong, vít tự taro	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Ti6Al4V</li> <li>- Đầu vít có 3 lưỡi, tự taro</li> <li>- Vít ren đôi, thích hợp cho bệnh nhân loãng xương.</li> <li>- Phù hợp với thanh dọc đường kính 5.5mm</li> <li>- Phân biệt đường kính vít bằng mã màu</li> <li>- Thân vít rỗng có thể bơm xi măng vào đốt sống qua thân vít.</li> <li>- Đầu vít có phần nắn trượt hỗ trợ nắn chỉnh đốt sống.</li> <li>- Đường kính 4,5mm x 25-40mm; 5,0mm x 30-45mm; 5,5mm x 30-50mm; 6,0mm x 30-55mm; 6,5mm x 30-100mm; 7,0mm x 30-100mm; 7,5mm x 30-100mm</li> <li>- Ốc khóa trong: chất liệu Ti-6Al-4V, hình tròn, bên trong rỗng hình lục giác.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>		Cái	30
569	Vít chi khâu chóp xoay, sử dụng kỹ thuật khâu hai hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Peek optima</li> <li>- Sử dụng trong khâu hàng ngoài chóp xoay khớp vai.</li> <li>- Kích thước neo 5.5mm x 6.7mm.</li> <li>- Chiều dài bung tương ứng 20.8mm</li> <li>- Tiệt trùng</li> </ul>		Cái	30
570	Vít chi khâu sụn chêm loại tích hợp khoá giới hạn, nút chi không tiêu 2-0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng kỹ thuật khâu sụn chêm All -Inside.</li> <li>- Thiết kế chốt trượt bung neo chủ động 360° cho phép bung neo tại mọi vị trí tay.</li> <li>- Gồm hai neo 5mm chất liệu PEEK OPTIMA và nút chi không tiêu 2-0 ULTRABRAID chất liệu, UHMW polyethelene.</li> <li>- Tích hợp khoá giới hạn độ sâu từ 10-18mm.</li> <li>- Mũi kim 17 gauge</li> <li>- Tiệt trùng</li> </ul>	Cái/ hộp	Cái	40
571	Vít chi khâu sụn chêm kỹ thuật khâu all inside	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng kỹ thuật khâu sụn chêm All -Inside.</li> <li>- Gồm hai neo <math>\geq 5</math>mm chất liệu peek/titan/coccr và nút chi không tiêu chất liệu polyethelene.</li> <li>- Tích hợp khoá giới hạn độ sâu từ 10mm - 18mm.</li> </ul>		Cái	40
572	Vít chi khâu sụn chêm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng kỹ thuật khâu sụn chêm All-Inside, được thiết kế để dễ dàng làm bung chốt.</li> <li>- Gồm hai neo 5mm chất liệu PEEK và nút chi số 0 buộc sẵn không tiêu UltraBraid chất liệu UHMW polyethelene</li> </ul>	Cái/ hộp	Cái	40
573	Vít chi neo đôi khâu chóp xoay khớp vai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: PLLA phủ HA tự tiêu</li> <li>- Kèm hai hoặc ba sợi chỉ</li> <li>- Kích thước: Các cỡ</li> <li>- Tiệt trùng</li> </ul>		Cái	30
574	Vít chi neo đôi, tự tiêu, khâu chóp xoay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp vai. Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khoá ở đầu gần chống bật neo.</li> <li>- Chất liệu PLLA - HA tự tiêu giúp tăng tốc độ liền xương, đã tiệt trùng</li> <li>- Kèm hai hoặc ba sợi chỉ Ultrabraid số 2</li> <li>- Đường kính 4,5mm, 5,5mm, 6,5mm tương ứng chiều dài 18.7mm, 19.2mm, 19.2mm</li> </ul>	Cái/ hộp	Cái	30
575	Vít chi neo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: PEEK - OPTIMA, đã tiệt trùng.</li> <li>- Sử dụng trong khâu hàng ngoài chóp xoay khớp vai. Tay vận giới hạn mô men xoắn, đảm bảo chốt bên trong khoá chỉ vào thân neo.</li> <li>- Thiết kế neo đóng với ren hình nanh mọc ngang</li> <li>- Kích thước neo: 4.5mm và 5.5mm tương ứng đường kính 5.8mm và 6.7mm.</li> <li>- Chiều dài bung tương ứng 20.4mm và 20.8mm</li> </ul>	Cái/ hộp	Cái	30
576	Vít chi tự tiêu khâu sụn viền đường kính 2.9mm có phủ HA, kèm 2 sợi chỉ Ultra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp</li> <li>- Vít được kết nối sẵn với tay đóng.</li> <li>- Chất liệu tự tiêu PLLA kết hợp HA, đã tiệt trùng</li> <li>- Kèm hai sợi chỉ siêu bền Ultrabraid số 2</li> <li>- Đường kính 2.9 mm. Đường kính ngoài 3.7 mm, dài 11.5mm</li> </ul>	Cái/ hộp	Cái	30
577	Vít cố định dây chằng chéo chất liệu sinh học tự tiêu phủ Ha, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: sinh học tự tiêu <math>\geq 73\%</math> poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với <math>\geq 23\%</math> Hydroxyapatite (HA)</li> <li>- Có vít ren ngược phù hợp với gối</li> <li>- Đường kính: 6mm - 11 mm.</li> <li>- Chiều dài: từ 20mm -35mm.</li> </ul>	-	Cái	70
578	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: vật liệu sinh học tự tiêu PLDLA</li> <li>- Thiết kế: Ren cùn</li> <li>- Đường kính: 6mm-&gt; 9 mm.</li> <li>- Chiều dài: 20mm-&gt; 30mm.</li> </ul>	-	Cái	70
579	Vít cố định dây chằng đường kính từ 7->11mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Peek</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính: 7 -&gt; 11 mm. Chiều dài: 20 -&gt; 35 mm.</li> <li>- Đặc tính: Sử dụng trong Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo khớp gối, neo và cố định một đầu dây chằng vào đầu đường hầm xương.</li> <li>- Thiết kế ren toàn thân, ren cùn giúp bảo vệ mảnh ghép gần</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO,CE</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	70
580	Vít cố định dây chằng HA, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo khớp gối.</li> <li>- Có vít ren ngược phù hợp với gối phải.</li> <li>- Đường kính: 6 -&gt; 11 mm tương ứng chiều dài: 20 -&gt; 35 mm.</li> <li>- Chất liệu sinh học tự tiêu gồm: poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với Hydroxyapatite (HA)</li> <li>- Tiệt trùng</li> </ul>	Cái/ hộp	Cái	70

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
581	Vít cột sống cổ đa trục lõi sau	- Vật liệu: Titanium - Kích thước: + Đường kính 3.5mm, chiều dài thuộc trong khoảng 8-40mm + Đường kính 4.0mm, chiều dài thuộc trong khoảng 8-52mm + Đường kính 4.5mm, chiều dài thuộc trong khoảng 8-50mm. - Vít cấu tạo tương thích với nẹp dọc đường kính 3.3mm. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	10
582	Vít cột sống cổ lõi trước, các cỡ, tương thích với nẹp cột sống cổ lõi trước 1, 2, 3 tầng	- Chất liệu: hợp kim titan - Vít sử dụng với nẹp cổ lõi trước - Thiết kế đơn trục hoặc đa trục, tự khoan hoặc tự taro - Góc bắt vít nghiêng trong 6 độ, nghiêng tương ứng theo trục đầu/chân 10 độ. - Đường kính 4.2mm hoặc 4.6mm, chiều dài vít 15mm và > 15mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	10
583	Vít cột sống lưng đa trục 2 loại ren	- Vật liệu: Titanium-Ti6Al4V - Đường kính: 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm, chiều dài thuộc trong khoảng 25mm-60mm. Phù với thanh dọc đường kính 5.5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	60
584	Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài 2 loại ren	- Vật liệu: Titanium - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. - Đường kính: 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm, - Chiều dài thuộc trong khoảng 25mm-60mm. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	20
585	Vít cột sống lưng đa trục hai bước khóa, các cỡ	- Vít chân cung đa trục, chất liệu hợp kim titan-Ti6Al4V. Phù hợp với thanh dọc đường kính 5.5mm - Đường kính vít 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm, 8.5mm, 9.0mm, 10.0mm, - Chiều dài các cỡ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	40
586	Vít cột sống lưng đơn trục 2 loại ren	- Vật liệu: Titanium-Ti6Al4V. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. - Đường kính: 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm, chiều dài thuộc trong khoảng 25mm-60mm. Phù với thanh dọc đường kính 5.5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	30
587	Vít cột sống lưng đơn trục đuôi dài 2 loại ren	- Vật liệu: Titanium. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. - Đường kính: 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm - Chiều dài: thuộc trong khoảng 20mm-60mm. - Tiêu chuẩn ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	30
588	Vít đa trục khóa đôi can thiệp tối thiểu qua da	- Vật liệu: Titanium/Cobalt chrome, đuôi siêu dài 120mm, dùng trong phẫu thuật can thiệp tối thiểu qua da (MIS). - Vít rỗng nóng, có 2 bước ren để cố định vào xương Kích thước: 5.0mm x 25-70mm; 5.5mm x 25-70mm; 6.0mm x 25-100mm; 6.5mm x 25-100mm; 7.0mm x 25-100mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	20
589	Vít khâu sụn chêm	- Sử dụng kỹ thuật All-Inside - Đầu kim được thiết kế cứng, sắc, có thước đo - Điểm vào nhỏ - Chất liệu: PEEK. Chi chất liệu UHMWPE		Cái	20
590	Vít khâu sụn chêm	- Chất liệu: Peek. Chi fiber suture chất liệu UHMWPE - Đặc tính: Sử dụng kỹ thuật All-Inside. Vít có 2 nút thắt peek cấy chi, được thiết kế để dễ dàng làm bung chốt bằng nút điều khiển. - Đầu kim được thiết kế cứng, sắc, có thước đo có khả năng xuyên sâu giúp điều khiển dễ dàng. - Điểm vào nhỏ làm tối thiểu hóa rách sụn chêm do đầu kim - Đạt tiêu chuẩn: ISO,CE	1 cái/hộp	Cái	20
591	Vít khóa (Ti) đường kính 2.7mm	- Đường kính ren 2.7mm. Mũ vít hình sao. - Chiều dài: + Từ 10mm đến 40mm, bước tăng 2mm; + Từ 40mm đến 60mm, bước tăng 5mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	5 Cái/ Gói	200
592	Vít khóa (Ti) đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm. Mũ vít hình sao. - Chiều dài: + Từ 10mm đến 50mm, bước tăng 2mm; + Từ 50mm đến 70mm, bước tăng 5mm - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	5 Cái/ Gói	200

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Dvt	Số lượng
593	Vít khóa (Ti) đường kính 5.0mm	- Đường kính ren 5.0mm. Mũ vít hình sao. - Chiều dài: + Từ 14mm đến 50mm, bước tăng 2mm; + Từ 50mm đến 110mm, bước tăng 5mm - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	5 Cái/ Gói	150
594	Vít khóa (Ti) tự taro đường kính 1.5mm	- Vít khóa tự taro đường kính 1.5mm. - Mũ vít hình sao. - Chiều dài: + Từ 6mm đến 16mm, bước tăng 1mm; + Từ 18mm đến 24mm, bước tăng 2mm. - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	5 Cái/ Gói	100
595	Vít khóa (Ti) tự taro đường kính 2.0mm	- Vít khóa tự taro đường kính 2.0mm - Mũ vít hình sao. - Chiều dài: từ 8mm đến 34mm, bước tăng 2mm. - Đạt chất lượng ISO13485; CE 2292 - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	5 Cái/ Gói	100
596	Vít khóa (Ti) tự taro đường kính 2.4mm	- Đường kính ren 2.4mm. Mũ vít hình sao. - Chiều dài từ 10mm đến 50mm, bước tăng 2mm - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	5 Cái/ Gói	150
597	Vít khóa 2.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6 -> 22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	2 cái/gói	Cái	100
598	Vít khóa 2.4mm các cỡ tự taro có ren khóa đôi	- Chất liệu Titanium - Vít đa hướng, đầu vít hình sao chống trượt tự taro, có ren khóa đôi - Đường kính 2.4mm, dài 08 -> 26mm với bước tăng 2mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi	-	Cái	250
599	Vít khóa 2.7 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, tương ứng chiều dài: 6 -> 60 mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	2 cái/gói	Cái	150
600	Vít khóa 2.9 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.9mm, tự taro, - Đầu vít hình sao chống tuôn - Sử dụng chung với đầu vặn vít tự giữ vít. - Dùng cho nẹp khóa 2.9mm - Dài từ 6 -> 14mm với bước tăng 2mm.	-	Cái	100
601	Vít khóa 3.5mm các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đầu vít chống trượt tự taro, có ren khóa đôi - Đường kính 3.5mm, dài các cỡ	-	Cái	100
602	Vít khóa 3.5mm các cỡ tự taro có ren khóa đôi, chất liệu Titanium.	- Chất liệu Titanium. - Đầu vít hình sao chống trượt tự taro, có ren khóa đôi - Đường kính 3.5mm, dài 10 -> 40mm với bước tăng 2mm, từ 40 -> 45mm với bước tăng 5mm, từ 45 -> 48mm với bước tăng 3mm, từ 48 -> 50mm với bước tăng 2mm và từ 50 -> 140mm với bước tăng 5mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi.	-	Cái	300
603	Vít khóa 3.5mm, tự tạo ren	- Chất liệu Titanium - Đường kính 3.5mm - Chiều dài 10mm - 95mm.	-	Cái	200
604	Vít khóa 4.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: + Đường kính 4.0mm, + Chiều dài: 12 -> 60mm. - Đặc tính: + Vít tự taro, đầu vít hình lục giác. + Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. + Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	2 cái/gói	Cái	200
605	Vít khóa 4.0 mm các cỡ	- Chiều dài 12mm - 60mm. toàn ren. - Đường kính 4.0mm. - Chất liệu: titanium.	-	Cái	200
606	Vít khóa 5.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm tương ứng chiều dài: 18 -> 90mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren, - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	2 cái/gói	Cái	200
607	Vít khóa 5.0mm các cỡ tự taro	- Chất liệu: Thép không gỉ/ Titanium - Đường kính 5.0mm, - Kích thước: 14mm-140mm	-	Cái	200

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
608	Vít khóa 5.0mm các cỡ tự taro có ren khóa đôi (double lead) chống vít bật ra khỏi nẹp, chất liệu Titanium.	- Chất liệu Titanium. - Đầu vít hình sao chống trượt tự taro, có ren khóa đôi chống vít bật ra khỏi nẹp. - Đường kính 5.0mm, dài 14 -> 50mm với bước tăng 2mm, và từ 50 -> 140mm với bước tăng 5mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi.		Cái	150
609	Vít khóa 5.0mm, tự tạo ren	- Chất liệu Titanium - Đường kính 5.0mm - Chiều dài 14mm - 90mm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO	-	Cái	250
610	Vít khóa 6.5 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 6.5mm, chiều dài: 30 ->110mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân vít rỗng toàn ren - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	100
611	Vít khóa 6.5mm các cỡ	- Đường kính 6.5mm - Chiều dài từ 30 mm - 110mm, toàn ren, thân vít rỗng. - Đường kính 6.5mm. - Chất liệu: Titanium.	1 cái/gói	Cái	100
612	Vít khóa 7.3 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 7.3mm, chiều dài: 60 -> 115mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân vít rỗng, đoạn ren ngắn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	50
613	Vít khóa 7.3mm các cỡ	- Chiều dài từ 60 - 115mm - Đường kính 7.3mm, thân vít rỗng. - Chất liệu: Titanium.	1 cái/gói	Cái	50
614	Vít khóa đa hướng 2.4/2.7mm, tự tạo ren	- Chất liệu Titanium - Vít 2.4mm: dài 8mm - 30 mm - Vít 2.7mm: dài 8mm - 60mm	-	Cái	200
615	Vít khóa đa hướng Titan 2.4 và 2.7mm đầu ngôi sao, tự tạo ren.	- Chất liệu Titanium. - Vít 2.4mm: dài 8->30mm, tăng 2mm. - Vít 2.7mm: dài 8->40mm tăng 2mm; 40->60mm tăng 5mm. - Đầu vạt hình sao, mũ vít có ren khóa đồng bộ với nẹp đơn và đa hướng, mũ vít tự taro. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	150
616	Vít khóa đa hướng titanium Alloy Grade 5 loại 2.5mm.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Đường kính thân vít 2.4 mm, đường kính đầu khóa vít 3.6mm, chiều dài đầu khóa vít 2.4 mm. - Chiều dài vít 8-34mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	150
617	Vít khóa động tự taro 2.4mm các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.4mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi, phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.0mm, phần đuôi vít đường kính 2.4mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn - Dài 08 -> 30mm với bước tăng 2mm		Cái	250
618	Vít khóa động tự taro 3.5mm các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi, phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm, phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn - Dài 10 ->50mm với bước tăng 2mm, từ 50 -> 80mm với bước tăng 5mm.		Cái	300
619	Vít khóa động tự taro 5.0 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 5.0mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi, phần gần đầu vít không có ren - Đường kính 3.5mm, phần đuôi vít đường kính 5.0mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn - Dài 12 ->50mm với bước tăng 2mm, từ 50 -> 80mm với bước tăng 5mm		Cái	250
620	Vít khóa động tự taro đường kính 2.4mm các cỡ	- Chất liệu: Titan/Titanium/ Ti6Al4V - Đường kính ren: 2.4mm, tự taro - Chiều dài: 8mm -> 50mm	-	Cái	150
621	Vít khóa động tự taro đường kính 3.5mm các cỡ	- Chất liệu Ti6Al4V/Titanium - Đường kính 3.5mm, tự taro - Kích thước: Dài 10mm->90mm	-	Cái	200
622	Vít khóa động tự taro đường kính 5.0 các cỡ	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 5.0mm, tự taro - Chiều dài 12mm->80mm		Cái	200
623	Vít khóa đường kính 2.5mm	- Vật liệu titanium. - Vít tự khóa, tự taro, đầu vít hình nón 2 độ. - Đường kính 2.5mm, dài 8mm->50mm. - Đóng gói tiết trùng	-	Cái	200
624	Vít khóa đường kính 2.7mm	- Chất liệu Titan, Ti6Al4V - Đường kính 2.7mm - Chiều dài các cỡ	10 Cái/ Gói	Cái	150

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Dvt	Số lượng	
625	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Vật liệu Titanium. - Vít tự khóa, tự taro, đầu vít hình nón 2 độ. - Đường kính 3.5mm, dài 10mm->90mm. - Đóng gói tiết trùng	-	Cái	300	
626	Vít khóa đường kính 5.0mm	- Vật liệu Titanium. - Vít tự khóa, tự taro, đầu vít hình nón 2 độ. - Đường kính 5.0mm, dài 12mm->110mm. - Đóng gói tiết trùng	-	Cái	400	
627	Vít khóa mini tự taro 1.5mm các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 1.5mm, tự taro, đầu vít chữ thập chống trượt - Dài từ 6 -> 16mm với bước tăng 1mm, từ 16->30mm với bước tăng 2mm		Cái	200	
628	Vít khóa mini tự taro 2.0mm các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.0mm, tự taro, đầu vít chữ thập chống trượt - Dài từ 6 -> 16mm với bước tăng 1mm, từ 16->30mm với bước tăng 2mm		Cái	200	
629	Vít khóa mini tự taro đường kính 1.5mm các cỡ	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 1.5mm, tự taro, đầu vít chữ thập chống trượt - Dài từ 6mm -> 30mm	-	Cái	100	
630	Vít khóa mini tự taro đường kính 2.0mm các cỡ	- Chất liệu Titan/Titanium - Chiều dài: 8mm -> 34mm - Vít khóa tự taro, - Đường kính 2.0		Cái	100	
631	Vít khóa Titan 2.4 và 2.7mm đầu ngôi sao, tự tạo ren.	- Chất liệu Titanium. - Vít 2.4mm: dài 8->30mm, tăng 2mm. - Vít 2.7mm: dài 6->30mm, tăng 2mm; 30->60mm, tăng 5mm. - Đầu vận hình sao, mũ vít có ren khóa đồng bộ với nẹp, mũ vít tự taro. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	200	
632	Vít khóa Titan 3.5mm đầu ngôi sao, tự tạo ren.	- Chất liệu Titanium. - Đường kính 3.5mm, dài 10->40mm, tăng 2mm; 40->95mm, tăng 5mm. - Đầu vận hình sao, mũ vít có ren khóa đồng bộ với nẹp, mũ vít tự taro. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	300	
633	Vít khóa Titan 5.0mm đầu ngôi sao, tự tạo ren.	- Chất liệu Titanium. - Đường kính 5.0mm, dài 14->50mm, tăng 2mm; 50->90mm, tăng 5mm. - Đầu vận hình sao, mũ vít có ren khóa đồng bộ với nẹp, mũ vít tự taro. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	300	
634	Vít khoá titanium Alloy Grade 5 loại 2.7mm, tự taro.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Đường kính thân vít 2.7 mm, đường kính đầu khóa vít 3.6 mm, đường kính đầu bắt vít 2.1mm. - Chiều dài: 8-60mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	200	
635	Vít khoá titanium Alloy Grade 5 loại 3.5 mm, tự taro.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Đường kính thân vít 3.5 mm, đường kính đầu khóa vít 5.0 mm, đường kính đầu bắt vít 3.3 mm. - Chiều dài: 10-90mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	300	
636	Vít khoá titanium Alloy Grade 5 loại 5.0 mm, tự taro.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Đường kính thân vít 5.0 mm, đường kính đầu khóa vít 6.6mm, đường kính đầu bắt vít 4.4 mm. - Chiều dài: 14-100mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	250	
637	Vít khoá titanium Alloy Grade 5 loại 6.5 mm, tự taro.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Đường kính thân vít 6.5 mm, đường kính đầu khóa vít 8.0 mm, đường kính đầu bắt vít 4.5 mm. - Chiều dài: 50-120 mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	200	
638	Vít khóa tự taro đường kính 1.5mm	- Chất liệu Titan, Ti6Al4V - Vít khóa tự taro đường kính 1.5mm - Chiều dài các cỡ	10 Cái/ Gói	Cái	100	
639	Vít khóa tự taro đường kính 2.0mm	- Chất liệu Titan, Ti6Al4V - Vít khóa tự taro đường kính 2.0mm - Chiều dài: 8mm -> 34mm	10 Cái/ Gói	Cái	150	
640	Vít khóa tự taro đường kính 2.4mm	- Chất liệu Titan, Ti6Al4V - Đường kính 2.4mm - Chiều dài 10mm -> 50mm	10 Cái/ Gói	Cái	150	
641	Vít khóa xốp (Ti) đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm. Mũ vít hình sao. - Ren toàn phần - Chiều dài: + Từ 14mm đến 50mm, bước tăng 2mm; + Từ 50mm đến 70mm, bước tăng 5mm - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.		Cái	5 Cái/ Gói	200
642	Vít khóa xốp (Ti) đường kính 5.0mm	- Đường kính ren 5.0mm. Mũ vít hình sao. - Ren toàn phần - Chiều dài từ 30mm đến 120mm, bước tăng 5mm - Chất liệu hợp kim Titan. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.		Cái	5 Cái/ Gói	100

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
643	Vít khóa xoắn đường kính 3.5mm	- Chất liệu Titan, Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm - Chiều dài các cỡ	10 Cái/ Gói	Cái	150
644	Vít khóa xoắn đường kính 5.0mm	- Chất liệu Titan, Ti6Al4V - Đường kính 5.0mm - Chiều dài 30mm -> 120mm	10 Cái/ Gói	Cái	100
645	Vít mini 2.0mm	- Chất liệu Titanium, mũi vít tự tạo ren, đường kính 2.0mm - Đầu gài chữ thập, chiều dài 8mm-28mm - Đầu gài ngôi sao, chiều dài 6mm-30mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	-	Cái	100
646	Vít nén ép Titan 2.4 và 2.7mm, đầu ngôi sao tự tạo ren.	- Chất liệu Titanium. - Vít 2.4mm: dài 8->30mm, tăng 2mm. - Vít 2.7mm: dài 6->30mm, tăng 2mm. - Đầu vận hình sao, mũi vít tự tạo. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	-	Cái	200
647	Vít nén ép Titan 3.5mm, đầu ngôi sao tự tạo ren.	- Chất liệu Titanium. - Đường kính 3.5mm, dài 10->50mm, tăng 2mm; 50->70mm, tăng 5mm. - Đầu vận ngôi sao, mũi vít tự tạo. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA 510k	-	Cái	200
648	Vít nén ép Titan 4.5mm, đầu ngôi sao tự tạo ren.	- Chất liệu Titanium. - Đường kính 4.5mm, dài 14->70mm, tăng 2mm. - Đầu vận ngôi sao, mũi vít tự tạo. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA 510k	-	Cái	200
649	Vít neo cố định dây chằng các cỡ	- Chất liệu: Chốt làm bằng titanium, vòng treo bằng chỉ UHMWPE - Kích cỡ: Chiều dài chốt: 12mm. Chiều dài vòng treo gắn: 10-> 60 mm. - Thiết kế: 4 lỗ, 2 lỗ giữa cố định cho vòng treo, 2 dây kéo và giạt cân đối nhau 2 bên, - Lực kéo ra 1800 Newton - Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE	1 cái/hộp	Cái	50
650	Vít neo cố định dây chằng chéo	- Chốt loại: 4 lỗ, Chiều dài chốt: ≥ 10mm - Chiều dài vòng treo gắn: từ 10mm - 35 mm - Chất liệu: Chốt là Titanium/Cobalt Chrome. - Vòng treo gắn được tạo bởi vật liệu Polyester hoặc tương đương - Đường kính ≥ 5mm	-	Cái	50
651	Vít neo cố định dây chằng chéo tự điều chỉnh độ dài dây treo.	- Chất liệu: + Nút treo: Ti-6Al-4V ELI, + Vòng treo điều chỉnh: Chỉ chất liệu cao phân tử siêu bền (UHMWPE) dài 121.92mm +15%/-5%, + Dây kéo: Chỉ chất liệu cao phân tử siêu bền (UHMWPE) dài 91.44mm +15%/-5% - Có thể điều chỉnh độ dài ngắn từ 15mm đến 60mm. - Cơ chế khóa 3 điểm - Độ bền kéo cao lên đến 1300N. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide - Cung cấp kèm Bộ dụng cụ bắt chốt neo cố định dây chằng chéo tự điều chỉnh <u>chiều dài tương thích và các dụng cụ hỗ trợ khác khi sử dụng</u>	Cái/hộp	Cái	30
652	Vít neo cố định dây chằng chéo	- Nút treo: Ti-6Al-4V - Chỉ kéo và vòng treo: Chỉ chất liệu cao phân tử siêu bền (UHMWPE) - Chiều dài vòng treo gồm 15mm - 30mm - Kiểm soát mảnh ghép bằng 2 sợi chỉ chất liệu cao phân tử siêu bền. - Cung cấp kèm Bộ dụng cụ bắt chốt neo cố định dây chằng chéo tương thích và <u>các dụng cụ hỗ trợ khác khi sử dụng</u>	-	Cái	30
653	Vít neo cố định dây chằng chéo tự điều chỉnh độ dài dây treo	- Nút treo: Ti-6Al-4V - Vòng treo điều chỉnh: Chỉ chất liệu cao phân tử siêu bền (UHMWPE) - Dây kéo: Chỉ chất liệu cao phân tử siêu bền (UHMWPE) - Cơ chế khóa 3 điểm giúp dễ bắt và giảm biến dạng từ biến - Cung cấp kèm Bộ dụng cụ bắt chốt neo cố định dây chằng chéo tự điều chỉnh <u>chiều dài tương thích và các dụng cụ hỗ trợ khác khi sử dụng</u>	-	Cái	30
654	Vít neo cố định dây chằng tự điều chỉnh	- Dùng cho nội soi tái tạo dây chằng - Nẹp bằng titanium, 4 lỗ có vòng treo - Cơ chế một chiều, vòng treo chỉ thắt lại, không nới được	-	Cái	30
655	Vít neo cố định dây chằng tự điều chỉnh kích cỡ vòng treo số 6	- Chất liệu: Titanium, vòng treo chỉ UHMWPE. - Kích cỡ : 4 lỗ có vòng treo UHMWPE UPS số 6 fiber suture - Đặc tính: Dùng cho nội soi tái tạo dây chằng có thể sử dụng trong kỹ thuật All inside - Lực kéo lên đến 1840,00 Newton, Cơ chế một chiều, vòng treo chỉ thắt lại, không nới được. Có hai sợi chỉ riêng biệt dùng lật và kéo - Tiêu chuẩn: ISO, CE	1 cái/hộp	Cái	50
656	Vít neo cố định dây chằng tự điều chỉnh kích cỡ vòng treo số 7	- Chất liệu: Bằng titanium, vòng treo chỉ UHMWPE. - Kích cỡ : 4 lỗ có vòng treo UHMWPE UPS số 7 fiber suture - Đặc tính: Dùng cho nội soi tái tạo dây chằng có thể sử dụng trong kỹ thuật All inside - Lực kéo 1843,76 Newton, Cơ chế một chiều, vòng treo chỉ thắt lại, không nới được. Có hai sợi chỉ riêng biệt dùng lật và kéo - Tiêu chuẩn: ISO, CE	1 cái/hộp	Cái	70

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
657	Vít neo cố định dây chằng, điều chỉnh được độ dài.	- Kích thước vít: dài $\geq 10$ mm, rộng $\geq 4$ mm, dày 2mm; 8 lỗ - Chất liệu chốt: Titanium/Peek/CoCr - Chất liệu vòng treo: UHMWPE/Peek/CoCr - Điều chỉnh được chiều dài vòng treo từ 10mm $\rightarrow$ 105 mm - Đường kính chỉ vòng loop: $\geq 1.5$ mm - Cơ chế khoá bên trong - Vòng treo có bao bảo vệ gân. - Có vòng chỉ thắt giúp thắt chỉ bằng một tay. - Dùng 1 sợi chỉ Polyester	-	Cái	70
658	Vít neo khâu chóp xoay khớp vai loại kèm 02 sợi chỉ, đường kính 5.5 mm	- Chất liệu: PeeK, đã tiệt trùng. - Kèm 02 sợi chỉ UHMWPE kết nối trong sẵn tay đóng. - Kích cỡ: Đường kính: 5.5 mm - Đặc tính: Vít neo dễ dàng đóng với thiết kế mạnh mẽ ở đầu gân và thiết kế ren kép. Trục vít thiết kế rỗng - Sử dụng trong phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay khớp vai, khâu dây chằng bên khớp gối. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	1 cái/hộp	Cái	30
659	Vít neo không buộc chỉ	- Vít neo không buộc chỉ, vít 2.9mm, thân cán dài 6.3". - Thiết kế chốt bên trong khóa chỉ. - Chất liệu PEEK.	Cái/ hộp	cái	30
660	Vít neo không buộc chỉ có chốt bên trong khóa chỉ	- Chất liệu PEEK/titan/cocr - Vít neo không buộc chỉ đường kính 2.9mm, thân cán dài $\geq 6.3$ "		Cái	20
661	Vít neo khớp vai chất liệu UHMWPE	- Chất liệu: 100% UHMWPE, đã tiệt trùng - Kích cỡ: Đường kính 1.8mm và 3.0mm - Đặc tính: Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai. - Vít được kết nối sẵn với tay đóng. Kèm một sợi chỉ - Tiêu chuẩn: ISO, CE	1 cái/hộp	Cái	30
662	Vít neo khớp vai đường kính 2.9mm kèm hai sợi chỉ	- Chất liệu: Chất liệu tự tiêu PEEK, kèm chỉ siêu bền UHMWPE, đã tiệt trùng - Kích cỡ: Đường kính 2.9 mm - Đặc tính: Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp - Trục vít thiết kế rỗng - Vít neo được kết nối sẵn với tay đóng - Tiêu chuẩn: ISO, CE	1 cái/hộp	Cái	20
663	Vít neo khớp vai đường kính 3.5mm và c 4.5mm	- Chất liệu: tự tiêu PEEK đã tiệt trùng - Kích cỡ: Đường kính, 3.5mm hoặc 4.5mm - Đặc tính: Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp - Trục vít thiết kế rỗng. Vít neo được kết nối sẵn với tay đóng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	1 cái/hộp	Cái	10
664	Vít neo khớp vai đường kính 3.5mm và 4.5mm kèm hai sợi chỉ	- Chất liệu: tự tiêu PEEK đã tiệt trùng - Kích cỡ: Đường kính 3.5mm hoặc 4.5mm - Đặc tính: Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp - Trục vít thiết kế rỗng. Vít neo được kết nối sẵn với tay đóng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	1 cái/hộp	Cái	10
665	Vít neo khớp vai đường kính 4.5mm	- Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp. - Đường kính 4.5mm - Trục vít thiết kế rỗng - Vít neo được kết nối sẵn với tay đóng, không cần buộc chỉ - Chất liệu tự tiêu PEEK, kèm chỉ siêu bền UHMWPE - Tiệt trùng	-	Cái	10
666	Vít neo khớp vai đường kính từ 2.0mm-3.0mm	- Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp. - Đường kính 2.0mm -3.0mm. - Vít neo có ren kép - Trục vít rỗng. - Vít neo được kết nối sẵn với tay đóng - Chất liệu vít neo: Polyethylene, có chỉ khâu, kèm chỉ siêu bền UHMWPE - Tiệt trùng.	-	Cái	10
667	Vít neo khớp vai tự tiêu, đường kính 2.9mm chất liệu PLLA phủ Ha, kèm 2 sợi chỉ Ultra	- Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp - Vít được kết nối sẵn với tay đóng. - Chất liệu tự tiêu PLLA kết hợp HA, đã tiệt trùng - Kèm hai sợi chỉ siêu bền, Đường kính 2.9 mm. - Kích thước ngoài 3.7 x 11.5mm		Cái	20
668	Vít neo ngang cố định dây chằng điều chỉnh được độ dài	- Kích thước: dài $\geq 12$ mm, rộng $\geq 4$ mm, dày 2mm; 8 lỗ - Chất liệu chốt: titanium/Peek/CoCr - Chất liệu vòng treo: UHMWPE/Peek/CoCr - Điều chỉnh được chiều dài vòng treo từ 10 $\rightarrow$ 105 mm - Đường kính chỉ vòng loop: $\geq 1.5$ mm - Dùng 1 sợi chỉ polyester - Cơ chế khoá bên trong, giúp tối đa gân trong đường hầm và tối thiểu lực siết vòng treo. - Vòng treo có bao bảo vệ gân. - Có vòng chỉ thắt giúp thắt chỉ bằng một tay - Sức căng tối đa $>1500$ N, độ di lệch $< 2$ mm - Tiệt trùng	Cái/ hộp	Cái	50
669	Vít neo tự tiêu khâu chóp xoay	- Dùng trong phẫu thuật Rotator Cuff và dây chằng bên. - Thiết kế rỗng, ren toàn thân. - Chất liệu PLLDLA kèm chỉ siêu bền UHMWPE. - Kích thước 5.5 mm	-	Cái	20



STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
670	Vít neo tự tiêu khâu chóp xoay đường kính 5.5mm	- Chất liệu: PLDLA kèm chỉ siêu bền UHMWPE. - Kích cỡ: 5.5 mm - Đặc tính: Dùng trong phẫu thuật Rotator Cuff và dây chằng bền. - Thiết kế rỗng, ren toàn thân. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	1 cái/hộp	Cái	20
671	Vít rỗng nén ép Titan không đầu.	* Chất liệu Titanium (có dẫn hướng). - Vít 2.5mm: Dài 8->30mm, tăng 1-2mm. - Vít 3.5mm: Dài 16->40mm, tăng 2mm. - Vít 4.0mm: Dài 16->40mm, tăng 2mm, 40->50mm, tăng 5mm. - Thân vít rỗng, đầu vận hình sao, mũi tự khoan, tự taro. * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE...		Cái	30
672	Vít rỗng Titan 7.0mm, dùng cho nẹp khóa.	- Chất liệu Titanium. - Vít khóa 7.0mm, dài 65->110mm, tăng 5mm, thân toàn ren. - Vít nén ép 7.0mm dài 65->110mm, tăng 5mm, thân bán phần ren. - Thân rỗng, đầu vận lục giác, mũi vít tự khoan, tự taro. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k		Cái	50
673	Vít rỗng Titan nén ép không đầu	- Vít rỗng nòng chất liệu Titanium, (kèm kim dẫn hướng), mũi vít tự khoan, tự taro - Đường kính 2.5mm ->4.0mm, dài 8->40mm	-	Cái	10
674	Vít rỗng tự nén ép 2.8mm các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Đường kính 2.8mm. - Thiết kế vít không đầu. Sử dụng cho nhiều vị trí ở gãy khác nhau. - Có 3 bước ren khác nhau trên thân vít, tự nén ép ở gãy. - Vít được bắt chìm trong xương. - Dài 08->14mm với bước tăng 1mm, từ 14->30mm với bước tăng 2mm.		Cái	10
675	Vít rỗng tự nén ép 3.6mm các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Đường kính 3.6mm. - Thiết kế vít không đầu. Sử dụng cho nhiều vị trí ở gãy khác nhau. - Có 3 bước ren khác nhau trên thân vít, tự nén ép ở gãy. - Vít được bắt chìm trong xương. - Dài 16 -> 50mm với bước tăng 2mm, từ 50 ->60mm với bước tăng 5mm.		Cái	10
676	Vít rỗng tự nén ép 4.1mm các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Đường kính 4.1mm. - Thiết kế vít không đầu. Sử dụng cho nhiều vị trí ở gãy khác nhau. - Có 3 bước ren khác nhau trên thân vít, tự nén ép ở gãy. - Vít được bắt chìm trong xương. - Dài 16 ->50mm với bước tăng 2mm, từ 50-75mm với bước tăng 5mm.		Cái	10
677	Vít rỗng tự nén ép 5.5mm các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Đường kính 5.5mm. - Thiết kế vít không đầu. Sử dụng cho nhiều vị trí ở gãy khác nhau. - Có 3 bước ren khác nhau trên thân vít, tự nén ép ở gãy. - Vít được bắt chìm trong xương. - Dài 25->90mm với bước tăng 5mm.		Cái	10
678	Vít sọ tự khoan, tự taro	- Chất liệu: Titanium - Vít và sọ đường kính 1.6mm, chiều dài vít 5-8mm, tự khoan, tự taro; Đuôi vít chữ thập, 4 cạnh. - Đồng bộ với Miếng và sọ cùng danh mục - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	100
679	Vít trượt cột sống lưng đa trục cơ chế khóa kép, các cỡ	- Chất liệu hợp kim titanium-Ti6Al4V - Vít trượt cổ cao đa trục - Kích cỡ: + Đường kính 5.5mm, chiều dài thuộc trong khoảng 30mm-55mm + Đường kính 6.5mm, chiều dài thuộc trong khoảng 30mm-65mm + Đường kính 7.5mm, chiều dài thuộc trong khoảng 30mm-90mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	20
680	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo khớp gối các cỡ	- Vít tự tiêu sử dụng trong phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo khớp gối, cố định dây chằng vào đầu đường hầm xương chày hoặc xương đùi - Chất liệu: PLGA kết hợp $\beta$ -TCP - Đường kính: 7mm -> 11mm - Chiều dài: 20mm -> 33mm - Cung cấp kèm bộ dụng cụ bắt vít tự tiêu tương thích và các dụng cụ hỗ trợ khi sử dụng	-	Cái	30
681	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo, loại đầu phẳng	- Chất liệu: Vật liệu sinh học tự tiêu PLDLA (Poly-L70/30 L-Lactide/DL-Lactic Acide). - Kích cỡ: + Đường kính: 6 -> 11 mm. + Chiều dài: 25mm, 30 mm. - Đặc tính: Sử dụng trong Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo khớp gối - Thiết kế: Ren cùn, đường kính rỗng giữa 1.5mm không gây tổn thương cho dây chằng - Tiêu chuẩn: ISO,CE	1 cái/hộp	Cái	50

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
682	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo, loại đầu tròn	- Chất liệu: Vật liệu sinh học tự tiêu PLDLA (Poly-L70/30 L-Lactide/DL-Lactic Acide). - Kích cỡ: + Đường kính: 6, 7, 8, 9 mm. + Chiều dài: 20, 25, mm. - Đặc tính: Sử dụng trong Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo khớp gối - Thiết kế: Ren cùn, đường kính rỗng giữa 1.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO,CE	1 cái/hộp	Cái	50
683	Vít tự tiêu tự gia cường cố định dây chằng cho vai, khuỷu và cổ chân, bàn tay, ... các cỡ	- Vít tự tiêu sinh học sử dụng trong phẫu thuật nội soi khớp vai, khuỷu tay, mắt cá, bàn tay, bàn chân, ...: - Chất liệu sinh học tự tiêu hoàn toàn PLGA kết hợp $\beta$ -TCP - Công nghệ tự khóa giãn nở đường kính vít từ 1-2% sau khi cố định - Tăng cường khả năng hàn mô và tái tạo xương với $\beta$ -TCP - Thiết kế bảo tồn mô, rỗng nông. - Đường kính x Chiều dài: 4x(10,15,20), 5x(10,15,20), 6x(15,20,26) mm - Cung cấp kèm bộ dụng cụ bắt vít tự tiêu tương thích và các dụng cụ hỗ trợ khi sử dụng	Cái/hộp	Cái	20
684	Vít tự tiêu tự gia cường cố định dây chằng chéo khớp gối các cỡ	- Chất liệu sinh học tự tiêu hoàn toàn PLGA kết hợp $\beta$ -TCP - Lực kéo nhỏ của vít đường kính 11 x 30mm lên đến 800N ngay khi cố định và duy trì hơn 700N trong 20 tuần sau khi bắt. - Công nghệ tự khóa giãn nở đường kính vít từ 1-2% sau khi cố định - Tăng cường khả năng hàn mô và tái tạo xương với $\beta$ -TCP có kích thước hạt TCP đã được tối ưu hóa - Thiết kế bảo tồn mô, rỗng nông. - Đường kính: 7->11mm tương ứng chiều dài: 20mm -> 33mm - Cung cấp kèm bộ dụng cụ bắt vít tự tiêu tương thích và các dụng cụ hỗ trợ khi sử dụng	Cái/hộp	Cái	30
685	Vít vò (titanium) 2.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6 -> 22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	2 cái/gói	Cái	50
686	Vít vò 2.7 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6 -> 30mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	2 cái/gói	Cái	100
687	Vít vò 2.9 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.9mm, tự taro, - Đầu vít hình sao chống tuôn - Sử dụng chung với đầu vặn vít giữ vít để giảm hiện tượng trượt vít. - Dùng cho nẹp khóa 2.9mm - Dài từ 10 -> 12mm với bước tăng 2mm.	-	Cái	50
688	Vít vò 3.5mm các cỡ tự taro có ren khóa đôi (double lead) chống vít bật ra khỏi nẹp, chất liệu Titanium.	- Chất liệu Titanium. - Đầu vít chống trượt tự taro, có ren khóa đôi - Đường kính 3.5mm, dài 10-40mm với bước tăng 2mm, và từ 40-110mm với bước tăng 5mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi.	-	Cái	200
689	Vít vò 3.5mm chất liệu thép không gỉ/ titanium	- Chất liệu: Thép không gỉ/ Titanium - Đường kính 3.5mm, - Kích thước: 10mm->120mm	-	Cái	150
690	Vít vò 4.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12 -> 60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	2 cái/gói	Cái	150
691	Vít vò 4.5mm các cỡ tự taro	- Chất liệu: Thép không gỉ/ Titanium - Đường kính 4.5mm, - Kích thước: 14mm ->140mm	-	Cái	150
692	Vít vò 4.5mm các cỡ tự taro có ren khóa đôi (double lead) chống vít bật ra khỏi nẹp, chất liệu Titanium.	- Chất liệu Titanium. - Đầu vít chống trượt tự taro, có ren khóa đôi. - Đường kính 4.5mm, dài 14-60mm với bước tăng 2mm, và từ 60-68mm với bước tăng 4mm, từ 68-72mm với bước tăng 2mm, từ 72-80mm với bước tăng 4mm, từ 80-140mm với bước tăng 5mm - Có kèm hình ảnh mô tả ren khóa đôi (double lead)	-	Cái	100
693	Vít vò 5.0 các cỡ	- Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18 mm -> 90mm - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	2 cái/gói	Cái	100
694	Vít vò 5.0 mm các cỡ	- Chiều dài 18 mm - 90mm, toàn ren. - Đường kính 5.0mm - Chất liệu: Titanium.	2 cái/gói	Cái	100

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
695	Vít vô động tự taro 3.5mm các cỡ	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi, phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm, phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn, cải thiện chữa lành vết gãy được cố định bằng nẹp. - Kích thích sự phát triển của mô can xương. - Dài 12-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-55mm với bước tăng 5mm		Cái	200
696	Vít vô động tự taro 4.5mm các cỡ	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 4.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi, phần gần đầu vít không có ren đường kính 3.5mm, phần đuôi vít đường kính 4.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn, cải thiện chữa lành vết gãy được cố định bằng nẹp. - Kích thích sự phát triển của mô can xương. - Dài 14-54mm với bước tăng 2mm, từ 54 -> 56mm với bước tăng 1mm, từ 56 -> 60mm với bước tăng 2mm		Cái	200
697	Vít vô mini 2.0mm các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.0mm, tự taro, đầu gai chữ thập chống trượt - Dài từ 6-16mm với bước tăng 1mm, từ 16-30mm với bước tăng 2mm		Cái	100
698	Vít vôtitanium Alloy Grade 5 loại 2.5 mm.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Đường kính thân vít 2.5 mm, đường kính đầu bắt vít 2.3mm, chiều dài đầu vít 2.4 mm. - Chiều dài: 10-34mm. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	200
699	Vít vôtitanium Alloy Grade 5 loại 3.5 mm.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Đường kính thân vít 3.5 mm, đường kính đầu vít 6.2mm, đường kính đầu bắt vít 3.0 mm. - Chiều dài: 10-50mm. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	200
700	Vít vôtitanium Alloy Grade 5 loại 4.5 mm.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Đường kính thân vít 4.5 mm, đường kính đầu vít 8.0 mm, đường kính đầu bắt vít 4.5 mm. - Chiều dài: 16-60mm. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc		Cái	200
701	Vít vô tự taro 2.4 các cỡ	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.4mm, tự taro, thân toàn ren - Đầu vít hình sao chống tuôn, cải thiện chữa lành vết gãy được cố định bằng nẹp. - Kích thích sự phát triển của mô can xương. - Dài 8-30mm với bước tăng 2mm		Cái	200
702	Vít vô xương	- Chất liệu Titanium/thép không gỉ - Vít đường kính 2.7mm -> 3.5mm, chiều dài các cỡ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	-	Cái	250
703	Vít vô xương 3.5mm	- Chất liệu thép không gỉ - Đường kính 3.5mm, chiều dài 12mm-50mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	-	Cái	200
704	Vít vô xương 4.5mm	- Chất liệu thép không gỉ - Đường kính 4.5mm, chiều dài 20mm-60mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	-	Cái	200
705	Vít xoắn 4.0mm tự taro các cỡ	- Chất liệu Titanium Ti6Al4V - Đường kính 4.0mm, tự taro - Đầu vít hình sao chống tuôn, cải thiện chữa lành vết gãy được cố định bằng nẹp. - Kích thích sự phát triển của mô can xương. - Dài 30-54mm với bước tăng 2mm, từ 54-56mm với bước tăng 1mm, từ 56-60mm với bước tăng 2mm, từ 60-80mm với bước tăng 5mm		Cái	150
706	Vít xoắn 6.5mm tự taro các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu: Titanium Ti6Al4V - Đường kính 6.5mm, tự taro - Đầu vít hình sao chống tuôn, cải thiện chữa lành vết gãy được cố định bằng nẹp. - Kích thích sự phát triển của mô can xương. - Dài 50-54mm với bước tăng 2mm, từ 54-56mm với bước tăng 1mm, từ 56-60mm với bước tăng 2mm, từ 60-80mm với bước tăng 5mm		Cái	100
707	Vít xoắn đường kính 4.0 mm tự taro các cỡ	- Chất liệu Ti6Al4V/Titanium - Đường kính 4.0mm, tự taro - Kích thước: Dài 30mm->90mm	-	Cái	100
708	Vít xoắn rỗng 4.5 các cỡ	- Chất liệu: thép y khoa/thép không gỉ - Kích cỡ: + Đường kính 4.5mm, + Chiều dài: 16mm -> 34mm. - Đặc tính: Thân vít rỗng, đầu vít hình lục giác, dùng tuốc nơ vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	100

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
709	Vít xỏ rỗng 7.3 các cỡ	- Chất liệu: thép y khoa/thép không rỉ - Kích cỡ: + Đường kính 7.3mm, + Chiều dài: 60mm -> 115mm. - Đặc tính: thân vít rỗng, thân không toàn ren, chỉ có 1 đoạn ren tại mũi vít; kèm loong đên đệm, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 cái/gói	Cái	100
710	Vít xỏ rỗng Titan bán phần ren.	- Chất liệu Titanium (kèm vòng đệm). + Vít 3.5mm: Dài 20->50mm, tăng 5mm. + Vít 4.0mm: Dài 20->50mm, tăng 5mm. + Vít 4.5mm: Dài 30->70mm, tăng 5mm. + Vít 7.3mm: Dài 50->110mm, tăng 5mm. - Thân vít rỗng có 1 phần ren, đầu vặn lục giác, mũi vít tự khoan, tự taro. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE.		Bộ	100
711	Vít xương cứng (Ti) đường kính 3.5 mm	- Chất liệu hợp kim Titan. - Đường kính ren 3.5mm; - Chiều dài từ 10mm đến 40mm bước tăng 2mm; - Chiều dài từ 40mm-70mm bước tăng 5mm. - Mũi vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.	Cái	5 Cái/ Gói	150
712	Vít xương cứng (Ti) đường kính 4.5mm	- Chất liệu hợp kim Titan - Đường kính ren 4.5mm; - Chiều dài: + Từ 14mm-60mm bước tăng 2mm, + Từ 60mm-110mm bước tăng 5mm. - Mũi vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.	Cái	5 Cái/ Gói	150
713	Vít xương cứng 2.4/2.7mm dùng cho nẹp khóa	- Chất liệu Titanium - Đường kính 2.4mm, chiều dài 8mm-30mm - Đường kính 2.7mm, chiều dài 6mm-30mm	-	Cái	150
714	Vít xương cứng đường kính 3.5 mm	- Chất liệu Titan Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, dài các cỡ	10 Cái/ Gói	Cái	200
715	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	- Chất liệu Titan Ti6Al4V - Đường kính 4.5mm, dài các cỡ	10 Cái/ Gói	Cái	200
716	Vít xương cứng đường kính 4.5mm tự tạo ren	- Chất liệu Titanium. - Mũi vít tự taro. - Đường kính: 3.5mm, dài các cỡ.	-	Cái	200
717	Vít xương xỏ 4.0mm	- Chất liệu thép không gỉ, đường kính 4.0mm: - Vít xỏ toàn ren chiều dài 10mm-60mm - Vít xỏ 1 phần ren chiều dài 20mm-60mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	-	Cái	100
718	Vít xương xỏ 4.0mm dùng cho nẹp khóa.	- Chất liệu Titanium - Đường kính 4.0mm - Vít toàn ren dài 10mm - 60 mm - Vít bán phần ren dài 20mm - 60mm	-	Cái	100
719	Vít xương xỏ 6.5mm dùng cho nẹp khóa.	- Chất liệu: Titanium - Đường kính 6.5mm - Vít toàn ren dài 30mm - 90 mm - Vít ren 16/32mm, dài 30mm - 120mm	-	Cái	100
720	Vít xương xỏ đường kính 4.0mm	- Chất liệu: hợp kim Titan. - Đường kính ren 4.0mm; - Vít dài : + Dài từ 14-20mm, tương ứng bước ren dài 6mm; + Dài từ 22-24mm, tương ứng bước ren dài 8mm; + Dài từ 26, tương ứng bước ren dài 10mm; + Dài 28mm tương ứng chiều dài bước ren 12mm; + Dài từ 30-38mm tương ứng bước ren dài 14mm; + Dài từ 40-70mm tương ứng bước ren dài 16mm. - Mũi vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu		Cái	100
721	Vít xương xỏ đường kính 5.0mm	- Vật liệu: Titanium. - Có 2 loại: vít ren toàn phần, vít ren bán phần - Chiều dài: 10mm->60mm - Đường kính: 5.0mm		Cái	100
722	Vít xương xỏ đường kính 6.5mm, ren 32mm	- Chất liệu: hợp kim Titan. - Đường kính ren 6.5mm; ren dài 32mm; - Dài từ 45mm đến 120mm, mỗi cỡ tăng 5mm; - Mũi vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu		Cái	100
723	Vít xương xỏ Titan 4.0mm đầu ngôi sao.	- Chất liệu: Titanium. - Vít toàn ren dài 10 -> 60mm, tăng 2mm. - Vít bán phần ren dài 20 -> 70mm, tăng 5mm. - Đường kính 4.0mm, đầu vặn hình sao. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA 510k		Cái	100

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
724	Vít xương xỏ Titan 6.5mm đầu ngôi sao.	- Chất liệu Titanium. - Vít toàn ren dài 30 -> 90mm, tăng 5mm. - Vít ren 16/32mm, dài 30 -> 120mm, tăng 5mm. - Đường kính 6.5mm, đầu vận hình sao. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA 510k		Cái	100
725	Vòng van 2 lá hoặc 3 lá loại mềm	- Vòng sửa van nhân tạo loại mềm - Chất liệu: Polyester - Kích thước: 23mm->35mm	Hộp/1 cái	Cái	2
726	Vòng van ba lá 3D	- Vòng van 3 lá mềm dẻo. Vòng khâu silicone, được bao phủ bởi lớp vải polyester. - Lõi titanium. - Hình dạng lượn sóng 3D, thiết kế mở. - Viên khâu riêng biệt thuận lợi cho việc đặt chỉ khâu và tiết diện viên khâu nhỏ giúp giảm lực xuyên kim và lực trượt trong quá trình khâu vòng van - Cỡ 24mm-36mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái/ Hộp	Cái	20
727	Vòng van ba lá hờ loại bán cứng	- Vòng được tăng cứng bằng lõi hợp kim và được phủ vải polyester bền. - Có marker - Có hệ thống giá đỡ vòng van - Kích cỡ: 26mm -> 36mm	Hộp/1 cái	Cái	2
728	Vòng van 2 lá hình yên ngựa, lõi cứng phần trước, mềm phần sau, cỡ 24-40mm	- Lõi van bằng nhiều tấm cobalt-chromium ghép lại giúp cứng ở phần trước. Thiết kế hình yên ngựa. Vòng khâu silicone, được bao phủ bởi lớp vải polyester. - Có 3 vị trí giúp định vị vòng van. - Dễ tháo tay cầm ra chỉ với 1 chỗ cắt. - Cỡ 24mm-40mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái/ Hộp	Cái	10
729	Vòng xoắn kim loại điều trị phình mạch máu não	- Có loại: 3D và 2D (Helical) - Chất liệu Coil platinum - Kích cỡ: 0.010 inch, 0.012 inch, 0.014 inch - Đường kính vòng: các cỡ - Cắt coil bằng bộ cắt coil điện tử	Hộp/1 cái	Cái	15
730	Vòng xoắn kim loại gây tắc mạch có thể thu lại coil	- Vòng xoắn được bao phủ dày đặc bởi các sợi dacron. - Cánh tay khóa đơn giản giúp tăng khả năng kiểm soát, độ chính xác và có thể thu lại coil để đặt lại khi chưa mở khóa. - Đường kính 2/6-22 mm và chiều dài đến 60 cm. - Hình dạng coil 2D, kim cương, khối lập phương, tiêu chuẩn.	01 cái/hộp	Cái	45
731	Vòng xoắn kim loại siêu mềm điều trị túi phình mạch máu não	- Vòng xoắn kim loại siêu mềm (coil) gây bít phình mạch máu - 2 dạng thiết kế: dạng xoắn ốc (Helical) và xoắn phức hợp (Complex hay 3D) - Phân loại: tiêu chuẩn (Standard), mềm (Soft) và siêu mềm (Super Soft) - Hệ thống vòng xoắn kim loại 10 và 18 tương ứng với đường kính sợi coil từ 0.012 inch->0.014inch - Đường kính coil: các cỡ - Chiều dài coil: Các cỡ - Có thể cắt coil bằng dụng cụ cắt chuyên biệt bằng điện		Cái	30
732	Xi măng sinh học cốt sống kèm dung dịch pha	- Loại xi măng có độ nhớt trung bình hoặc cao. Bao gồm xi măng dạng bột và dung dịch pha. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	15
733	Xi măng Xương	- Thành phần gồm: Polymethyl methacrylate, Barium Sulphate, Benzoyl Peroxide, Gentamicin Sulphate, Coloured Pigments. - Có kháng sinh - Lọ chất lỏng thành phần bao gồm: Methylmethacrylate, N,N-Dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone. - Độ nhớt trung bình, ứng dụng được cho cả bơm tiêm và nặn thủ công. - Quy cách: ≥ 40g		Gói/Hộp	5
734	Xi măng xương có kháng sinh	- Xi măng xương có kháng sinh (0.28g kháng sinh/20g bột). - Dung dịch pha chứa: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chất tạo màu.		Gói/Hộp	15
735	Xi măng xương không kháng sinh	- Thành phần: Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), zirconium dioxide, hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII. - Dung dịch pha 20ml một ống chứa: Methyl methacrylate, N, N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII, - Chất tạo màu chlorophyll đánh dấu vị trí của xi măng trong phẫu thuật.		Gói/Hộp	5
736	Xương nhân tạo dạng hạt các cỡ	- Bao gồm hydroxyapatite ≥ 60% và beta-tricalcium phosphate ≥ 40% - Có độ xốp cao ≥ 70%. - Kích thước lỗ 300 ~ 600µm - Dung tích 5cc - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	15
737	Xương nhân tạo dạng khối 5cc các cỡ	- Dạng khối 5cc - Bao gồm hydroxyapatite và beta-tricalcium phosphate. - Có độ xốp cao 70%. Ngoài ra các lỗ xốp được kết nối với nhau với kích thước lỗ 300 ~ 600µm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE		Hộp	15

STT	Tên vật tư mời thầu	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đvt	Số lượng
738	Xương nhân tạo dạng khối các cỡ	- Bao gồm hydroxyapatite $\geq 60\%$ và beta-tricalcium phosphate $\geq 40\%$ - Có độ xốp cao $\geq 70\%$ . - Kích thước lỗ 300 ~ 600 $\mu$ m - Dung tích 5cc - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		Cái	5
739	Ống thông dẫn đường can thiệp các loại	- Đường kính trong lớn loại 0.070" và 0.088". - Chiều dài 80-105 cm - Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F hoặc 6F/6F tùy loại. loại đầu đa dụng MP.		Cái	10
740	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	- Chất liệu: Nitinol. Phủ lớp ưa nước. - Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F. - Đường kính trong lớn nhất, đầu xa có các kích thước: 0.062"; 0.068"; 0.072". - Chiều dài $\geq 132$ cm		Cái	20
741	Mũi khoan sọ não tự dừng, sử dụng 1 lần	- Mũi khoan sọ tự dừng dùng trong phẫu thuật thần kinh, sử dụng 01 lần. - Đường kính 11/14mm; - Cơ cấu nhà khóa an toàn thích hợp cho cả xương phẳng và xương nhám; - Đầu cắt có mũi trung tâm chống trượt; - Sử dụng được trên độ dày xương sọ ở 1.0, 2.0 và 3.0mm, - Tương thích với máy khoan; - Dùng được cho cả người lớn và trẻ em. - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE, xuất xứ G7		Cái/Mũi	60

K.S. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Hoàng Văn Dũng

Công ty: ...  
Địa chỉ: ...  
Điện thoại: ...  
Email công ty: ...  
Người phụ trách: ...

Điện thoại:

Email: ...

**BIỂU MẪU**  
**BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA**

Kính gửi: **BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

Theo yêu cầu báo giá số ..... ngày ..... của Bệnh viện thành phố Thủ Đức, Công Ty ..... trân trọng gửi đến Quý Bệnh viện biểu bảng chào giá gói ..... như sau:

STT	STT theo DMCG	Danh Mục theo HSCG	Tên thương mại của hàng hóa	Tên thương mại chuẩn theo QĐ 5086	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tính năng kỹ thuật hàng hóa chào giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá chào	Đơn giá công khai trên công khai giá BYT	Mã kê khai	Hãng/ nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Ghi chú
1						Đề nghị thể hiện đúng yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa chào giá, không copy tính năng kỹ thuật chào chào	Đề nghị thể hiện đúng quy cách của hàng hóa chào giá, không copy quy cách mời chào chào	Đề nghị thể hiện đúng đơn vị tính của hàng hóa chào giá, không copy đơn vị tính mời chào chào							
2															
3															
4															
5															
6															
7															
8															
9															
10															
11															

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày tháng năm 2025.

- Chúng tôi cam kết:

- + Không đăng trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- + Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- + Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Lưu Ý:

Cột STT theo DMCG nhà thầu vui lòng cập nhật đúng số thứ tự tại danh mục mời chào giá của Bệnh viện

Nhà thầu cập nhật đầy đủ thông tin tại mẫu chào giá gửi ban công giá gửi ban công theo địa chỉ tại thư mời chào giá và file điện tử qua email: phongngvu.bvtd@gmail.com

Mọi vướng mắc Quý nhà thầu vui lòng liên hệ theo số ĐT: (02822)444167 - Gặp Mrs Sinh

TP.HCM, ngày tháng năm 2025  
**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**  
Giám đốc



